



số đặc biệt

NHÀ VĂN

VÕ HỒNG



**tập san VĂN  
số . . .**

**số đặc biệt :  
nhà văn Võ Hồng**



**Paris \* 02-2026**

***Bìa : chân dung Võ Hồng***  
***Nguồn : Thư quán bản thảo***

**tập san VĂN**  
**SỐ . . .**

**nhà văn Võ Hồng**

**Tập san Văn \* Năm thứ 11**  
**Số . . . ra ngày 01-02-1974**



Tập san Văn học Nghệ thuật  
Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng  
Năm thứ mười một / số ... /  
Ngày 15-02-1974



Số đặc biệt:  
Nhà văn **Võ Hồng**  
đọc trong số này:

<b>Thủ bút của</b>	<b>11</b>
Nhà văn Võ Hồng	
<b>1. Tòa soạn Văn</b>	<b>12</b>
Tiểu sử Võ Hồng	
<b>2. Giai phẩm Văn</b>	<b>18</b>
Phỏng vấn Võ Hồng	

- 3. Tuệ Sỹ** **57**  
Chiến tranh, tình yêu, hoài niệm  
và truyện ngắn Võ Hồng
- 4. Cao Huy Khanh** **82**  
Đọc Võ Hồng : truyện tình của giới  
trung lưu
- 5. Phạm Công Thiện** **128**  
Trích thư Về Nguồn
- 6. Trần Thiện Đạo** **142**  
Miệng ngà khéo chạm
- 7. Cao Thế Dung** **150**  
Tiểu thuyết Võ Hồng, quê hương,  
trí nhớ và con người
- 8. Mang Viên Long** **195**  
Võ Hồng, những lần gặp gỡ
- 9. Trần Hữu Cư** **236**  
Võ Hồng, những bước chân hiu  
quạnh trong đời sống

**10. Châu Hải Kỳ** **262**

Khía cạnh giáo dục trong tác phẩm  
của Võ Hồng

**11. Giai phẩm Văn** **281**

Sinh hoạt văn nghệ

BÌA: Chân dung VÕ HỒNG



Tòa soạn và Trị sự: 38,  
Phạm Ngũ Lão, Saigon. Đ.T.: 23.595

Tập san xuất bản do nghị định  
số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

\* Chi phiếu đề tên ông Nguyễn  
Đình Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ  
bút)

\* Thư từ, bản thảo, đề tên ông  
Nguyễn Xuân Hoàng (thư ký tòa  
soạn)

\* Giao thiệp trực tiếp: ông Gia  
Tuấn (phụ tá thư ký tòa soạn)

\* In tại nhà in riêng của báo  
VĂN.

\* Quản lý: Cô Nguyễn thị Tuấn.

## Thủ Bút Của Võ Hồng

Hơng đã hưởng được gì ở mùa Gối ? Nghe  
 một tiếng chim từ hủ vào đầu mùa hè,  
 ngửi một mùi thơm của hoa mui ở trong  
 bụi chuối, như những cơn chiều chiều  
 Gối. Lớn lên này trời sau cơn mưa... không  
 thấy vui đó quá nhớ do với trời khô và  
 nắng và ánh. Gió ai ở trong nhà, gió ai  
 đến chậm chậm một chút để kịp cho tôi ăn  
 loại cơm đẹp tốt những khô này.

Võ Hồng

# **GIẢI PHẪM VĂN**

## **Tiểu sử Võ Hồng**

Võ Hồng sinh ngày 5 tháng 5 năm 1921 tại làng Ngân Sơn, Quận Tuy An, Tỉnh Phú Yên (Trung Việt).

Từ 1929 đến 1932: học ở trường làng Ngân Sơn

Từ 1932 đến 1933 : học ở trường Phủ Tuy An

Từ 1933 đến 1936; học ở trường Tỉnh Sông Cầu

Từ 1936 đến 1940: học ở Collège Qui Nhơn

Từ 1940 đến 1943 : học ở Hà Nội

Thời Chính phủ Trần Trọng Kim, ông làm Bí thư tòa Tổng Đốc bốn Tỉnh Cực Nam Trung Việt (Lâm Viên, Đồng nai Thượng. Bình Thuận, Ninh Thuận) đóng tại Đà Lạt. Trong thời Kháng chiến, ông làm Hiệu trưởng một trường Trung Học tại Liên khu Năm. Hiện ông là Giáo sư và là Hội viên Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục.

Ông có ba con, hiện đang đi học. Vợ ông là Giáo sư Anh văn và Dương cầm đã từ trần năm 1957.

Truyện ngắn đầu tay của ông

đăng trên Tiều Thuyết Thứ Bảy (Tân Dân, Hà Nội) năm 1939 Tác phẩm in đầu tay của ông là Hoài Cổ Nhân, xuất bản năm 1959 Tác phẩm của ông được nhiều soạn giả trích làm bài Giảng văn ở bậc Trung học kể từ năm 1963.

Ông đã cộng tác với các tạp chí Bách Khoa, Văn, Văn Hữu, Mai, Giáo Dục Phổ Thông, Giữ Thơm Quê Mẹ, Tin Văn, Tân Văn...

Tác phẩm đã xuất bản

1. Hoài Cổ Nhân

Ban Mai xuất bản 1959 (Lá Bối tái bản 1060)

2.- Lá Vắn Xanh

Thời Mới xuất bản 1962

3.- Vết Hằn Năm Tháng

Lá Bối 1965

4.- Con Suối Mùa Xuân

Lá Bối 1966

5.- Khoảng Mát

An Tiêm -1966

6 -Hoa Bươm Bướm

Lá Bối 1966

7. Người Về Đầu Non

Cơ sở Văn 1968

8. Bên Kia Đường

Mặt Trời 1968

9. Gió Cuốn

Lá Bối 1968

10. Những Giọt Đắng

Lá Bối 1969

11. Áo Em Cài Hoa Trắng

Lá Bối 1969

12- Nhánh Rong Phiêu Bạt

Lá Bối 1970

13. Trăm Mặt Cây Rừng

Lá Bối 1971

14. Như Cánh Chim Bay

Lá Bối 1971

Đã phát hành tập thơ mới nhất  
của **BÙI GIÁNG**

## **BÀI CA QUẦN ĐẢO**

**NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG** xuất bản

## **Giai phẩm Văn**

### **Phỏng vấn Võ Hồng**

G.P. VĂN : Ông Võ Hồng, ông viết văn tính đến nay đã lâu năm, chắc là ông có những kỷ niệm vui buồn dính dáng đến nghiệp văn chương của ông. Tôi nghĩ rằng độc giả của Văn cũng tò mò muốn biết những kỷ niệm đó.

V. H. : Kỷ niệm bao giờ cũng có tính cách riêng tư, mà đem chuyện riêng tư của mình ra nói tôi e sẽ bị coi là một người không khiêm tốn.

G. P. V. : Nhưng nhà văn sáng tác cho quần chúng, vì quần chúng mà làm việc thì trong quá trình sáng tác đó những nỗi vui buồn của nhà văn quần chúng cũng muốn chia sẻ. Vả chẳng trong số những độc giả của ông có nhiều người cũng đang nuôi cái mộng sáng tác như ông. Tôi nghĩ rằng kỷ niệm mà ông nói sẽ có thể giúp ích cho họ.

V. H. : Nếu vậy thì tôi nói. Thứ nhất là những kỷ niệm khó chịu. Xin đừng tưởng rằng nhà văn chỉ có những kỷ niệm êm đềm. Cái bực mình lớn nhất là độc giả hay đoán xem nhân vật trong truyện là ai, ở ngoài đời. Nhất là những nhân vật nữ. Trong một số truyện của tôi, tôi cho sự việc xảy ra ở thành phố Tuy Hòa, thành phố Nha Trang.

Thế là bà con Tuy Hòa, Nha Trang hay đoán xem chẳng hạn nhân vật Thanh Phương là ai, nhân vật Sử Tuyết Quân là ai, ở đường nào, xấu đẹp ra sao, hiện sống như thế nào. Không những đoán, họ còn cả quyết nữa. Và sau khi cả quyết, họ đem nhân vật đó ra phê bình, phê bình sự liên hệ giữa tác giả và nhân vật. Sự suy diễn càng lúc càng đi xa, sự tưởng tượng càng lúc càng thâm dột rồi rắm trong khi tác giả chẳng hay biết gì hết. Nhưng nếu sự suy diễn và sự tưởng tượng chỉ âm thầm thì thôi, tha hồ. Đằng này kết quả nhiều khi lại đập vào tác giả. Thế mới tội. Tôi ví dụ một trường hợp sau đây. Tôi có quen thân một gia đình, quen đến độ coi như bà con. Bỗng trong một thời gian tôi thấy sự giao thiệp giữa chúng tôi

có vẻ lơ là, ngượng ngập. Tôi tìm hỏi lý do. Sau nhiều lần che giấu, cuối cùng họ cho tôi biết rằng họ giận tôi vì có một kẻ kia nói rằng tôi đã đem công chuyện của họ viết trong một truyện nào đó. Hỏi truyện nào, thì họ nói không biết. Tôi mình xác rằng tôi chưa hề có ý đó và chân thành yêu cầu họ hỏi rõ người kia xem tôi đã viết trong truyện nào. Họ hứa sẽ hỏi, sẽ trả lời, bởi người kia cũng có hứa là sẽ cho biết. Hai tháng, rồi sáu tháng, rồi một năm qua. Cuối cùng mới vỡ lẽ ra rằng tên kia là một thứ Tartufie lem nhem.

Để tránh những trường hợp tương tự, trong một số truyện tác giả hay ghi thêm “đây là một truyện hoàn toàn tưởng tượng. Vậy nếu

ngẫu nhiên có sự trùng hợp về danh xưng, địa danh ở ngoài đời, đó là ngoài ý muốn của tác giả”, vân vân.

G. P. V : Nhưng nếu phải ghi chú kỹ càng như vậy thì gần như truyện nào cũng cần một cái mũ đó.

V. H. : Có một trường hợp này nữa. Trong truyện dài Gió Cuốn, tôi cho nhân vật Thuyên xuất thân từ trường Quốc gia Hành chánh. Anh ta thật là nạn nhân của thời đại, thời đại tham nhũng, thời đại áp-phe khi quân đội Mỹ hiện diện hơn nửa triệu ở Miền Nam, khi cuộc chiến đang giữa thời thịnh đạt. Thuyên mê tiền, Thuyên xui vợ vào làm sở Mỹ, Thuyên bỏ vợ

để theo Me Mỹ, Thuyên chửi vợ vì vợ không đem về quà Mỹ... Thật ra thì ở ngoài đời còn có lắm kẻ mang danh trí thức mà còn tệ hơn Thuyên nhiều. Họ còn nịnh bợ lòn cúi trắng trợn hơn, họ còn độc ác tàn nhẫn hơn, họ còn vô liêm sỉ đến độ dâng vợ hiến con. Vậy thì Thuyên cũng chỉ là một thứ “thường thường bậc trung”, mà thôi. Ấy vậy mà có một hôm tôi được nghe một người quen của tôi bảo nhỏ : “Anh X..., phó Quận trưởng quận Y... một hôm có than thở với tôi rằng ông V. H. có giận gì bọn tôi mà xây dựng nhân vật Thuyên tệ quá.” Tôi phải nhờ người bạn xin lỗi ông X., rằng tôi không có giận ai hết, - hoặc nếu có giận thì phải giận rất nhiều người. Những người xấu. Phàm nhân vật tiểu thuyết thì có người tối người

xấu, có ông nhà binh tốt và ông nhà binh xấu, có ông công chức nhã nhặn và ông công chức vô lễ, có người thợ thật thà và người thợ lưu manh. Vậy nếu trong một truyện nào đó mà người tác giả mô tả một quân nhân hồng hách hiệp đáp đồng bào thì chẳng lẽ lại kết luận thô sơ rằng ông ta nhục mạ cả tập thể giới cầm súng hay sao? Trong một vài truyện của tôi, tôi có mô tả ông giáo sư thủ đoạn, ông chánh chủ khẩu lừng khùng cầu an, như vậy chẳng lẽ giới giáo chức than thở rằng tôi đã nhục mạ nghề dạy học? Và nếu hễ nhà văn mượn nhân vật ở nơi giới nào thì giới đó than phiền, nhân vật xấu ở ngành nào thì ngành đó phản đối... như vậy thì đến một lúc nào đó nhà văn chỉ còn có thể viết về

con gà con vịt, về cái bàn cái ghế, về cây cối, về sông núi. Bởi đó là những nhân vật chót hết không hề biết lên tiếng, không biết làm kiến nghị, không biết nghệ thuật xuống đường.

G. P. V. : Tôi tưởng tình thế không đến nỗi bi đát như vậy.

V. H. : Vâng. Phàm đã nói thì phải nói cho cạn lẽ đó thôi, chớ tôi biết chính người than phiền cũng đã cảm thông với tác giả ngay khi nói điều than phiền, và trước khi nghe lời phân trần. Nhưng có trường hợp này thì tệ hơn. Tôi có một người cháu họ gọi tôi bằng chú. Nó có cảm tình với một thiếu nữ kia và hình như cả hai đang đi đến hôn nhân. Một hôm nó đến thăm

tôi như thường lệ và như thường lệ, sau khi hỏi thăm sức khỏe của Ba Má nó, hỏi thăm công việc làm ăn, tôi hỏi đến chuyện đôi bạn. Nó nói : “Bên nhà gái không chịu nữa.” Tôi hỏi vì sao vậy ? Nó nói : “Vì trong một cuốn truyện của chú mới xuất bản tháng trước có một nhân vật mà Ba cô ta nghĩ rằng chú đã mô tả giống y như ông. Ông giận, không gả con cho cháu nữa.” Thật là rối rắm. Tôi nói rằng tôi không hề biết ông là ai, và sự trùng hợp ngẫu nhiên này rõ ràng là một loại “tai nạn nghề nghiệp”. “Nếu cháu có lòng thương cô bạn của cháu và đau khổ thật sự về việc từ hôn này thì chú sẽ tới giải thích cho ông ta rõ vậy, tôi nói tiếp nhưng nó trả lời rằng nó đã giải thích rồi mà ông ta khăng khăng không nghe và bây

giờ tới phiên nó cũng khăng khăng không muốn giải thích tiếp.

G. P. V.: Tôi thích chữ tai nạn nghề nghiệp của ông.

V. H. : Dầu vậy mà tai nạn nghề nghiệp lắm khi cũng làm tôi giật mình. Số là trong quyển truyện dài Gió Cuốn, – lại quyền Gió Cuốn nữa, – tôi có để cho nhân vật Trác chiếm ngụ một cái vi-la đồ sộ ở góc đường Bạch Đằng – Trần nguyên Hãn. Thực tế thì khi viết tôi chỉ tưởng tượng ra một khu phố mới lập để cái vi-la của Trác có đủ diện tích đất mà trồng nhiều hoa, có lối đi rải đá cuội trắng. Có thể để Trác làm piscine và pergola nếu cần. Tôi chọn khu Xóm Mới vì nơi đây mỗi lô đất rộng tới năm trăm

mét vuông. Hơn nữa hiện nhà tôi cũng ở khu Xóm Mới và nếu các nhân vật cần lái xe di chuyển trong các chương sau thì tôi sẽ khỏi phải lúng túng mở bản đồ ra dò đường. Để cho tiện hơn nữa, tôi chọn con đường Bạch Đằng và con đường Trần Nguyên Hãn là hai con đường gần nhà tôi nhất. Tôi tưởng thế là yên chuyện ai ngờ truyện in dần từng kỳ trên Bách Khoa ngót một năm trời, truyện in thành sách do Lá Bối xuất bản, bán hết đã hơn ba bốn năm trời, thế rồi bỗng có một hôm, trong một buổi hòa nhạc, tôi được giới thiệu với một người. Người này nói chuyện về những cuốn truyện của tôi, nhắc đến quyển Gió Cuốn rồi chợt trong một lúc bất ngờ, người đó nói : “Tôi đọc ông kỹ lắm. Tôi yêu nhân vật Trác. Cái vi-

la của Trác tôi cũng có đến để coi cho biết nữa. Thật là một cái vi-la đẹp”. Tôi giật mình. Chỗ đó có vi-la thật sao ?... Tôi định khi về nhà sẽ đi tới ngay tại chỗ coi cho rõ cái vi-la đó nó như thế nào, nhưng rồi bận công kia việc nọ tôi quên mất. Có hồi nào chợt nhớ lại thì lại lý luận “Thôi, chuyện đã qua rồi, có muốn cũng không sửa lại được. Sau đó ba bốn tháng, một hôm nhân nói chuyện với một người bạn, tôi kể lại câu chuyện trên. Tức thì người bạn tôi trở mặt : “Tôi tưởng anh có ý tả cái vi-la đó chứ. Tôi tưởng anh biết rõ cái vi-la đó chứ”. Tôi lại giật mình lần nữa. Nếu đó là một địa điểm buôn lậu, là chỗ hành nghề bất hợp pháp thì thật là tai vạ tà đình. Ai sẽ chứng minh dùm sự vô tư của mình ? Ai sẽ hiểu giùm rằng

mình chỉ là kẻ đi dưới đất mà mơ tưởng chuyện trên trời ?

G. P. V.: Nhưng rồi mọi việc đều yên ổn ?

V. H. : Không có gì xảy ra hết. Sách in ra, cho dù là loại best-seller thì cũng chỉ có một số ít người đọc thôi. Và người đọc thường cũng ít có ai tò mò kỹ như hai người bạn vừa nói. Nhưng từ đó rút kinh nghiệm, tôi ít dăm phiêu lưu trong việc chọn tên đường và gần số nhà. Nếu gặp trường hợp phải chọn một tên đường ngộ nghĩnh, - chẳng hạn đường Vạn Kiếp, - thì phải gần một số nhà thật lớn. Ví dụ số 802, số 957. Chẳng sợ chạm phải ai hết. Vì mọi con đường ở đây đều ngắn, con số già nhất không lên nổi tới

Ba trăm. Và khi cần chọn một chỗ cư ngụ cho một nhân vật quá tồi tệ, quá xấu thì tôi dẫn ngay nhân vật đó về ngụ tại đường Hồng Bàng. Như vậy là yên. Vì Hồng Bàng là con đường của tôi đang ở, Khởi còn ai chê trách gì nữa. Bà Đức Lợi, nhân vật tàn ác hết chỗ nói trong truyện dài Nhánh Rong Phiêu Bạt, tôi cho ở tại đường Hồng Bàng. Nhà bà có cây trứng cá đứng ở trước sân. Hàng rào có cổng gạch, dựng bằng những tấm lam đúc xi măng và quét vôi. Đúng y như nhà của tôi. Như vậy để độc giả khỏi thắc mắc là tôi muốn ám chỉ ai. Mình lãnh cái xấu để độc giả họ nhận cái tốt.

G. P. V. : Nhưng từ nãy giờ ông chỉ nói đến những kỷ niệm khó chịu. Chẳng lẽ nhà văn chỉ được

sống với những kỷ niệm khó chịu  
thôi sao ? Nếu thế thì bao nhiêu  
độc giả sắp-sửa-trở-thành-nhà-  
văn của ông sẽ nản lòng hết còn gì  
?

V. H. : Hẳn nhiên là tôi sẽ nói  
đến những kỷ niệm dễ chịu. Trước  
hết là một chuyện có vẻ hơi khôi  
hài. Hình như hồi đó là năm 1965  
thì phải, tôi đang thuê thợ xây nhà.  
Nhằm lúc thiên hạ đua nhau xây  
cát, vật liệu kiến trúc khan hiếm,  
xi măng thiếu, sắt thiếu, thậm chí  
đến gỗ dầu cũng phải tranh giành  
nhau mà mua ở các vựa gỗ. Trải  
qua được các giai đoạn đúc móng,  
đúc trụ, xây tường, lắp cửa... đã  
một bỏ hơi tai, giờ đến giai đoạn  
mua gạch hoa để lót nền, nhưng  
đến hiệu gạch nào cũng thấy trống

trơn, hỏi hiệu nào cũng không nhận com-măng của mình đặt. Con tôi rảo xe đi khắp cả thành phố mà cứ đành về không. Cuối cùng nó nài nỉ một hiệu kia và may quá người ta nhận giao hàng cho nó trong năm ngày. Hỏi làm sao mà con vận động tài tình vậy thì nó cười : “Chẳng là bà ta hỏi sao con còn nhỏ mà lại đi mua vật liệu xây cất nhà, chớ cha mẹ đâu sao không đi mua. Con nói hoàn cảnh của gia đình mình. Bà ta hỏi nà tới, con lỡ miệng nói thêm. Khi được biết Ba là nhà văn, bà ta nói bà ta có đọc truyện của Ba và bà ta thuận bán cho hai ngàn tấm gạch”. Cha con chúng tôi cười một bữa no nê về sự thành công bất ngờ này của nghiệp văn chương. Dù sao đó cũng là một sự thành công cụ thể dầu không rực rỡ lắm.

G. P. V.: Chuyện của ông có thể được xếp vào giai thoại văn chương và tôi chắc ai ở trường hợp ông cũng cảm động.

V. H. : Tôi cũng chắc vậy. Từ các độc giả, thỉnh thoảng tôi nhận được những món quà bất ngờ, thường nhất là hoa vào dịp Tết. Có khi là một cành mai, một cành đào, một cành anh đào, có khi là một giò lan, một giò mận, một cái áo len. Độc giả nam phái có trò chơi này cũng hay. Một độc giả tửu đồ lái xe từ Qui Nhơn vào, mang theo gói cá đã bào chế sẵn, mang theo cả bánh trắng, rau, ớt, khế, dưa leo Cả hai chai nước chấm và hai chai rượu. Ông ta vào nhà, tự giới thiệu rồi ra xe lễ mễ bưng các món nhậu vào. Nhằm hôm đó tôi có ba người bạn

thân đang ngồi nói chuyện. Vậy là chúng tôi họp lại tất cả năm người, chiếu cổ tận tình cho đến giọt rượu chót.

Một ông độc giả Dược sĩ ở Ban Mê Thuật xuống thăm, đem theo khô nai và một túi ni-lông có đựng một thứ nước chi trong vắt. Ông gọi chị ở của tôi mang lên một cái đĩa sành. Ông đổ chất nước đó vào đĩa, bật diêm đốt lên để nướng khô nai. Chừng đó tôi mới biết là rượu cồn. Tôi chợt nhớ đến ông Vương Hồng Sển năm xưa có rao trên báo rằng tới ngày đó tháng đó là sinh nhật thứ 70 của ông, bằng hữu nào có muốn đến mừng sinh nhật thì xin đem theo món nhậu, chớ ông muốn thết bạn mà không có đủ phương tiện. Nhưng tôi sẽ không

dám nói dài dòng ở mục này, bởi nói về mình thì nên nói cái dở hơn là nói cái hay, cái dở dễ tin còn cái hay thì người ta có thể nghi ngờ. Có một kỷ niệm dễ thường này mà tôi chắc nhiều nhà văn khác cũng có gặp như tôi nhưng tôi được có cái may là tôi được thông báo trong khi một số các nhà văn khác không được thông báo. Câu chuyện xảy ra như thế này.

Có một buổi xế nọ, năm kia, có một người đàn ông và một người đàn bà đến gõ cửa nhà tôi. Người đàn ông tuổi cỡ 36 - 37 và người đàn bà tuổi trạc 27-28. Người đàn ông cầm ô đen, mặc com-lê nỉ màu tối. Cả hai tự giới thiệu là ở Đà Lạt xuống. Sau một tuần trà nước, câu chuyện trở nên thân mật và người

đàn ông trình bày rằng hai người là một cặp vợ chồng mới cưới nhau. Họ xuống Nha Trang hưởng tuần trăng mật và họ tìm đến thăm tôi bởi tôi là ông Mai đã tác thành cho họ. Ông thử tưởng tượng tôi đã ngạc nhiên đến mức nào, tôi đã làm Mai cho họ hỏi nào đâu, khi cả hai tôi đều chưa biết mặt. Người đàn ông mỉm cười, dịu dàng tâm sự. Thì ra ông ta làm chủ một tiệm chụp ảnh ở Đà Lạt. Sáu tháng trước, cô nàng ngồi trước mặt tôi đã đến hiệu ông ta chụp một ảnh bản thân. Chụp xong, hẹn ngày tới lấy hình. Đến ngày hẹn, cô tới. Cô bước qua khế, đứng ở cửa hỏi nào mà ông ta không hề hay biết bởi ông đang mê mải đọc sách. Khi ông ta chợt ngừng lên thấy cô, ông vội vàng ra

tiếp, vừa xin lỗi. Ông ta hỏi cô đến  
hồi nào. Cô nói đến đã gần mười  
phút mà thấy ông mê mải đọc sách  
nên cô không dám quấy rầy. Cô hỏi  
ông đang đọc sách gì vậy. Ông ta  
lật bìa sách cho cô coi và cô nói cô  
cũng đã đọc cuốn đó. Hai người  
nói chuyện xoay quanh nội dung  
cuốn sách, kỹ thuật hành văn, và  
từ đó họ trao đổi những quan niệm  
về nghệ thuật, những quan niệm  
về nhân sinh. Sau đó, họ hẹn gặp  
nhau nhiều lần, họ tìm hiểu nhau  
hơn, họ có cảm tình với nhau và  
họ cưới nhau. Cưới xong, họ quyết  
định xuống Nha Trang, tìm gặp tôi  
để cảm tạ bởi vì tôi là tác giả cuốn  
sách mà ông ta đã đọc khi cô nàng  
bắt gặp. Đó là cuốn Khoảng Mát do  
nhà An Tiêm xuất bản. Họ đã đem

tôi ra làm đầu đề thảo luận, đem tôi ra mổ xẻ, để đến cuối cùng họ quen nhau, hiểu nhau.

G. P. V. : Câu chuyện ông vừa kể, nếu không ghi làm giai thoại văn chương thì có thể chép vào cuốn Tình Sử của thời này. Đúng như ông đã nhận xét, nhiều tác giả đã đóng vai ông Mai cho hai kẻ yêu nhau, chỉ tiếc là họ không biết. May mắn là ông đã gặp hai người có tâm hồn nghệ sĩ.

V. H. : Thật đúng là một cặp vợ chồng nghệ sĩ. Chớ bình thường, trong những trường hợp tương tự, người tác giả chỉ là cái cớ, chỉ đóng vai hờ một cách mờ nhạt. Khi họ yêu nhau thật kỹ rồi thì đã hết mọi tác phẩm, dẹp hết mọi tác giả.

G. P. V.: Chắc ông còn gặp nhiều chuyện thú vị bất ngờ khác. Lý do là vì ông viết văn ký tên thật chớ không lấy bút hiệu. Khi đi đến đâu, ông chìa thẻ căn cước ra, người ta đọc thấy tên ông là người ta có thể bắt chuyện với ông.

V. H. : Nếu xét về điểm đó thì tôi thấy ký tên thật nhiều khi có lợi hơn ký bút hiệu. Có điều tôi ít có dịp tiếp xúc với các cơ quan, ít đi đây đi đó nên tôi ít được gặp những chuyện thú vị bất ngờ như ông nói. Cũng có thể là họ đọc tên tôi, biết tôi là tác giả nhưng thường thì họ làm như không để ý, không hề biết. Đó là thái độ tự vệ, tự kiêu, rất đổi thông thương. Thỉnh thoảng cũng gặp có người cởi mở tự nhiên. Như mấy cô Air VN ở trạm Phạm

Ngũ Lão. Có một lần tôi y theo giờ ghi trong vé, đến trạm lúc 6 giờ rưỡi. Cô phụ trách cầm lấy vé, dò lên bản manifeste rồi bảo tôi chịu khó đợi hai giờ nữa vì chuyến bay hoãn lại hai giờ. Sau hai giờ, tôi trở lại. Khi tôi trình vé lần nữa để đổi vé lên tàu thì cô phụ trách hỏi tôi có phải đúng là nhà văn V.H. không. Tôi bảo dạ đúng. Cô liền chỉ năm, sáu cô cùng ngồi kề bên vừa nói : “Đây là những độc giả vẫn ái mộ văn ông.” Tôi cảm ơn rồi xách hành lý lên xe ca.

Những trường hợp độc giả ngỏ lời khen một cách trực tiếp và tự nhiên như vậy rất hiếm. Thường thì họ dè dặt, mà họ dè dặt cũng phải. Họ sợ mình được khen lại hếch cái mặt lên, dương dương tự

đắc rồi sau đó ba hoa cái miệng. Chính bởi tâm lý đó mà đồng bào mình thường hào phóng trong sự chê và bủn xỉn lời khen.

G. P. V.: Có nên coi đó là một thái độ đúng không ?

V. H. : Tôi nghĩ không nên. Bởi tôi cho rằng một nhà văn mà nổi danh thì đã có gì gọi là sướng quá đâu ? Nó vẫn sống nghèo, nó vẫn chạy tiền mua gạo, chạy tiền trả tiền nhà, trả tiền ông bác sĩ và tiệm thuốc Tây. Nó vẫn âu lo, chật vật lúng túng như mọi người làm nghề khác, có thể còn tệ hơn bởi nó ít thực tế hơn, nhiều mơ mộng lý tưởng hơn. Cứ hỏi những cô thiếu nữ mà xem. Họ có thể yêu một nhà văn, một nhà thơ nhưng

khi lấy chồng thì họ chọn ông chủ tiệm giày.

G. P. V. : Ông vừa viết văn vừa làm giáo sư. Một số lớn các nhà văn khác cũng vậy, khi cần làm thêm một nghề để sống họ cũng hay chọn nghề dạy học. Vậy ông có thấy hai nghề đi phù hợp với nhau hay chống đối nhau ?

V. H. : Chống đối nhau. Nhà văn cần đi đây đi đó, cần sống nhiều cuộc đời mới có chất liệu phong phú mà mô tả cuộc đời. Vậy mà nghề dạy học đòi hỏi sự hiện diện đều đặn ở một địa phương nhỏ theo một thời dụng biểu cứng. Có lẽ nghề làm vườn thích hợp với nghề viết văn hơn. Ra cuộc đất chậm nửa giờ thì cũng không vì thế mà cố giết

chết mất lúa, bỏ phân chặm một ngày thì cũng không vì thế mà hoa tàn trái rụng. Chớ dạy học thì phải đúng giờ giấc. Đang viết có hứng cũng phải bỏ bút xuống đi dạy cái đã. Thêm nữa, nghề dạy học gò bó con người về mặt tư tưởng. Không nhiều thì ít, khó có thể viết phóng túng khi mình còn cầm viên phấn đứng trước bảng đen. Trường hợp Nahokov thật là hi hữu. Nếu ở Việt Nam thì đã có không biết bao nhiêu đoàn thể giáo chức, đoàn thể phụ huynh học sinh, đoàn thể bảo vệ Luân lý lên tiếng đả kích, mạt sát ông.

G. P. V. : Như vậy là không có sự phù hợp nào giữa công việc dạy học và công việc viết văn ?

V. H. : Thật ra thì hai nghề đó chẳng phù hợp gì với nhau hết. Đã làm giáo sư rồi thì e rằng chỉ nên mở tiệm sách để bán bút chì Gilbert và vở Cogido cho học trò. Đã làm nghề viết văn rồi thì đừng nên làm nghề nào khác nữa. Tuy nhiên, trong cái thế tương đối, một người làm văn mà đi dạy học thì cũng biết tìm những cái thú vị nho nhỏ. Cách đây mấy năm tôi có dạy Việt văn ở một lớp Trung học. Tôi cho học sinh phê bình trên giấy nội dung và hình thức một bài giảng văn trích của Võ Phiến, Sau khi thu bài, chấm bài, tôi chợt có ý kiến là chọn năm sáu bài có những nhận xét ngô nghĩnh, tôi bỏ vào phong bì và gửi tặng ông Võ Phiến.

G. P. V. : Phải chăng điều đó có nghĩa là học sinh thích được học với một giáo sư kiêm nhà văn ?

V. H. : Cái đó thì tôi không rõ lắm. Có thể như lời ông nói, học sinh họ thích những món lạ, chẳng hạn giáo sư kiêm nhạc sĩ, giáo sư kiêm ca sĩ, giáo sư kiêm võ sĩ. Chớ riêng tôi thì trong suốt bao nhiêu năm đi dạy, tôi không dám nhận dạy môn Việt văn. Ông nghe có vẻ mâu thuẫn không ? Là nhà văn, chúng tôi yêu tiếng Việt hơn ai hết, phụng sự cho tiếng Việt hơn ai hết. Nhưng khi dạy tiếng Việt cho học sinh thì thật là nản. Đến nỗi có lần tôi đã nửa đùa nửa thật mà nói với một lớp nữ sinh : “Đối với tiếng Việt, các cô là những bà mẹ chồng Các cô hành hạ nó, dày xéo

nó, vùi dập phũ phàng nó. Câu văn viết sao cũng được, bất chấp văn phạm, bất kể chánh tả. Trong khi với tiếng Anh tiếng Pháp, các cô chú chít nâng niu, sai một giới từ nhỏ, thiếu một chữ S, chữ R các cô xuýt xoa đấm đầu bút tai như vừa phạm tội trọng”. Thật vậy, sự coi thường tiếng Việt ở bậc Trung học đã đến độ trầm trọng. Ông sẽ làm được gì, nếu ông nhận dạy một lớp nào đó, - lớp Mười chẳng hạn, lớp Mười một chẳng hạn, - chỉ trong một niên khóa ? Giáo chức ở bậc Tiểu học chỉ cần dạy cho học sinh giỏi Toán, giáo chức ở Trung học chỉ cần dạy cho học sinh giỏi Lý Hóa, Toán, Sinh ngữ. Đó là những món tương đối dễ dạy vì có luật lệ nguyên tắc rõ ràng, đúng sai phân mình nên học sinh sợ, phải lo học.

Sang đến tiếng Việt thì học sinh coi thường đã đành mà giáo sư thì cũng mỗi thầy một cách, mỗi cô một cách, thậm chí ở đôi trường người ta còn dành môn Việt văn để chia vào phút chót cho những giáo sư nào không đủ khả năng dạy các môn khác. Ông tưởng tượng xem, ông sẽ bồi đắp những chỗ khiếm khuyết như thế nào ? Bằng cách nào ? Và đó là mới nói đến văn phạm, phần căn bản đặt được câu cho đúng. Đến phần kỹ thuật mô tả, kỹ thuật thuật sự v.v... bao gồm nhiều phương pháp, mỗi phương pháp bao gồm nhiều bài tập ứng dụng. Học sinh sẽ la Trời bảo sao Việt văn gì mà rắc rối vậy ? Cái gì lại làm bài tập, làm quá Anh văn vậy ? Cái gì lại có Luật 1, luật Hấp dẫn (Lol d'intérêt) luật 2, luật Hữu

ích (Loi d'utilité), luật 3, luật Hợp lý (Loi de Vraisemblance)... làm quá học Vật lý vậy ? Cuối cùng học sinh chối bỏ ông thầy. Họ tưởng viết văn hay là cứ ngồi xuống ghế, - nếu được nằm thì càng tốt, - vò cái đầu cho rối bù lên, mồi điếu thuốc Bastos xanh, uống một ngụm cà phê đen, tra cặp gương trắng vào rồi viết lung tung bất kể trời đất, chấm câu lung tung theo một cái yên-sĩ-phi-lý-thường chập chờn nào đó.

G. P. V. : Ông có “bi thảm hóa” vấn đề quá không?

V. H. : Thì cũng có một chút, một chút thôi. Buồn cười nhất là năm xưa khi đưa con đầu của tôi còn nhỏ, nó đi học, thầy ra bài luận

bảo tả con chó. Tôi bày cho nó cách nhận xét màu sắc, nhận xét hình dáng, nhận xét cử chỉ. Sang đến phần kết luận, phần cảm tưởng, tôi bảo nó cứ nói thật những cảm tưởng của nó đối với con chó. Nó tin lời tôi, biên đại khái rằng nó không ưa con Lu, tên con chó, – vì mỗi lần cầm cái bánh kem mà lơ đễnh là con Lu nhảy lên đớp cái bánh rồi chạy tuốt. Đến bữa ông thầy chấm bài, ông gạch thê thảm cái kết luận. Và ông sửa bên cạnh : “Tôi yêu con chó Lu của tôi lắm và tôi sẵn sóc nó chu đáo, tắm gội và bắt bọ cho nó... vân vân.. vân vân”. Con tôi đem bài luận ra bắt đèn. Tôi đành đèn cho nó một cái... bánh kem.

G. P. V.: Ông có nhận xét gì về câu chuyện đó ?

V. H. : Tôi nhận thấy rằng một số người dạy học còn ít nhiều câu nệ. Thích đường mòn lối cũ. Hễ tả con vật nuôi trong nhà thì phải “yêu nó lắm... vì nó giúp ích...” tả mùa Thu thì phải “sương giăng gió lạnh”. Với họ, phàm đã là lá thì phải xanh, mái ngói thì phải đỏ, vườn hoa thì phải đủ màu. Họ không lưu ý tạo hoàn cảnh cho học sinh phân biệt rằng tuy nói màu xanh nhưng có màu xanh đậm, xanh lợt, xanh pha trắng sảo, xanh ve chai, xanh da trời, xanh nước biển, xanh pha đen, xanh pha tím... vân vân... Một hôm nhân học sinh đọc bài giảng văn mô tả một nhân vật đang đói, tôi cho họ bổ túc thêm chi tiết bằng

cách nhớ lại những hiện tượng về cái đói mà họ có kinh nghiệm và tôi thấy rằng họ mô tả còn kỹ hơn bài giảng văn : đói chảy nước miếng, đói cồn cào trong ruột, đói mờ con mắt, đói quặn thắt ngang hông, đói lả mồ hôi, đói run ngón tay..

G. P. V. : Hình như từ nãy đến giờ khi đề cập đến nghề giáo sư ông chỉ nhắc đến những cảm nghĩ không được thoải mái. Ông có thiên kiến không ? Tôi tưởng rằng một nhà văn khi dạy học cũng có những kỷ niệm thú vị như khi ngoài đời nhà văn mua được gạch hoa và làm Mai cho ông chủ tiệm chụp hình ?

V. H. : Cũng có chớ, nhưng mà không có gì đặc biệt nên không nói chi. Á, có một năm xưa, ngẫu

nhiên tôi có dạy một giờ Công dân giáo dục ở một lớp Đệ Ngũ. Giờ trước lớp này học Việt văn với một cô giáo và bất ngờ mà bài giảng văn lại là bài trích văn của tôi. Khi tôi vào lớp, đang hồi bài cũ thì có tiếng học sinh cãi nhau. Tôi kêu ba người học sinh phạm lỗi đứng dậy để hỏi nguyên do thì một đứa thừa rằng nó nói tác giả bài giảng văn vừa rồi là tôi, nhưng hai đứa kia không chịu tin, cãi lại. Hai đứa kia nói rằng chắc là trùng tên chứ tác giả gì lại còn sống. Tôi nghe mà không nín cười được. Đối với các em học sinh cỡ mười ba mười bốn tuổi, hễ phạm tác giả những bài giảng văn có in trong sách là phải chết hết cả rồi.

G. P. V.: Cám ơn ông đã cho độc giả của Văn nghe những mẩu chuyện thật lý thú. Để kết thúc, tôi xin đặt một câu hỏi chót, có hơi lạc đề một chút. Đó là khi bước vào cổng tôi để ý thấy trên sân ông có trồng những bụi trúc. Hình như mới trồng, vì lần trước tới thăm ông tôi không thấy. Có phải rằng sự trồng những bụi trúc có liên quan đến một sự chuyển hướng trong tâm hồn ông ? Người ta vẫn thường quan niệm rằng cây Trúc là tượng trưng cho một tinh thần cao khiết ?

V. H. : Thực tế khá đơn giản ông ạ ! Những bụi trúc này là do máy ni-cô đem từ Phật học viện Hải Đức, vượt qua sườn núi đem xuống cho tôi. Trước đây có một

hôm tôi đứng nhìn bụi trúc ở Phật học viện, tôi có khen cái dáng đẹp thanh tao của nó và mấy ni cô có nhã ý sốt phần cái Đẹp đó đem xuống núi tặng tôi. Người xưa vẫn ca tụng cây trúc là “Tiết trực tâm hu”, tượng trưng cho tâm hồn của người quân tử. Tôi tự thấy không đủ cái Đức để làm bạn tinh thần của Trúc, mà chỉ làm bạn được với cái dáng đẹp thanh thoát của Trúc mà thôi. Ông xem, hoa Hồng, hoa Thược dược hương sắc rực rỡ đậm đà nhưng mau tàn mau phai mà sự chăm bón thì đòi hỏi nhiều công phu. Lá trúc lẫn tẩn, cành trúc manh mảnh... chỉ cần vài gáo nước mỗi ngày mà luôn luôn có màu xanh mát mắt, có dáng gầy thanh tao, tôi ở trong hoàn cảnh

đơn chiếc nên phải mượn Trúc làm bạn là do lẽ đó.

G. P. V. Thay mặt bạn đọc của Văn xin thành thật cảm ơn ông.

Giai Phẩm Văn

## Tuệ Sỹ

# Chiến tranh, tình yêu, hoài niệm và truyện ngắn Võ Hồng

Vết thương đã khô và đóng vảy. Một phần sự sống bị tước đoạt, bị loại bỏ, một cách chậm chạp nhưng chắc chắn. Một chút tình yêu, mơ hồ và khiêm tốn, cũng bắt đầu chớm dậy. Như một thứ định mệnh phi lý, một khi đã đến, nó không chịu vô cớ ra đi ; và

một khi ra đi, nhất định phải để lại vết hằn khổ nhục, một vết hằn năm tháng. Đó là một thứ quà tặng mà chất liệu là sự tàn phá, sụp đổ và mất mát, không có đền bù. Tình yêu cũng phi lý như chiến tranh, cả hai cùng ngoi đầu dậy từ những phá phách hỗn loạn của một cơn giận mông lung, vô cớ và vô nghĩa. Cũng như một cành gai nhỏ, đâm vào da thịt, cấu xé da thịt, nhức nhối ; ở đó, tình yêu lớn dần cùng với mức độ trưởng thành của sự chết trên một phần da thịt. Cho đến lúc phần đó được gỡ hẳn ra khỏi cái phần sống còn lại lớn lao kia, được ném xuống cho lăn lóc với cát bụi vô nghĩa, và lạc loài, tình yêu bỗng như rơi vào quầng trống mênh mông. Khuôn hình được tháo ra từng mảnh và được cho vào ngọn

lửa, để một quá khứ trở thành vĩnh cửu trong hoài niệm : “Lửa bùng lên. Đốt cháy những nụ cười, Đốt cháy những mơ mộng. Xuyên qua ngọn lửa, nàng mừng tượng thấy mình lùi lũi đi sâu vào rừng ngổ thâm u, bí mật Lá khô cựa mình dưới bước chân và ở trên cành có con sóc ngơ ngác nhìn theo. (Hoa Bướm Bướm, đoạn kết).

Ở đây, xin lấy thí dụ từ truyện dài Gió Cuốn. Truyện bắt đầu bằng vài trang sôi động. Những tiếng kêu tuyệt vọng, những ngón tay bầu vú mệt mỏi, tất cả sẵn sàng cho một cơn gió cuốn sẽ thổi lên bất cứ lúc nào, lên đôi mắt của con chim Á châu huyền bí êm như nhung, thổi lên những sợi tóc đen bay phất phơ trên làn da màu ngà,

lên đóa hoa hồng mọc ở mảnh đất nhiều biến cố đau thương này. Gió cuốn tiếng kêu tuyệt vọng đó vào một xã hội truy lạc, bản thủ, với những đồ phế thải của ngoại quốc. Đó là chứng tích khổ nhục của thời đại chúng ta. Nhưng khi tiếng kêu từ trong thâm tâm lặng lẽ đó hiện rõ với vóc dáng của một người làm sở Mỹ, dẫn về một quãng đời đã qua, với gia đình, với chồng con, truyện bắt đầu tỏ ra rời rạc, sự đối chiều giữa hiện tại và quá khứ không liên tục. Vậy, có lẽ tốt hơn chúng ta phải tự cắt rời từng đoạn để đọc. Cố nhiên, không phải vì thế mà chứng tích thời đại bị bôi xóa mất trong tác phẩm. Tôi muốn nói, cốt cách văn chương của Võ Hồng biểu hiện qua các truyện ngắn của ông hơn. Tuy nhiên, trên đây tôi

đã mượn truyện dài Hoa Bướm Bướm để dẫn vào tình tự trong các truyện ngắn của ông.

Nếu cần chọn một môi giới, về hình thức, giữa một truyện dài và truyện ngắn của ông, chúng ta có thể được đề nghị chọn Dấu Chân Sa Mạc (tuyển tập truyện ngắn, Con Suối Mùa Xuân). So với các truyện ngắn khác của ông, truyện này được viết tương đối là dài, 40 trang chữ nhỏ. Điển hình của một truyện ngắn được kết cấu tròn trịa. Nếu mở rộng thêm chi tiết, hoặc thêm nhiều động tác, nhiều đối thoại và nhiều tình tự cho các nhân vật, truyện có thể trở thành một truyện dài, với nội dung giản dị thích hợp cho đề tài qui tụ chung quanh đời sống đồng quê Việt

Nam. Cũng như đa số các truyện ngắn khác của ông, Dấu Chân Sa Mạc xoay quanh một nhân vật, với những tình cảm phức tạp và tế nhị. Tình cảm của người viết được bày tỏ về nhân vật cũng phức tạp và tế nhị không kém. Nhân vật chính bị đóng khung trong một thế giới cô đơn với những hiềm kỵ, xoi mói của người chung quanh. Những thất bại ngẫu nhiên mà một thứ định mệnh nào đó, nếu chúng ta không tìm ra danh từ tương xứng, đã vô tình giúp cho những người chung quanh có cơ hội trả thù một cách vô cớ. Sự trả thù của họ cũng hiền lành như đời sống thường nhật của họ. Bằng các lời đồn đãi thêu dệt, bằng cái nhìn xía xói, tất nhiên không gây thiệt hại gì cho kẻ bị trả thù, nhưng thiệt hại lớn nhất

cho nó là sa mạc cứ lớn dần.

Trên tất cả, chính thời gian là định mệnh ghê gớm nhất. Thời gian đã làm cho con gấu hung tợn đó bây giờ đã nhu mì. Vuốt đã hết bén rồi và khí huyết cũng không còn sung mãn nữa. (CSMX., Dấu Chân Sa Mạc). Thời gian đến và tàn phá tất cả những gì con người có, tài sản được tích lũy bằng những khôn ngoan vật lộn với đời sống lần lượt ra đi vì tuổi già không dung chứa ; sắc đẹp và niềm kiêu hãnh của tuổi thanh xuân cũng lần lượt ra đi vì tuổi già không chứa. Đó là hình ảnh đau thương và nhục nhã của cuộc đời người. (CSMX., đã dẫn). Tác giả cũng tự thấy mình đau khổ với nhiều ân hận như mình đã hòa với thời gian để trả thù, chua xót và

hồi hận khi trong óc vụt có ý nghĩ rằng khuôn mặt đỏ đã khác xa với khuôn mặt người bình thường; đã đồng lõa với thời gian vì đã để cho tuổi già, cho cái hình ảnh tiều tụy hôm nay nó cứ lẩn át, tranh giành, chực đề lên hình ảnh huy hoàng cũ, (CSMX., đã dẫn). Dem hiện tại đau thương của nó mà chồng lên quá khứ của nó, đề bẹp quá khứ huy hoàng của nó, dù sự thực là như thế, nhưng trong đời sống, chúng ta đã khéo lấy sự thực đó để trả thù một người, bất kể lạ hay quen. Cô Ba Hường, nhân vật chính của truyện, góa chồng sớm, giàu có và sang trọng nhất làng. Cô ít hăng hái bàn chuyện lứa đôi của mình. Cô chỉ thích nói tới ruộng đất, giá lúa giá nếp cao hay thấp, đập Tam giang hay đập Đồng cháy, nước lên

nước xuống mực nào. Nhưng khi người đàn ông góa vợ nhà ở sát vách cưới vợ, hôm đám cưới tấp nập, nhà cô không thắp đèn, dấy lan can trước nhà cô đêm đó chỉ còn là một khối bóng đen đặc sệt. Và sau đó, nét mặt có Ba Hường chùng như già đi. Cũng vẫn khuôn mặt đó không gầy ốm suy hao gì nhưng mà nhìn lên thấy mất đi cái phần tinh anh rực rỡ, như một tấm gương đã mờ mờ nước thủy. Giữa một khung cảnh đầy những cặp mắt tò mò, tình yêu cũng đơn giản như đời sống của mọi người, nhưng cũng tế nhị và cô đơn như muôn thuở của loài người. Khi tuổi già đến và thời gian cướp mất thanh xuân, tình yêu không còn là sự rung động tế nhị, mà là một bãi sa mạc mênh mê, không có ai để

bàn tính sau đó, không có gì để cân nhắc trước đó, trước mặt, sau lưng, bên phải, bên trái đều là sa mạc... có bước đi giữa cuộc đời còn sót lại lạc lõng mơ hồ như người đi trong giấc mộng. Tất cả đều chập chờn hư ảo. Chặng đường cuối cùng của người lực sĩ đuối sức (đã dẫn, rải rác).

Cuối cùng cô chết trong lặng lẽ, không ai chứng kiến. Quả tình là chặng đường đi đến năm mờ dễ dàng và thoải mái nhiều hơn so với những chặng đường nhọc nhằn cam go mà cô đã đi mấy năm gần đây khi già yếu và nghèo nàn, cô đơn và bị đời lạnh lùng hắt hủi. Tình yêu và sự chết cũng cô đơn như nhau ; khi cả hai cùng gặp gỡ, người ta mới thấy sự cô đơn đó, và

chỉ có thể thấy khi cả hai cùng đi vào thế giới im lặng thiên thu.

Truyện điển hình thứ hai mà tôi muốn nhắc đến, Những bí mật của anh Đỗ Cúc, (Vết Hằn Năm Tháng) Tình tự nội dung không buộc chặt vào nhân vật chính, qua một bút pháp đặc biệt. Đó là sự trải dài của câu chuyện, như một cách không cố ý. Có thể nói, đây là một mẫu truyện ngắn không cần kết cấu, và người đọc dễ dàng theo dõi, một cách thích thú, những đoạn văn dí dỏm một cách nghiêm trang. Anh Đỗ Cúc, nhân vật chính, làm luận văn hay và viết thư tình cũng hay như một nhà văn viết tiểu thuyết lãng mạn, tổng hợp cái lãng mạn văn chương đủ mọi phía. Anh không cần thấy, không cần biết cây

thùy dương là cây quái gì, mà vẫn tả được tiếng gió rì rào nơi ngọn lá thùy dương trên bãi biển. Anh không cần biết căn phòng của cô học trò mà anh mơ tưởng ra sao, cũng vẫn cho vào bức thư tình được chum hoa bên rèm cũng như nhớ nhung ai mà từng cánh tả tơi theo gió. Lớn lên, anh lấy vợ cũng bình thường và dễ dàng như làm luận văn ở trường. Gia đình, vợ con ngăn nắp như bố cục của bài luận. Anh sống không thắc mắc, không lựa chọn, chỉ theo một bố cục nào đó đã cho sẵn. Nói chuyện với những người như anh không phải dễ, nếu không tình cờ khám phá ra sự bí mật của bố cục kia.

Phần lớn các truyện ngắn của Võ Hồng đều được viết với bút pháp

điềm tĩnh như mẩu truyện điển hình này. Chúng chỉ khác nhau về thắt mắc nào đó của người viết. Ông viết truyện ngắn như một người khách qua đường, đi suốt một đoạn, khách ngồi lại nghĩ và thắt mắc về đoạn đường đã qua, trộn lẫn một ít tình cảm hay tư lự và cân nhắc. Thời gian cho các biến cố là một đoạn thẳng. Chúng kế tiếp nhau, tuần tự. Trong một vài truyện ngắn khác, như truyện Dốc Hiểm Nghèo (Khoảng Mát), thời gian cho các biến cố cũng đôi khi chạy theo một vòng tròn. Nhưng chúng cũng xuất hiện theo tuần tự tiếp nối. Vì vậy, chúng ta thấy kết cấu trong một truyện ngắn của Võ Hồng rất giản dị, y như hình thức một bài thơ tuyệt cú của Đường thi. Sự giản dị đó dễ gây cho người

đọc có cảm giác như một hoài niệm nhẹ nhàng và mông lung.

Chúng ta có thể được dẫn tới hoài niệm về những hình ảnh của đồng quê Việt Nam. Đời sống theo nhu cầu tiến bộ, mà các phương tiện của văn minh khoa học có thể cung cấp, trong cái thêm có cái mất. Nếu anh Hoạt, nhân vật trong truyện ngắn *Hãy Đến Chạm Hơn Nửa* (tập truyện *Trâm Mặc Cây Rừng*), nếu được ra đời sớm những ba mươi năm, có lẽ khoa học đã giúp anh thoát khỏi sự dày vò thân thể của chứng bệnh cùi. Vào cái thời của anh, anh có thể nghe một tiếng chim tu hú vào đầu hè, ngửi một mùi thơm của hoa mù u trong buổi chiều, nhìn những con chuồn chuồn đảo lộn trên nền trời

sau cơn mưa... những niềm vui đó quá nhỏ so với nỗi khổ đè nặng của anh.

Thời gian, trong sự tiến bộ chung của một dân tộc hay một xã hội, mang lại nhiều thịnh vượng và bảo đảm cho đời sống theo đà gia tăng của các nhu cầu, nhưng đồng thời cũng làm vơi bớt những niềm vui trong trắng ngây thơ của những ngày xuân êm đềm. Cái bàn ủi bằng đất sét mà chú Ba cặm cụi nung để hi vọng ngày Tết có áo quần mới dĩ nhiên không dùng được... An ngậm ngùi nhìn cái di tích của thời thơ ấu êm đềm nay không còn nữa, có chăng cũng chỉ ở trong cái ký ức bề bộn của chàng thôi. (Ngày Xuân êm đềm, tập truyện Lá vắn Xanh.)

Hoài niệm tuổi thơ gắn liền với một tình yêu quê hương mông lung. Yêu cánh đồng, yêu tiếng chim tu hú, những con chích chòe nhí nhảnh chuyền cành, những con chiền chiện mãi miết tước lá cau về làm tổ, các con mương nhỏ mọc đầy khoai môn khoai sếp. Lớp trẻ lớn lên, đổ nhau về thành phố để tìm đường sống. Trưởng thành luôn luôn đi đôi với mất mát.

Trưởng thành, và mất mát, người ta có thể thành công trong nhiều phương diện, nhưng có một thứ thất bại lớn lao không thể đền bù tương xứng. Đó là sự mệt mỏi. Sự mệt mỏi này đầy trong các truyện ngắn của Võ Hồng. Nó có thể là sự khôn ngoan của một người từng trải, biết cân nhắc sáng suốt về

tình yêu. Nó có thể là câu chuyện hằng ngày của những người láng giềng ở thành phố. Nó có thể là chuyện của một người bị tòa đòi ra làm chứng. Các truyện ngắn rải rác chung quanh đề tài này cũng thường cho chúng ta thấy cá tính của truyện ngắn Võ Hồng.

Một truyện ngắn đặc sắc khác, với ám ảnh kỳ lạ hiếm thấy trong đa số các truyện ngắn của Võ Hồng, ngoại trừ bút pháp và tình tự không mấy khác. Tôi muốn nói truyện ngắn Lá Vắn Xanh. Truyện viết một nhân vật bị ám ảnh ngày tận thế, chỉ vì một mẩu tin ngắn gần như không quan trọng và ít ai chú ý được đăng trên báo. Nỗi khổ tâm của nhân vật chính là mọi người chung quanh có vẻ ngây thơ

trước một tai họa to lớn như vậy. Anh thương hại sự ngây thơ của họ và âm thầm đau khổ trong cô đơn lặng lẽ với ám ảnh của mình. Truyện kết cấu không giống như đa số các truyện khác. Câu chuyện ngày tận thế cũng được mọi người bàn tán, ngay cả trong ngày tết. Nhưng cuối cùng, để chấm dứt câu chuyện, người ta vẫn chúc nhau một năm phúc thọ khang an. Ngày tận thế, dù là tai họa khủng khiếp sẽ giáng xuống cho nhân loại, cuối cùng cũng chỉ là chuyện phiếm. Riêng với nhân vật chính, nó không hề là chuyện phiếm. Người ta nói xong rồi quên liền sau đó. Anh thì nhớ mãi và không ngớt đau khổ. Anh chờ đợi, chỉ còn năm ngày, rồi bốn ngày, và cuối cùng, buổi sáng thức dậy đánh răng, anh chuẩn

bị cho ngày tận thế hôm đó. Anh đợi từng giờ. Cho đến khi anh lên giường ngủ, và giấc ngủ cũng đến một cách bình thường. Thật quá không xứng với những giờ quyết liệt còn sót lại. Ngày hôm sau, anh thức dậy, vẫn như mọi ngày, nhưng thêm một câu nói già từ : Thế là hết tận thế. Quả thật, chúng ta cô đơn và đau khổ trong một thế giới hải hùng, mà bên ngoài mọi sự vẫn lạnh lùng trôi qua như thế ư ?

Truyện ngắn điển hình chót hết mà tôi muốn nói trong bài này, đó là truyện Tình Yêu Đất (trong tập truyện Vết Hằn Năm Tháng).

Truyện bắt đầu bằng những động tác hăng say của người yêu đất : Lão Túc. Thế giới như bùng

sáng và sôi động vì tình yêu chân thành của người và đất. Truyện xoay quanh sự trưởng thành của cuộc đời Lão Túc và sự trưởng thành của mảnh đất mà lão khai khẩn. Bởi vì cuộc đời của lão cũng đơn giản như đất, nên lão dễ dàng nghe được những vui mừng của đất, và do đó đất cũng rộng lượng bao dung đối với lão hơn cả mọi người, đất hiểu lão hơn cả vợ lão, con lão. Ngày lão lên xã làm giấy khai đất, lão thấy lòng rộn ràng băng khuâng. Ai hỏi lão có phải ở dưới đất về hay không, lão nghe bốn tiếng đó làm mát một nơi nào trong bụng lão... ở dưới đất về !... Đó là điệp khúc của một bài ca làm say sưa tâm hồn lão như mới ngày nào đây, lúc còn thanh niên, lòng lão rung động theo câu hò điệu hát

huê tình... Và tối hôm đó, sau bữa cơm, lão bắt chõng ra nằm dưới hiên, nhìn lên bầu trời lấm tấm sao... với tình yêu đất. Cho đến khi lão bị rấn hổ cắn, trước giờ hấp hối, lão còn thốt lên được mấy tiếng về mảnh đất của lão, miếng đất Gò đình..., rồi nhắm mắt. Và truyện kết thúc ngay sau đó.

Tình yêu đất của Lão Túc cũng là tình yêu quê hương cụ thể của hầu hết nông dân Việt Nam. Yêu không trừu tượng, và cũng nhiều đam mê nhiệt thành như mọi thứ tình yêu khác. Quê hương không nhất thiết là chữ S hay chữ U. Nó là ruộng nương vườn tược, là nơi gởi nằm xương tàn của cha ông mấy đời. Khi chiến tranh đến, một số người bỏ lại tất cả, chạy về thành phố hay

nơi nào có thể bảo đảm an toàn sự sống. Nhưng cũng có những người quyết bám chặt lấy mảnh đất, chờ đợi cái chết: Bà Xự ngồi yên trên ngạch cửa, hai dòng nước mắt lặng lẽ chảy trên gò má. Bỏ nhà cửa mà đi. Bỏ ruộng nương, bỏ vườn tược, bỏ khúc sông và cái bến nhỏ này mà đi. Không, tôi không muốn đi đâu hết... tôi muốn ngồi yên một chỗ, nằm yên một chỗ mà chết cũng được. Chết là gì ? Nhắm hai con mắt lại, nhẹ nhàng buông xuôi hai tay... (Bên Đập Đồng Cháy, tập truyện Những Giọt Đắng.) Bà Xự không muốn theo bà con chạy giặc. Chồng bà, con bà, những người thân thuộc của bà đã lần lượt bỏ đi, trở về với đất. Nhưng hàng xóm bắt bà phải đi. Họ dọn giùm nhà cửa cho bà. Cài then cẩn thận. Đoàn người

chạy giặc đến đập Đồng Cháy. Bà Xự chột nhìn xuống lòng nước, soi thấy bóng mình... Hết rồi ! Hết rồi ! Không ! Tôi không đi đâu hết. Tôi đã mất hết cả rồi. Tuổi xuân xanh. Chồng tôi. Con tôi. Chỉ còn đập nước này mà tiếng ào ào tuôn đổ không hề thay đổi... Cho tôi ở lại. Không, xin cho tôi ở lại. Và Bà Xự vụt bỏ chạy. Bà mất tích. Đoàn tản cư tìm kiếm, kêu réo bà, nhưng bà mất tích. Đoàn tản cư chỉ còn năm người, hấp tấp, hồi hộp, im lặng. Sau lưng họ, con đập Đồng Cháy vẫn đổ tuôn từng khối nước lớn, tiếng dội âm âm ào ào, bọt tung trắng ngàu, vỡ ra, quay cuồng rồi len lỏi chảy giữa những tảng đá to màu xám,

Chiến tranh và tình yêu, một đảng là ngọn lửa tàn bạo hủy diệt, một đảng là dòng suối ngọt, cùng đi đôi trong tương quan biện chứng, Hoài niệm là một thế giới được nâng lên từ mâu thuẫn đó, là vết thương đã khô và đóng vảy. Nhưng vết thương nằm ẩn kín trong vùng nhức nhối nhất của thân thể luôn luôn rỉ máu, không hề khô và đóng vảy. Lịch sử của vết thương chỉ khép lại cùng với sự chung cục của lịch sử một đời người.

Tuệ Sỹ

Đứng đầu về số bán trong 32  
tác phẩm

đã xuất bản của **MAI THẢO**

## **SÔNG CHỈ MỘT LẦN**

Đã in lần thứ tư

**NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG** xuất bản

## Cao Huy Khanh

### Độc Võ Hồng : Truyện Tình Của Giới Trung Lưu

Độc truyện Võ Hồng người ta không thể không nhớ đến mẫu nhân vật nam rất được ông ưa thích, mẫu nhân vật lý tưởng của tác giả luôn luôn nổi bật từ tác phẩm (truyện ngắn) này qua tác phẩm khác : mẫu nhân vật đàn ông chuyên môn ngồi một chỗ, bất động và lặng lẽ, mà vác mặt ngó đám người tình yêu dấu của mình

hết người này tới người khác lũ lượt rủ nhau bỏ đi lấy chồng. Đó chính là trường hợp điển hình của những Hoàng Gia Lý, người nghệ sĩ nghèo tuyệt tình ở bên kia thế giới (Hoài Cố Nhân; Tr. ngắn, Ban Mai xb, 59); của Diệp, kẻ đã từng những tưởng rằng có thể nâng niu mãi “ba thước lụa hồng”, để ấp ủ vào lòng mà thay thế cho một mối tình mất (HCN : Ngày xưa); của Sơn, kẻ tình nhân quá tiêu cực quanh năm suốt tháng chỉ biết một mình thui thủi tới lui trong căn nhà vắng, ngẩn ngơ theo khóm trúc đào lần lượt tàn úa theo mùa, để rồi một sớm mai kia chợt nhiên bàng hoàng nghe tin người yêu cũ đã lỡ quên mất (đánh rơi rồi chắc !) lời hẹn xưa để đành lòng mà ngang nhiên và đường hoàng làm

một chuyển sang ngang như chơi (Lá Vãn Xanh, Tr. ngắn, Thời Mới xb, 62: Tia nắng rớt); của Abdul Rahim, tình yêu chỉ thành lời lẽ sau khi chết mà thôi vậy (Bên Kia Đường, Tr. ngắn, Mặt Trời xb, 68: Hãy an nghỉ, Abdul Rahim !) Thật là khó chịu (nhất là đối với giới nam độc giả trẻ của thế hệ mới đang lên hôm nay) khi thấy rằng hầu hết những nhân vật này trong mọi hình thức tương quan luyến ái giữa đôi lứa đều dường như không hề biết tỏ tình là gì cả, không hề nghe họ nói đến chuyện ân ái dẫu chỉ một lần, mà cũng không thấy họ biểu diễn một hành động nào gọi là tích cực trong những công tác tìm kiếm, tán tỉnh hay chiếm đoạt người mình yêu; trái lại tất cả chừng như đều mang dáng dấp

của những người hùng già nua và mệt mỏi chỉ biết giữ một thái độ bất lực sẵn sàng buông xuôi mọi sự, ần ần chịu đựng số phận, âm thầm đau khổ một mình và lạnh lẽ chờ đợi một tình yêu không tưởng. Như thế đó, trước tình yêu người đàn ông trong tác phẩm Võ Hồng không hề có nỗ lực tích cực để sở hữu nó rồi nếu thỉnh thoảng không may mà có được tình yêu rồi hẳn cũng không biết cách tranh đấu để gìn giữ nó và đến khi thực sự đánh mất tình yêu vĩnh viễn rồi cũng chẳng hề thấy hẳn lên tiếng mạnh bạo phản kháng lại với định mệnh làm gì. Thay vào đó người ta thấy kẻ tình nhân chậm chạp và quá sức hiền lành này chọn cho mình một thái độ rút lui cao thượng và đặc biệt là rất lạnh lẽ rất nhẹ nhàng

như thế một con sâu rút mình thu vào trong chiếc vỏ ốc, thái độ đó người ta gọi là để tự vệ một cách thụ động và ở đây nó cũng đồng nghĩa với một cách tự an ủi, tự vuốt ve chính cái vết thương lòng rướm máu của kẻ tình nhân luôn luôn tỏ ra quá muộn màng ấy : “Tôi bao giờ cũng là kẻ đến quá chậm hoặc quá sớm.” (Trầm Mặc Cây Rừng, Tr. ngắn, Lá Bối xb, 71).

Về Võ Hồng có thể nói đại khái rằng bản sắc của tác phẩm ông (những tác phẩm giá trị và nồng cốt nhất : loạt thể tài Truyện ngắn) nằm ở loại truyện tình (ngắn) nhẹ nhàng và duyên dáng, đặc biệt với sự hiện diện thường xuyên của mẫu nhân vật nam đặc thù kể trên. Chính khởi đi từ mẫu nhân

vậy này mà những truyện tình băng khuâng của Võ Hồng đã được xây dựng nên. Bởi thế nên nếu làm một cuộc phân tích tâm lý mẫu nhân vật này tất người ta sẽ có thể hiểu được phần lớn cái ý nghĩa của loạt truyện tình Võ Hồng, và từ đó, nói chung, giá trị của toàn thể tác phẩm, sự nghiệp, của nhà văn,

Thế thì trở lại với mẫu nhân vật điển hình của Võ Hồng | thử hỏi hẳn (nhân vật) có thể bày tỏ được những gì qua tác phẩm, cho tác phẩm ? Như đã thấy, rõ ràng ấy là một mẫu nhân vật nam nhưng lại tỏ ra có ít nam tính, trong vấn đề tình yêu, bởi cả thái độ tiêu cực và thụ động thái quá đối với phái nữ : hẳn chỉ ngồi một chỗ để không ngừng yêu đương. Như thế

hắn ước mơ rằng tình yêu rồi đây sẽ tìm đến với mình thay vì mình phải hành động để đạt được nó. Nhưng dĩ nhiên ai cũng biết trên thực tế thì chính điều ngược lại mới đúng là sự thật : hạnh phúc tình yêu thực không thể được để dành cho bọn tình nhân chuyên môn bỏ cuộc sớm ở nửa đường. Thế nên mẫu người đàn ông trong truyện của Võ Hồng một khi đã tự mình từ chối vai trò chủ động của (bất cứ) người nam (nào) trong (bất cứ) cuộc tình (nào) thì điều hiển nhiên là cuối cùng hắn không thể nào tránh được việc nhận lãnh lấy cái hậu quả đáng được xem là trầm trọng nhất trong mọi chuyện tình : trở thành những kẻ thất tình!

- Một cách vô cùng trầm lặng và với hết cả lòng nhẫn nại của riêng

mình, trước một mối tình ắt hẳn phải trở thành thiên thu trong phút chốc, hướng về một người tình vô tội dẫu trong sự phụ bạc của chính nàng chẳng nữa. Từ đó, truyện của Võ Hồng hầu hết đều xứng danh là những truyện tình thật tình.

Nhưng đồng thời bởi ngay cái thụ động tính của các nhân vật chính nên những truyện tình thật tình đó hầu hết đều mang một cái vẻ nhẹ nhàng êm đềm mà cũng không phải là kém phần trong sáng đến nỗi đôi khi đi đến chỗ rất lạnh mạnh nữa. Chính ở đó dường như người ta có thể tìm thấy lại một vài dư âm còn rơi rớt lại đâu đó của cái chủ nghĩa lãng mạn có chừng mực, lãng mạn một cách vừa phải của thời Tiền chiến, của những

Thạch Lam, Khái Hưng (ch nhằm lẫn với cái lãng mạn quá độ của thời Trước - Tiền chiến của những Đông Đồ, Hoàng Ngọc Phách...) Thật vậy, nhân vật thất tình trong tiểu thuyết Võ Hồng (ở đây chữ tiểu thuyết được dùng chung cho cả hai loại thể tài cả Truyện dài lẫn Truyện ngắn) thường biểu diễn những thói quen tình cảm (rất được ưa thích) vốn rất quen thuộc từ lâu đối với mẫu người tình tiền chiến (áp dụng đúng cho cả nhân vật lẫn người đọc) : thói quen gọi là thương-hoa-tiệc-bướm mà nhờ đó tác giả nhân tiện có thể làm thỏa mãn được cái khuynh hướng chuộng tả cảnh của mình, chẳng hạn : “Hoa soan rụng đi và hoa phượng lác đác nở. Liên bồi hồi trở lại trường xưa nhìn lại cảnh

cũ.” (Con Suối Mùa Xuân, Tr. ngắn, Lá Bối xb, 66, tr. 96), hay “Bởi vì những đóa hoa me tây kia nhắc tôi nhớ rằng đã ngót hai mươi năm nay tôi mới gặp lại chúng.” (TMCR, tr. 47); và một hệ luận phát sinh từ đó là cái khuynh hướng hoài niệm quá khứ qua những hình bóng cũ được dùng để bày tỏ tấm lòng chung thủy đằm thắm của những kẻ vốn phải chịu nhiều phần thiệt thòi trong những cuộc tình đã mất : cái khuôn dấu cũ kỹ “Tam nhân nhật, Hoài cổ nhân” mang dấu tích của một cuộc tình đã qua, của một người đã chết (HCN), những giọt nước mắt hồi tiếc nhòe trên trang giấy lá thư gửi cho một người tình cũ đã xa rất xa ôi quá xa (CSMX : Khoảng trống sau lưng), cũng như những cụm hoa khế ở lưng chừng

đôi một lần nhìn thấy làm tưởng nhớ đến một người nào đã khuất (Những Giọt Đắng, Tr. Ngắn, Lá Bối xb, 69, : Hoa khế lưng đôi), hay như một lần khác thì chính hiện tại đã làm nhắc nhớ đến cả một thời quá vãng qua một ánh mắt một nụ cười của người xưa chẳng hạn (TMCR : Đôi ngả) hãy thử nghe sự thú nhận của nhân vật (hay chính tác giả) về cái khuynh hướng hoài niệm và thương tiếc dĩ vãng này “... tôi có cảm tưởng tôi là người đàn ông trầm lặng kia hàng năm trở về khung cảnh cũ để âm thầm nhớ lại những kỷ niệm đã cùng sống với một người.” (BKĐ : Trở về) với cách thức cấu tạo tình cảm đó, kết quả là truyện tình Võ Hồng luôn luôn mang lại cho người đọc một chút dư vị (tình cảm vừa bùi

ngùi lẫn bâng khuâng khôn tả. Nói rõ hơn thì đó là một kết quả tình cảm mang tính chất nhẹ nhàng và êm đềm, vừa có vẻ mong manh và bâng quơ nhưng cũng không phải là kém phần quyến rũ dịu dặt.

Ấy chính là sự hấp dẫn đặc biệt của truyện ngắn Võ Hồng : cốt truyện và tâm lý nhân vật thực không có gì mới lạ, kết cấu cũng tầm thường nhưng chính cái sắc thái tình cảm diễn đạt ở đó đã phần nào cứu vãn tác phẩm (thoát ra khỏi sự quên lãng, trong một mức độ nào đó, về thời gian). Chừng như cái khuynh hướng tỏ bày tình cảm đó đã tỏ ra ăn khớp với cái khía cạnh tâm lý của một số người nào đó (một số đông độc giả nào đó). Đó chính là cái tâm lý

lãng mạn tiền chiến nay đã được làm cho biến thái đi đôi chút được làm cho đồng hóa và thích nghi hơn nữa với những đòi hỏi những nhu cầu mới và khác của cái thời thế đi sau đó : nếp tâm tình đắm thắm, cái vẻ buồn khuây dịu dàng, nỗi ngậm ngùi lãng đãng, một tình yêu bao dung, một lòng tất cả kết hợp lại tạo nên hoài niệm chung thủy và trầm lặng một kiểu mẫu tình cảm khá cổ điển hướng về một đối tượng mơ hồ nên từ đó cũng không bao giờ được giải quyết một cách dứt khoát và nhanh chóng (thay vào đó bằng một tâm trạng cố gắng lãng quên dần dà từng ngày một) : buồn man mác và nhớ bâng quơ, chẳng biết để làm gì và cũng không biết rồi sẽ gởi về đâu, cho ai đây. Thứ tình cảm đó, như người

ta vẫn thường đồng ý với nhau từ lâu, vốn là một cái bản sắc đặc biệt trong nếp tâm lý ôn hòa và bình dị của người Đông phương nói chung và của người Việt Nam nói riêng thường được biểu lộ qua cái nghệ thuật yêu đương thuần túy về tinh thần của họ : si tình chỉ cần thực hiện qua ánh mắt và nụ cười, một cách trầm lặng và đằm thắm, kín đáo. hòa hậu nhưng không phải vì thế mà kém phần thiết tha (“Tình yêu không nói ra lời nhưng mà em có thể đọc được trong mắt nhìn, trong giọng nói, nhất là trong mắt nhìn” (BKD: hãy an nghỉ, Abdul Rahim !). Và cái bản sắc tình cảm đó, cái nếp sinh hoạt tâm lý đó dường như người ta phải cần đến cả một thời Tiền chiến để khai triêu và diễn tả nó bằng văn chương, đặc

biệt là qua thể tài tiểu thuyết, một cách thành đạt (từ người viết đến người đọc).

Thế nên nói một cách nào đó thì truyện tình Võ Hồng chính là một thứ nhạc êm dịu trong nỗ lực tiếp nối những khúc tình ca lãng mạn có điều độ của một thời văn chương đã qua.

Vậy thì phải chăng rốt cuộc Võ Hồng cũng chỉ là một kẻ tiếp tục truyền thống văn chương Tiền chiến? (ngoài những ảnh hưởng về khuynh hướng tâm lý nói trên, còn nên kể đến những ảnh hưởng khác của nền văn chương tiền chiến đối với nhà văn này: về lối kết cấu giản dị theo một kỹ thuật kể chuyện một chiều, nghĩa là tìm cách tường

thuật lại một câu chuyện một cách khách quan với đầy đủ mọi yếu tố thuật sự để tạo nên sự mạch lạc và thống nhất cần thiết cho mọi diễn tiến của câu chuyện nhưng cũng do đó dễ gây nhàm chán cho người đọc luôn luôn được xen như thể những kẻ bàng quan; và về bút pháp với cách hành văn trong sáng và gọn ghẽ điểm thêm một vài nét khôi hài dí dỏm nhờ vào một óc quan sát và nhận xét vừa thông minh vừa tỉ mỉ). Quả thực đây là một vấn đề gay go và tế nhị khiến khó có thể tìm ra được mau chóng một lời giải đáp thích đáng. Bởi vì cho dầu rằng Võ Hồng có là một nhà văn tiếp tục cái truyền thống văn chương tình cảm của thời Tiền chiến chẳng nữa thì điều quan trọng nhất ở đây vẫn là làm thế nào để giải thích được

cái sự kiện có vẻ mâu thuẫn một cách trái thời này : làm thế nào mà cái khuynh hướng văn chương tình cảm êm đềm và trong sáng có thể còn hiện diện được của một thời đã qua đó (Thời Tiền chiến) vẫn có thể còn tiếp tục hiện diện được, và từ đó không phải là không từng đạt tới một mức độ thành công tương đối đáng kể trong một vài tầng lớp độc giả, trong một thời thế nay đã hoàn toàn đối khác (Thời Hiện đại) nhất là nếu người ta chịu khó nhớ lại rằng đây là trường hợp một trong số ít nhà văn kỳ cựu nhất của văn đàn Miền Nam (tác phẩm đầu tiên của ông Hoài Cổ Nhân, ghi dấu năm xuất bản là 1959) nghĩa là Võ Hồng chính thức xuất hiện, với cái khuynh hướng tình cảm nhẹ nhàng của mình cùng góp

mặt chung trong Nhóm Bách Khoa (và vẫn được xem như một trong những khuôn mặt nổi bật nhất của nhóm này), vào một giai đoạn được xem là sôi nổi nhất trong nếp sinh hoạt văn học của văn đàn Miền Nam từ gần hai mươi năm trở lại đây qua những hoạt động rầm rộ đòi hỏi phải canh tân văn hóa và văn học (lẽ dĩ nhiên không thể không nhắc tới những động lực và lý do chính trị) của nhiều nhóm nhà văn trong đó đặc biệt nhất là vai trò của Nhóm Sáng Tạo. Bởi thế nếu thử nghiệm xét tiểu thuyết của Võ Hồng đặt trong mối tương quan văn chương và thời thế này tức là làm một cuộc đối chiếu hai thời với nhau, Thời Tiền chiến và Thời Hiện đại, và cả hai nền văn chương, tiểu thuyết, của hai thời

đó nói cách khác, đặt trường hợp truyện tình Võ Hồng thành một vấn đề văn chương để suy nghĩ về cái ý hướng sáng tạo của nhà văn đặt trong mối tương quan bao quát với những ảnh hưởng ngoại tại, những ảnh hưởng đã cấu tạo nên một môi trường sống chung cho một số đông người trong đó hẳn nhiên là có nhà văn : ảnh hưởng của thời thế, địa phương, nghề nghiệp, giai cấp v.v...

Trước hết như người ta đã biết, Võ Hồng thuộc vào lớp nhà văn tiên phong của nền văn chương Miền Nam khởi đi từ sau ngày Chia cắt đất nước. Trong khung cảnh chung của thời thế đó, nằm trong bầu khí chung của mọi ý hướng sáng tác nhằm phản ảnh thời đại của cả

một tầng lớp nhà văn vừa trưởng thành bằng cách trải qua một cuộc chiến vốn mang một ý nghĩa bất nhất, tác phẩm của Võ Hồng ban đầu cũng không tránh khỏi việc lựa chọn cho riêng nó một bối cảnh nhất định, cái bối cảnh tiểu thuyết vẫn rất quen thuộc của hầu hết các tác phẩm dù của bất kỳ nhà văn nào được viết ra trong giai đoạn này : bối cảnh của những năm loạn lạc, và ly tan trong cuộc chiến tranh Việt Pháp trước 54. Bởi thế cũng có thể nói là nếu tác phẩm của Võ Hồng được định tính là truyện tình thì đó là những truyện tình thời loạn vậy : những mối tình bị chia rẽ ngang trái bởi những hoạt động căn bản của một thời chiến về lãnh vực dân sự như chạy loạn, hồi cư, chết chóc, tù đày v.v... Tuy nhiên

có một điểm quan trọng cần lưu ý là nếu những nhân vật của truyện được đặt vào trong cái tình thế loạn lạc bất an đó thì ngược lại kẻ sáng tạo ra chúng, nhà văn, ngay khi đó (khi sáng tác ra chúng) lại đang đặt mình vào trong một hoàn cảnh gần như trái ngược lại là cái hoàn cảnh tương đối bình yên và trật tự của một Miền Nam ổn cố đang trên đường nỗ lực xây dựng và kiến thiết lại đất nước kể từ sau ngày chia đôi đất nước. Thật vậy, trong trường hợp sáng tác này thì có thể nói chính nhà văn đang khởi sự sáng tác bằng một kinh nghiệm hồi tưởng : hầu hết truyện của Võ Hồng đều được đặt trên một căn bản hồi tưởng nồng cốt, đều có một nội dung hoài niệm một cách minh nhiên. Chính trong cái kinh

nghiệm hồi tưởng về chiến tranh đó chừng như người ta có thể đoán thấy được cái nét tâm lý cầu an của con người : mệt mỏi, chán chê, sợ sệt, kinh tởm đó là nét tâm lý chung của những người vừa thoát chết qua một thời thế hỗn loạn cùng cực của những kẻ được may mắn sống sót sau một cuộc chiến tàn khốc. Sau khi đã trải qua những kinh nghiệm nhọc nhằn đó, giờ đây tìm lại được sự bình an trong một hoàn cảnh sống tương đối yên ổn hơn trong một khung cảnh xã hội và thời thế thanh bình, với một số tuổi đời từng trải, già dặn và chín chắn (tuổi trung niên) người ta dễ khép mình vào trong một thái độ hưởng thụ một cách an phận, trở nên trầm tĩnh và dè dặt hơn đối trước với mọi nỗi căm đố lớn lao

nhưng chứa đựng quá nhiều hiểm nguy của đời sống để thay vào đó bằng một khuynh hướng tự an ủi (xoa dịu) chính mình để mong tìm thấy một sự yên tâm vừa phải. Từ đó nếu đôi khi người ta có muốn lãng mạn chẳng nữa thì ấy cũng chỉ là một cái lãng mạn có chừng mực mà thôi. Đó chính là cái sắc thái lãng mạn trung bình trong tác phẩm võ Hồng.

Thứ đến người ta cần phải kể thêm những ảnh hưởng tâm lý địa phương, Võ Hồng là một nhà văn Miền Trung, đặc biệt là Miền Trung hiểu về mặt dân cư bao gồm khu vực Quảng nhưng chỉ giới hạn trong mấy tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên và Bình Định (đây cũng là cái bối cảnh về mặt địa dư quen

thuộc trong tác phẩm của ông). Chính cái nét tâm lý địa phương này đã giúp phân biệt khá rõ ràng và dễ hiểu cái sắc thái văn chương trầm tĩnh ôn hòa của các nhà văn Miền Trung trong đó có võ Hồng nói riêng và Nhóm Bách Khon nói chung trong giai đoạn này với cái khuynh hướng văn chương đòi hỏi triệt để canh tân với những hoạt động rầm rộ trên bề mặt (Nhóm Sáng Tạo) cũng như với những chủ trương đưa chính trị vào văn học trên bình diện lý thuyết (Nhóm Quan Điểm, Nhóm Chỉ Đạo) và đôi khi còn được đẩy cho đi đến chỗ cực đoan, một cách bạo động, trên đường tư tưởng nổi loạn (trường hợp Thế Phong) của giới nhà văn Miền Bắc di cư. Tất cả những điều đó, sự phát lộ tình cảm và tư tưởng

qua văn chương, chẳng qua đều là những kết quả đương nhiên mà cái biến cố lịch sử là Hiệp Định Genève với những hậu quả di hại của nó, những hậu quả đầu tiên và trực tiếp (cuộc Chia cắt lãnh thổ và phong trào Di cư), đã gây nên (tạo những chấn động mạnh) trong nếp tâm lý chung của người dân Miền Bắc. Những kết quả đó, đối với người dân Miền Trung quả thực không gây nên có một tác động tâm lý (đau thương) mạnh mẽ và quyết liệt đến như vậy, trước tiên ấy là bởi cái lý do hoàn toàn thuộc về hoàn cảnh địa dư của riêng họ. Do đó cũng là điều dễ hiểu khi thấy rằng một Võ Hồng êm đềm, một Võ Phiến trầm lặng, một Vũ Hạnh nghiêm trang trong khi bên cạnh đó, những người đồng bào và cũng

là những người bạn văn cùng thời, có một Mai Thảo sôi nổi, một Doãn Quốc Sỹ thiết tha, một Thanh Tâm Tuyền đầy cuồng nộ chẳng hạn.

Yếu tố nghề nghiệp cũng đóng một vai trò đáng kể trong ý hướng sáng tác của Võ Hồng : Vai trò tượng trưng của một nhà giáo. Cái ảnh hưởng nghề nghiệp chắc chắn không thể chối bỏ được đó dễ khiến tác giả đưa vào tác phẩm một ý hướng giáo dục lành mạnh tuy nhiên chỉ bằng một cách ngầm ngầm mà thôi qua sự hiện diện quá thường xuyên của một số đông mẫu nhân vật trẻ thơ (học trò và con cái) từ vai trò phụ đến vai trò chính (LVX : Trận đòn hóa giải, Xuất hành năm mới, Ngày Xuân êm đềm, Lá vẫn xanh - CSMX: Niềm

tin chưa mất, Mùa hoa Soan TMCR : Đôi ngả, Nhánh rong NGĐ : Hoa khế lưng đồi, Gà và ba phiêu bạt, Tr. dài, Lá Bối xh, 70). Cái ý hưởng luân lý trong sạch và lành mạnh đó cũng có thể được tìm thấy qua cái sắc thái lãng mạn có chừng mực như đã nói của những truyện tình : sự thất tình như đã thấy thiết yếu phải có trong tác phẩm Võ Hồng nhưng thực sự thì sự thất tình đó không bao giờ được đẩy cho đi đến chỗ quá độ mà trái lại dường như mỗi lần mẫu nhân vật thất tình bị đẩy cho đi đến kề cạnh nỗi khốn cùng tuyệt đối của hẳn, lấp ló trên bờ vực thẳm, thì luôn luôn tác giả đều tìm mọi cách giữ hẳn lại bằng một niềm tin dẫu nhỏ bé chẳng nữa, một niềm hy vọng dẫu mong manh và mơ hồ đến đâu nhưng

chắc chắn cũng đủ sức để cứu vớt con người (nhân vật) khỏi sa đọa vào sự thịnh hành của chủ nghĩa hiện sinh thời bấy giờ.

Quả thật Võ Hồng là một nhà văn thuộc vào giới giáo chức trung lưu (khi mà tại VN, trong tình trạng hiện tại, viết văn chưa thể trở thành một nghề nghiệp hẳn boi được, bởi lẽ thực trạng kinh tế cũng như trình độ dân trí chung trong nước chưa đủ sức cung cấp được cho nhà văn một số lợi tức nhất định hàng tháng hay hàng năm) và vì thế phải chằng những tác phẩm của ông đều được viết ra dành riêng cho giai cấp này, trong những điều kiện về tâm lý hoàn cảnh và địa phương như đã nêu trên.

Tình yêu của giới trung lưu, lãng mạng một cách có chừng mực, say đắm một cách có điều độ, niềm hạnh phúc lẫn nỗi đau khổ được điều chỉnh cho ngang tầm mức trung bình làm sao vừa bằng với sức chịu đựng trong nếp tâm lý chung của người công chức, tất cả những điều đó dường như đều có thể tìm thấy trong tiểu thuyết của Võ Hồng, nhà văn của giới trung lưu.

Trong chiều hướng giải thích như trên người ta có thể mượn lý thuyết về tiểu thuyết của Lukacs để tìm hiểu ý nghĩa của tác phẩm Võ Hồng : Tiểu thuyết là một hình thức tự thuật lý tưởng nhất dành riêng cho cá nhân (une forme biographique par excellence) lại

vừa là một loại ký sự xã hội đặc biệt cung ứng cho một thực trạng xã hội nhất định nào đó (une chronique sociale à l'intérieur d'une société donnée) mà cái lứa tuổi trưởng thành chín chắn của mỗi người, già nua và đầy mệt mỏi, (virilité mûrie maturité virile), có thể chọn để biểu tỏ thái độ bất mãn nhưng đồng thời cũng bất lực của mình đối trước một thế giới ly cách, một thế giới mà hẳn cho là đang trên đường suy tàn, không bao giờ làm hẳn thỏa nguyện; nói cách khác giữa con người và cái xã hội vây quanh, giữa nhân vật và cái vũ trụ tiểu thuyết của hẳn thiết yếu xảy ra một sự đoạn tuyệt, một sự ly khai triệt để (une rupture radicale) bởi sự bất tương thông giữa đôi bên từ đó mẫu nhân vật chính trở thành

một mẫu người hùng tiểu thuyết (héros romanesque) lạc lõng, già nua và chán chường với cả một quá khứ thất bại đè nặng trên đôi vai còm cõi (la mélancolie de l'âge adult) một mẫu người hùng thấm mệt bơ vơ giữa lòng một xã hội thù nghịch, cô đơn và xa lạ đối với đám đông (le roman est la forme de la solitude dans la communauté), kẻ hoàn toàn thụ động trước mọi ước vọng tranh đấu và giải phóng hướng về tương lai bởi cái kinh nghiệm hiện thực thất bại ê chề trong quá khứ <sup>1</sup>.

Tất cả những định đề lý thuyết kể trên của Lukacs hầu như đều có thể tìm thấy trong tiểu thuyết của

---

1 Xem G. Lukacs: La Théorie du Roman, Ed. Gonthier, Paris, 1970 Hay: L. Goldmaa : Pour une Sociologie du Roman, Coll, Idées, Paris, 1969.

Võ Hồng từ cách xây dựng nhân vật, ý hướng sáng tác cho đến hình thức thể tài và kỹ thuật phô diễn. Về cách xây dựng tâm lý nhân vật thì như đã nói đó là mẫu nhân vật nam đầy tính chất tiêu cực và thụ động qua hình ảnh người đàn ông luống tuổi luôn luôn tỏ ra quá dè dặt và sống có chừng mực trong vấn đề tình yêu. Về ý hướng sáng tác thì tác phẩm của Võ Hồng vừa có ý hướng mô tả tâm lý vừa có ý hướng giáo dục lành mạnh, một cách gián tiếp đúng như Lukacs đã phân tích. Cuối cùng, về mặt kỹ thuật Võ Hồng đã vận dụng đến phương pháp tự thuật rất nhiều, đặc biệt rõ ràng nhất là qua sự thể hiện của mẫu nhân vật xưng danh ở ngôi thứ nhất số ít cùng với cái khung cảnh gia đình thân thuộc (mối liên hệ

cha con, đời sống của một người chồng góa vợ trong cảnh «gà trống nuôi con», sự vắng bóng của hình ảnh người vợ, người mẹ trong gia đình) cũng như với cái môi trường hoạt động thường nhật của ông ta (mối liên hệ thầy trò, bạn học, nếp sinh hoạt học đường...) và tất cả đều được lồng trong cái bối cảnh tổng quát về mặt địa dư hoàn toàn thích ứng với những điều kiện sinh sống cụ thể của tác giả (bối cảnh Miền Trung trong khu vực Quảng). Mặt khác, tiểu thuyết của Võ Hồng còn gián tiếp (hay thỉnh thoảng) mang dụng ý trình bày cả một bức tranh xã hội tuy không hẳn là hiện thực nhưng chính là ghi nhận hay kể lại (thuật hoài) một thực trạng xã hội của một thời đã qua cùng với những biến cố lịch sử của nó

nằm trong cái vận trình tiến hóa chung của cả toàn thể dân tộc (loại Ký sự xã hội về tình cảnh của nông thôn Miền Trung trong thời kháng Pháp) trường hợp của Người Về Đầu Non, Hoa Bướm Bướm, Như Cánh Chim Bay, những truyện dài và cũng có thể kể thêm một số truyện ngắn có vẻ có tính chất rất là «dấn thân», tỏ ra rất đi sát với thời cuộc đặc biệt như trong tập NGĐ, những truyện Đời đáng chán, Bên đập đồng cháy, Chống biểu tình... Thế tuy nhiên có một điểm quan trọng cần phải lưu ý ở đây ấy là tất cả cái phần nội dung, và kỹ thuật phô diễn trên đây, đối với trường hợp Võ Hồng, chỉ có thể tìm thấy được cho nó một hình thức thể hiện tương đối thành đạt

hơn hết là trong loạt thể tài Truyện ngắn hơn là trong Truyện dài.

Thật vậy, Võ Hồng chỉ thành công duy nhất là với loại truyện ngắn mà thôi bởi vì đó chính là loại thể tài văn chương tỏ ra tương đối thích hợp hơn cả với cái kỹ thuật tự thuật thuần túy và đơn giản của tác giả. Với truyện ngắn những yếu tố để xây dựng truyện như bố cục, kết cấu về tâm lý nhân vật về không gian thời gian thường không được xem trọng bằng cái nghệ thuật kể chuyện duyên dáng và lôi cuốn cốt làm sao nêu lên được (đập mạnh vào óc tò mò của độc giả) một biến cố một sự kiện duy nhất và đặc thù đồng thời có tính chất độc đáo để có đủ sức tạo nên một sức quyến rũ trực tiếp, tức khắc mà nhất thời

đối với người đọc. Như vậy truyện ngắn đúng là một hình thức (văn chương) lý tưởng đáng được chọn để phô diễn cái khả năng tự thuật của nhà văn bởi vì giờ đây với loại thể tài này người ta chỉ cần làm một cuộc chọn lọc một số câu chuyện biến cố hay sự kiện riêng rẽ nhưng đặc biệt độc đáo nào đó lấy ra từ trong cả cái kho tàng kinh nghiệm sống phong phú của mình, nơi tích trữ đầy những mẫu chuyện đời ly kỳ hay khác thường mà muôn đời còn nhớ mãi (những ấn tượng thiết tha, những kỷ niệm gợi cảm). Điều quan trọng nhất để thành công trong nghệ thuật viết truyện ở đây hình như chính là cái giọng điệu kể chuyện của tác giả, một giọng điệu thiết tha và chân thành, nhiều lúc cố ý thật thà đến độ ngây

ngô (trường hợp đoạn cuối truyện HCN : tác giả lên tiếng chính thức đối thoại với nhân vật!), khi nhắc nhớ lại những kỷ niệm quý báu đó của một thời tuổi trẻ đã qua và nhất định là đã mất rồi : “Mỗi lần hướng mắt quay lại nhìn về quá khứ là tôi thấy bóng dáng của ông bác tôi hiện lên bao trùm cả một quãng đời của tôi...” (NVĐN, Văn xb, 68, tr. 5). Chính cái thái độ nâng niu triu mến cái dĩ vãng của mình và trang trọng tô bày và chuyên đạt nó lại cho người đọc với ngụ ý ước mong thông cảm, một cách chân thành, của tác giả đã tạo nên được một tác dụng xúc động cần thiết trong lòng người đọc để từ đó đưa tác phẩm đạt đến một mức độ thành công đáng kể thực hiện

nhờ vào một sự thông cảm sâu xa và trọn vẹn giữa đôi bên.

Nhưng đến Truyện dài thì dường như giờ đây mọi sự đã có phần đổi khác. Bởi vì với thể tài Truyện dài (Tiểu thuyết xứng danh) thì bắt buộc nhà văn phải tỏ ra có nhiều khả năng tưởng tượng và suy nghĩ nhiều hơn để có thể đem lại cho cái tác phẩm tương đối dài hơi hơn của mình một sự thống nhất và liên tục cần thiết về mặt bố cục, kết cấu lẫn trong công việc xây dựng cá tính nhân vật. Đây không còn là câu chuyện của một sự kiện độc lập riêng rẽ nhưng là câu chuyện của nhiều sự kiện được kết hợp lại với nhau theo một thứ tự thời gian và theo một trật tự thuật sự nào đó tùy theo

cái khả năng phối hợp, liên tưởng, sắp đặt, dàn xếp, của tác giả. Muốn được như vậy nhà văn được đòi hỏi phải có một óc tưởng tượng dồi dào và tinh tế làm sao đủ để biến đổi một số kinh nghiệm sống đã được chọn lựa của mình thành kinh nghiệm của nhân vật (nhân vật tiểu thuyết hiện diện bằng một sự giả định), tìm cách nối kết chúng lại với nhau, nếu cần, bằng sự thêm dệt hay tô điểm thêm của trí tưởng tượng thiên phú chứ không phải chỉ là làm một công việc trần thuật đơn giản những chất liệu sống còn tinh ròng múc ra từ cái kho chứa dĩ vãng mà chắc chắn mỗi người ai ai cũng thấy đầy ắp. Truyện ngắn là hình thức ký sự cô đọng về một sự kiện độc lập và độc đáo trong khi Truyện dài là cả một thiên ký

sự dài dòng về một chuỗi sự kiện không cần phải độc đáo nhưng cốt yếu là phải liên tục và thống nhất, do đó cũng là điều dễ hiểu khi thấy những tiểu thuyết gia có tham vọng thực hiện những công trình sáng tác theo chiều hướng ngược lại, dù cố ý hay vô tình, đều để đi đến chỗ thất bại : làm thế nào truyện ngắn, với cái hình thức cô đọng của nó, có thể có đủ dung lượng để chứa đựng nổi cả một lô sự kiện phức tạp cũng như trong trường hợp ngược lại, Truyện dài có thể tuyển chọn được cả một chuỗi sự kiện độc đáo ngang nhau để trần thuật lại từ đầu tới cuối ? Hay như trường hợp Võ Hồng, Truyện dài trở nên một hình thức ký sự của một chuỗi sự kiện không độc đáo nhưng cũng tỏ ra độc lập không kém được cố gắng

kết hợp lại một cách vụng về. Kết quả là người ta có cảm tưởng rằng truyện dài ở đây có vẻ như là một công trình chắp nối nhiều truyện ngắn (hay nói đúng hơn là nhiều kinh nghiệm sống, nhiều mẫu chuyện đời) lại với nhau một cách bất liên tục (trường hợp của Hoa Bướm Bướm và Như Cánh Chim Bay, một công trình tiểu thuyết hóa lịch sử, qua hình thức của loại ký sự xã hội đúng như Lukacs giải thích, nhưng thất bại tương tự như trường hợp của Doãn Quốc Sỹ với bộ Trường giang tiểu thuyết Khu Rừng Lan), hoặc nếu không thì đó cũng chỉ là một nỗ lực khai triển, kéo dài thêm một cách thừa thãi vô ích một truyện ngắn đúng nghĩa (trường hợp của Người Về Đầu Non, một truyện dài thành công

nhất : nhưng đây có đúng là một truyện dài xứng danh không ? Hay chỉ là một truyện ngắn được kéo dài thêm ? - những nỗ lực “viết dài” tương tự trường hợp truyện dài của Võ Phiến).

Tóm tắt, Võ Hồng là nhà văn của giới trung lưu, Truyện tình của Ông là truyện tình về giới trung lưu bởi những điều kiện giới hạn về hoàn cảnh sống và viết trong cái thân phận của một nhà văn trung lưu đầy khiêm tốn, với giọng điệu nhỏ nhẹ và êm đềm như ông. Nhưng cần lưu ý và phân biệt cái giới trung lưu công chức này với cái giới trung lưu gọi là trí thức tiểu tư sản như quan niệm đề xướng bởi Nhóm Quan Điểm. Trong lịch sử, lịch sử tiến hóa của cái xã hội

Miền Nam này, hai giai cấp đó cùng xuất hiện cùng một lần, trong giai đoạn tiến triển đầu tiên của xã hội Miền Nam và hẳn cũng không phải là một điều trùng hợp ngẫu nhiên khi thấy rằng cả hai loại ý thức hệ (riêng đối với cái lẽ lối tư tưởng an phận và tiêu cực của giới công chức trung lưu xuất hiện trong tác phẩm Võ Hồng thì có lẽ đây là một chữ dùng có vẻ to tát quá !) của hai giai cấp đó đều được phản ánh không ít thì nhiều trong tiểu thuyết của một số nhà văn cùng thời với nhau, như điển hình nhất là tiểu thuyết của một Võ Hồng và một Mặc Đỗ chẳng hạn : trong khi người công chức trung lưu của Võ Hồng khép mình trong một thái độ thụ động tiêu cực, già nua và mệt mỏi thì người trí thức trung lưu

của Mặc Đỗ có vẻ trẻ trung hơn với sự thừa hưởng những tiến bộ tinh thần của một thời đại duy lý Tây phương cũng như tỏ ra có nhiều hoạt động tính hơn. Nhưng rồi cuối cùng, trong chung cuộc, cả hai đều gặp gỡ nhau ở một điểm chung, ấy là tất cả đều là những kẻ (những mẫu người, những mẫu nhân vật khác nhau) thất bại trước lịch sử mà thôi.

Thời của những mẫu người hùng thắm mệt trên đường dẫn thân làm lịch sử, những kẻ bỏ cuộc trước con thuyền định mệnh, những nhân vật buồn rầu trong một thế giới (tiểu thuyết) tàn phai, những con người suy đồi ôm một mớ tuổi tác về chiều làm lủi đi một mình dưới cái bóng tối xé tàn của

một vũ trụ chùng như mất điểm tựa nên cứ mãi nghiêng ngả trên bờ vực thẳm, cái thời đó giờ đây phải chăng người ta vẫn còn đang tiếp tục (một thời Tiền chiến, một thời Sau Tiền chiến và một thời Hiện đại, có không ?) hay may mắn hơn, đang tìm cách chấm dứt chính nó ? Cho đến lúc đó, tùy theo câu trả lời mà thời đại có thể dâng hiến cho chúng ta, tiểu thuyết của Võ Hồng, những truyện tình (ngắn) của giới trung lưu, vẫn còn có thể được tiếp tục đọc hay sẽ không bao giờ còn được đọc nữa,

Cao Huy Khanh

Đã phát hành trên toàn quốc tác phẩm toát mồ hôi lạnh của nhà văn **VŨ BẰNG**,

## **BÓNG MA NHÀ MỆ HOÁT**

Một vụ trả thù rừng rợn, ghê gớm. Trong bối cảnh ngột ngạt của giai đoạn lịch sử chưa quên là thời kỳ Nhật thuộc. Nổi danh từ tiền chiến với kiệt tác Cai, ... Vũ Bằng, với Bóng ma nhà mệ Hoát, dẫn đưa bạn đọc vào một thế giới quái đản, toát mồ hôi lạnh. Tới nghệ thuật kể chuyện và trình bày nhân vật phong phú, độc đáo, chỉ có ở Vũ Bằng.

Sách dày 346. Bìa offset. Giá 350 đồng.

**NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG** xuất bản

# Phạm Công Thiện

## Trích thư Về Nguồn

*Nha Trang, ngày 18 tháng 01  
năm 1963*

... Nhìn anh và nhìn mấy cháu và đọc những gì anh viết, tôi cảm thấy an ủi nhiều, tôi cảm thấy tâm hồn thác loạn của tôi được vượt ve nhiều, tôi cảm thấy rằng tôi hết sức vô tâm, tàn nhẫn, lãnh đạm trước muôn vạn kiếp người mà hằng ngày tôi đã gặp và với lòng kiêu

ngạo của tôi, tôi cho rằng họ chỉ là những kẻ tầm thường không đáng cho tôi để ý. Nhưng đọc anh, tôi mới sực nhớ rằng mỗi một người đều mang nặng một bi kịch đau thương của đời và trong những gì tầm thường nhất cũng đều chứa đựng một cái gì cao quý thiêng liêng nhất, một cái gì bất diệt và sống mãi từ thế hệ này đến thế hệ nọ, một cái gì mà thiếu nó thì cuộc đời này không đáng sống nữa.

Bỏ đi hết những cái bề ngoài, bỏ đi hết những truông, rùng, rú, suối vẫn ngàn năm chảy từ nguồn, bỏ đi hết những bộ áo công thức khệ nệ của anh và bỏ đi hết những bộ áo phũ phàng nổi loạn điên cuồng của tôi, lúc bấy giờ chúng ta sẽ gặp nhau tại Nguồn. Đọc anh và

gặp anh, tôi sực nhớ lại rằng chỉ có một Nguồn Đời, chỉ có một mà thôi và suốt có dù trong hay đục, dù chảy bình thản im lặng hay dù chảy ào ào thịnh nộ : suốt vẫn đổi khác nhưng cũng chỉ là một con suối mà thôi. Nghĩa là tôi là anh và anh cũng là tôi, chúng ta cũng chỉ là một hình ảnh bi thương chua xót của cuộc đời.

Niềm tin chưa mất. Niềm Tin Chưa Mất, bởi vì dù sớm dù muộn, dù ở đây hay ở kia, đáo cùng nhất định chúng ta đều gặp nhau tại Nguồn – revenir à l'eau claire des sources. Đó cũng là ý nghĩ về Nietzsche trong những ngày năm dài ở Nha Trang, tôi thấy Nietzsche mắng chửi đã phá Thiên Chúa giáo, chưa có ai Anti Christ hung hăng

như vậy, nhưng loáng thoáng đâu đây tôi cũng thấy được dòng sông của Nietzsche cũng chỉ chảy từ một Nguồn thôi và Chúa Jesus và Nietzsche đều gặp nhau tại Nguồn ấy.

Và Con Người Thực Sự Của Trần Gian Này Là Con Người nào? Qui dressera l'image de l'homme? Nietzsche băn khoăn hỏi thế. Ai? Qui ? Người đứng nơi Nguồn chứ ai ? Hình ảnh thực sự của con người là người đứng nơi Nguồn. Người đó là Benjy của Faulkner, là Nick Adams của Hemingway, là Lennie và Crooks của Steinbeck, là Siddhartha của Hermann Hesse, là Zarathoustra của Nietzsche, là Tộc của Võ Hồng.

Người đó là “lành như một cây xanh, cây ổi cây bàng nào đó đang sức lớn. Đâm chồi, ra lá, nứt hoa... cây cử bình tĩnh làm nhiệm vụ của mình, không cần nhìn xem những phản ứng của các cây đứng xung quanh nó. Không thấy cây xấu hổ vì những lá héo, giấu giếm những cành gãy mà cũng không thấy nó hãnh diện vì chồi xanh non mướt hay hoa nở đầy cành”... “Trong một xã hội nhiễm độc mà đối trá đã thành diễm lệ, mà thù hận đã thành khí giới phổ thông, qua tính nhân cách của Tộc vươn lên như một chồi cây mạnh giúp tôi tin cây ở cuộc đời<sup>2</sup>.”

Đó là Tộc của và Hồng, là Dilsey của Faulkner, là Lão già đánh cá

<sup>2</sup> Truyện Niềm Tin Chưa Mất trong tập Lá vắn Xanh của Võ Hồng, Thời Mới xuất bản 1963. LTS.

của Hemingway. Đó là hình ảnh thực sự của con người ở trần gian này. Con người ấy không phải là vua, là chúa, là kẻ thông minh xuất chúng... Người ấy chỉ là một con người rất tầm thường, rất đơn giản, có thể là rất idiot. Chính những con người tầm thường có như vậy sẽ cứu lấy Trần gian này ra khỏi hố sâu, những con người tầm thường như Tộc, như Dilsey, như Crom chính những con người tầm thường này sẽ gầy dựng lại một thế giới mới giữa trần gian đổ vỡ này.

Anh V. H. có cần gì phải thuyết giảng philo ? Tất cả những trang văn anh, những trang văn rất từ tốn khiêm nhượng kia đều tiềm tàng những tư tưởng triết học rất

sống. Nó cao hơn philo nữa, bởi vì nó là Sagesse của quả tim.

Và Một Triệu Trang Giấy Triết Học Cũng Không Đáng Giá Bằng Một Tiếng Đập Của Con Tim. Anh có nghe rõ chưa ? Tôi muốn hét to lên như vậy.

Anh có nghe tim con người đập trong những trang Xuất hành năm mới, trong Trận đòn hòa giải ? Xuất hành năm mới còn cảm động muôn vạn lần hơn những chuyện mà người ta cho rằng buồn nhất. Những đứa nhỏ Hằng, Hào và Thủy trong Xuất hành năm mới và Trận đòn hóa giải là những hình ảnh đau thương nhất trên đời, là những hình ảnh tượng trưng cho tất cả những đứa trẻ ở trần gian này.

Hơn thế nữa, ba đứa nhỏ ấy cũng là Tượng Trưng Cho Những Con Người Ở Đời. Trận đòn hóa giải ấy chẳng những là trận đòn trong gia đình của Võ Hồng mà còn tượng trưng cho Trận Đòn Ở Thế Giới. Tất cả mọi người ở trần gian này đều là anh em nhau, đều cũng chịu chung một nỗi khổ lớn vô cùng là nỗi khổ mất mẹ.

Chúng ta sinh ra đời đã bơ vơ cô độc và rồi đây cũng sẽ chết bơ vơ có độc. Tất cả con người đều thế, tất cả mọi người đều mang một hình hài thân phận như vậy.

Người Mẹ trong Trận đòn hòa giải tượng trưng cho người Mẹ thiêng liêng của Nhân loại, nghĩa là Thiên Nhiên, nghĩa là Nature.

Thiên nhiên đã tạo con người ra đời rồi lại bỏ mặc con người bơ vơ lạc lõng, con người cảm thấy như bị đày, mất Mẹ, con người đi lờ mờ trong tối. Tất cả con người ở trần gian này đều là những kẻ mồ cô, cô đơn vô hạn, không biết đâu là phương hướng.

Hằng, Hào, Thủy chẳng những là những đứa con của Võ Hồng mà chúng nó còn là hình ảnh tượng trưng cho tất cả mọi người sống ở trần gian này. Nhân loại đều chịu chung một nỗi đau khổ lớn lao là đều cùng mang chung một Thân Phận Con Người, thân phận ấy là mất Mẹ, nghĩa là hoàn toàn cô đơn giữa nỗi đời trầm thống, nhưng “Trí nhớ của chúng ta vẫn rất bạc bèo. Các con lớn lên, nên vai nên

vế, mỗi người có bạn bè riêng tư, có nỗi lo lắng và vui vẻ riêng tư... nên các con dần dần quên nghĩ đến nhau. Mỗi đau khổ chung của ngày mất mẹ xóa nhòa dần đi, Lòng Ích Kỷ Lớn Lên” “Cả ba đều khổ. Hãy thương yêu nhau<sup>3</sup>.”

Thế mà Nhân loại vẫn không thương yêu nhau và vẫn cứ lục đục nhau, con người vẫn cứ mãi lục đục gây hấn với con người, như thế thì Thượng Đế phải làm sao bây giờ ? Khi thấy mấy đứa con mình đã quên rằng chúng nó là anh em nhau, khi thấy mấy đứa con lục đục gây hấn với nhau, Thượng Đế chỉ còn phương pháp hữu hiệu nhất là cho Một Trận Đòn Hòa Giải và thế là Chiến tranh đã nổ tung ra ở trần

---

<sup>3</sup> Trình Trận đòn hóa giải (chú thích của tòa soạn).

gian này. Chiến tranh thứ Nhất, rồi chiến tranh thứ Hai... Sáu triệu người Do Thái đã chết và thực ra Hitler chỉ là dụng cụ của Thượng Đế, nghĩa là một “cái cành chùm ruột trông xù xì dễ sợ. Nhưng nhân loại vốn hay quên và bây giờ Trận đòn thứ Ba sắp nổ tung nữa.

Vâng, bây giờ tôi mới hiểu rằng Nietzsche là một nhà tâm lý kỳ diệu, tôi đã hiểu tại sao Nietzsche chủ trương và ca tụng Chiến tranh. Nói mãi Đạo đức, nói mãi tình thương như Chúa Jesus, nhân loại không muốn nghe đâu. Vậy thì thôi, đừng nói hòa bình như vậy mà phải nói chiến tranh, phải đập Một Trận Đòn cho Nhân loại như ra, thù ra.

Hãy để Máu lửa đốt quét Nhân loại. Hãy để Máu lửa purifier Nhân

loại. Lúc bấy giờ trên đồng gạch điêu tàn, Nhân loại mới hối hận và biết thương yêu nhau và cùng nhỏ giọt lệ cho nhau như Hào và Hằng đã nhỏ lệ khi thấy Thủy bị đòn.

Đó là bài học mà Võ Hồng đã dạy cho tôi, rằng tất cả mọi sự ở đời này đều tốt, ngay đến sự xấu cũng tốt, rằng Niềm tin chưa mất, rằng Chiến tranh là một sự thử thách tất nhiên, chiến tranh là một trong những phương tiện đưa Nhân loại về Nguồn, cũng như trận đòn hóa giải đưa ba đứa nhỏ trở về Nguồn thương yêu chan chứa triền miên.

Ừ, sự đau khổ hiện nay của tôi cũng thế. Sự đau khổ ấy là một trận đòn hòa giải cần thiết, phải không anh ?

Đó, anh thấy rằng một tác phẩm cao lớn đều thế, nghĩa là muốn hiểu làm sao nhưng mà hiểu mãi vẫn không hết. Ngoài ý nghĩa siêu hình, Trần đôn hóa giải còn chứa đựng một ý nghĩa sâu sắc về giáo dục. Tôi thiết tha muốn rằng tất cả cha mẹ ở trần gian này đều phải đọc truyện Trần đôn hóa giải. Tôi muốn rằng tất cả trường học đều phải in truyện ấy ra để phân phát cho mọi gia đình. Tác dụng của nó sẽ lớn hơn một ngàn quyển sách dày cộm của những nhà giáo dục sắc mùi lý thuyết. Tất cả những kẻ phạm tội, ăn cướp, giết người hiện nay phần lớn là tại sự ngu dốt của cha mẹ họ, tôi muốn nói sự ngu dốt về tình thương.

Anh thử tưởng tượng tác dụng của truyện anh viết thực lớn lao biết bao.

Phạm Công Thiện

Đã phát hành

## **SUỐI ĐỘC**

truyện dài của **MAI THẢO**

Bìa offset ấn loát mỹ thuật

Đã phát hành toàn quốc

**Nguyễn Đình Vượng** xuất bản

# Trần Thiện Đạo

## Miệng Ngà Khéo Chạm

*Paris, ngày... tháng 4 năm 1968*

... Tôi vừa đọc xong cuốn Người Về Đầu Non<sup>4</sup>. Văn anh lôi cuốn, hấp dẫn, thành thử đọc thú và mau. Đọc thú và mau, có lẽ cũng là vì anh viết theo lối hồi ký. Tôi nghĩ viết hồi ký thích hợp với sở trường của anh, anh vốn có thứ hành văn bay bướm, nhẹ nhàng, nhí nhóm (...)

---

<sup>4</sup> Truyện Người về đầu non của Võ Hồng. Cơ sử Văn xuất bản. Sài Gòn, 1968.

Anh bây giờ đã đi tới mức khỏi cần bận bịu đến cách diễn đạt ý tình, cảm nghĩ nữa rồi, với tuổi nghề của anh, với ngòi viết anh đã làm cho được dễ dàng, thì công việc diễn đạt ý tình, cảm nghĩ đối với anh chắc chẳng còn nằm trong số những công việc đồ mồ hôi trán như đối với các nhà văn mới tập tễnh vào nghề nữa. Nên tôi nghĩ, trên nền móng do chính tay anh đã xây dựng sẵn rồi đó, anh cần rướn lên một hực nữa, anh dư sức mà.

Cái mà tôi nghĩ anh của vươn tới, là cái mà một nhà văn phái nữ Anh-cát-lợi thế kỷ XIX gọi a little bil of ivory. Tôi không biết dịch tổ hợp Anh ngữ này ra làm sao cho đúng ý, cho chính xác, ít nữa là theo cách hiểu của chính tôi. Tôi

muốn hiểu nó như một chút vị gì đặc biệt mà kẻ sành điệu thường đòi hỏi ở ấm trà, một chút vị gì đặc biệt khiến cho ấm trà ngấm nhiên hóa thành một ấm trà tuyệt diệu, hệt như chén trà trong sương sớm của cụ Ấm<sup>5</sup>.

(...) Thí dụ cuốn Người Về Đầu Non của anh mới vừa phát hành đó. Đọc, thấy thú và khoái. Tác giả có tài kể chuyện, thuật chuyện, Có tài gọi dậy ký ức của mình, bằng kỹ thuật vận dụng nhiều flash-back<sup>6</sup> như kỹ thuật màn ảnh vậy. Thêm cái tài điều khiển ngọn bút của mình. Và tôi cũng đã nghiệm thấy được qua những câu văn giản dị, trong sáng, điều độ (mấy đặc

---

5 Nguyễn Tuân, Chén trà trong sương sớm, trong Vang bóng một thời (1943)

6 Flash-back, hồi tưởng Quá khứ trong Hiện tại.

tánh bút pháp hay văn pháp của Võ Hồng đó mà) nhiều chỗ phát biểu rõ rệt một số nhận xét tinh vi của anh, ngó vào từng góc cạnh nào của cuộc đời, nghĩa là về một thành phần nhân loại nào – khiến tôi muốn gọi anh là một nhà văn đạo đức, từ đạo đức này dùng với nghĩa từ moraliste của Pháp.

Một tác giả, một cuốn sách mà cống hiến tôi (độc giả) ngàn ấy sanh thú thiết nghĩ cũng đã là nhiều quá rồi. Nhưng chứng nào tật ấy, anh H... ời, tôi vẫn thấy mình chưa thỏa. Ngoài những sanh thú hưởng được trong câu chuyện kể và ở văn pháp nói trên, tôi, độc giả, còn muốn đòi hỏi ở cuốn sách và tác giả một chút gì thêm nữa. Chút gì thêm nữa đó,

là cái *little bit ivory* mà tôi đã mạo muội nhắc tới.

Câu : a little bit ivory (một miếng ngà khéo chạm) vốn là lời của một nhà văn phái nữ Anh-cát-lợi, chỉ định chính tác phẩm của mình, ý vì tác phẩm của mình như những miếng ngà voi mình có công chạm trở tĩ mĩ <sup>7</sup>. Nhưng tôi không dùng nó với nghĩa đó. Tôi chỉ mượn chất ngà làm biểu tượng diễn đạt ý mình, mượn nó để trình diện chất gì mà tôi hằng đòi hỏi thêm ở những tác phẩm đã già giặn.

Một chút gì thêm nữa đó, là cái cứ tạm gọi là bản chất, tinh túy, cốt chất, cốt cách, yếu tánh... hay một

---

<sup>7</sup> Jane Austen (1775-1817). Trong Letters (Thư tin), edited by Edward Lord Brabourne. Thư của Jane Austen chỉ được ấn hành vào năm 1884.

từ nào khác cũng được của chính cuộc đời. Nói cách khác, mỗi cuốn sách của anh, một thiên truyện của anh thấy đều biểu hiện, với một nghệ thuật tinh vì, già giặn, một góc cạnh nào của cuộc đời... Nhưng nó chưa vươn tới chỗ biểu tỏ chính Cuộc Đời, nghĩa là chính cái cốt của cuộc đời. Tôi muốn đòi tác giả phải biết biểu dương cái góc cạnh đặc biệt được diễn tả trong cuốn sách, trong tác phẩm ấy lên hàng biểu tượng cô đọng, đại diện cho Cuộc Đời và cho Nhân loại.

Tôi muốn đòi người Bác trong Người về Đầu Non mang nặng trên vai những đường nét tiêu biểu cho Cuộc Đời và cho Nhân loại, chớ không chỉ một số khía cạnh điển hình cho một góc cạnh nào

của Cuộc Đời và của Nhân loại mà thôi. Tôi muốn người Bác khi đã về đầu non rồi vẫn còn lưu lại cho tôi hình ảnh của chính Con Người, cho không chỉ hình ảnh của một người Bác mà thôi.

Nhưng phải chăng tôi đòi hỏi quá lắm không?

Trần Thiện Đạo

## TÌNH YÊU MÀU KHÓI NHẠT

Truyện tình đặc ý nhất

của nhà văn **MAI THẢO**

Dành cho các bạn yêu thích những cảm giác kỳ thú, những xao động tuyệt vời của tình yêu.

Lột trần những bí mật về cuộc đời tình ái cũng như nghề nghiệp của các nữ minh tinh nhiều tham vọng.

Là cuốn sách độc đáo không thể bỏ qua, vì nó tiêu biểu cho những cuốn tiểu thuyết có địa vị vững vàng nhất miền Nam.

**NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG** xuất bản

## Cao Thế Dung

### Tiểu thuyết Võ Hồng, quê hương, trí nhớ và con người<sup>8</sup>

**V**õ Hồng viết văn từ thời Tiền Chiến. Mãi đến năm 1959 ông mới thực sự gia nhập vào làng văn hậu chiến bằng văn phẩm đầu tay *Hoài Cố Nhân*. Văn phẩm này không có gì đặc sắc để đủ tin tưởng một Võ Hồng tiến xa hơn. Nhưng vốn là người trì chí cần mẫn

8 Trích *Quần Chúng* số 11-12 tháng 5-6-1969.

lại sẵn chất liệu phong phú ở ngay trong cuộc đời khởi từ một dĩ vãng xa xôi, từ đó Võ Hồng đã vươn lên mãi, đến nay thì ông là một nhà văn có đủ kích thước của hai chiều sâu rộng. Một nhà văn lớn từ tác phẩm của mình, phát xuất từ cái vốn sáng tạo của riêng mình. Tiểu thuyết của ông mang một khuôn mặt đặc biệt Việt Nam – tiếng nói của một tâm tưởng trong một bản sắc của tình tự con người sống động trên phần sống của mình, keo sơn với phần sống thực của quê hương qua từng chặng đường lịch sử.

TRUYỆN DÀI CỦA VÕ HỒNG :  
DÒNG TÂM TƯỞNG TRÊN TỪNG  
CHẶNG ĐƯỜNG CỦA LỊCH SỬ ĐẤT  
NƯỚC

Về truyện dài, Võ Hồng có ba truyện: Hoa Bươm Bướm, Người về Đầu Non, Gió Cuốn. Tôi thích nhất truyện Người Về Đầu Non, một loại thuật sự tâm tưởng qua chuỗi dài kỷ niệm sống của ký ức. Văn phẩm này lộ diện một cách rõ rệt bút pháp của Võ Hồng qua một nội dung tâm tưởng. Bút pháp tức là cái thuật riêng của mỗi nhà văn trong cách xây dựng ngôn ngữ và cấu tạo hình ảnh. Người Về Đầu Non, tác giả đã đạt được cho riêng ông một nghệ thuật cấu tạo hình ảnh. Một thứ hình ảnh có nhịp độ rung động và bén. Một thứ hình ảnh nói lên và gợi gấm nơi người đọc một điền gì đặc biệt khó phai.

NGƯỜI VỀ ĐẦU NON (Cơ sở Văn xuất bản, 1967)

Giọng văn của ông trong văn phẩm này vẫn là giọng văn bình dị trong sáng nhưng tha thiết hơn, chín chắn một cách sâu đậm. đã có thể coi như một thứ bút ký của riêng tác giả, Song cái tôi ở đây đã hòa vào cái ta ở mọi nơi, rất gần với mọi người. Truyện không phải chỉ thuật lại quãng đời tác giả mà đã phản ánh rõ rệt một con người nào đó – có thể là anh, có thể là tôi – trong chân dung một làng xóm Việt Nam. Làng Ngâm Sơn nơi tác giả ra đời bình ảnh trung thực của nông thôn Việt Nam biến trải qua từng chặng đường của lịch sử đất nước. Truyện khởi điểm từ cái nôi này, cái nôi của tuổi thơ và sức sống thuở còn cắp sách đến trường, đã đủ trí khôn để nhận ra nếp sống chân thực nơi đây và lộ rõ dấu tích

những phong tục tập quán trong cuộc đời phong phú của dân quê. Từ cách đặt tên cho đứa trẻ đến những dịp cúng kỵ và thế giới học trò thầy giáo ở Văn phẩm này đã phản ánh rõ nếp sống của đồng ruộng và tự nó luôn như một sức sống tự cường, của sự chân hậu và một điểm sáng tinh thần. Rồi kịp đến khi chàng trưởng thành ra Quán trọ học, sau đó ra Hà Nội, bao giờ và ở đâu chốn cố hương đã như một người tình chung với bao nhiêu kỷ niệm từng nuôi sống tâm hồn chàng và chính nó trở thành đích điểm để chàng tôn thờ hơn là ngưỡng trông, cho dù phải xa quê hương vì sinh kế hay vì thời cuộc.

Đọc Người Đầu Non tôi đã được một lần phiêu lãng về nơi chôn rau

cắt rốn của chính mình vì hình ảnh làng Ngân Sơn cũng như nếp sống và tập tục đã không có gì khác biệt với một làng xóm ở miền Trung châu Bắc Việt hay miền Bắc Trung Việt.

Như vậy thì đã chứng tỏ văn phẩm trên không phải là hình ảnh và kỷ niệm riêng của Võ Hồng. Nhờ vậy văn phẩm đã đạt được một rung động toàn diện, xuất phát từ một cá biệt để đạt được sự phổ biến. Có thể nói quê hương Việt Nam được thu nhỏ lại trong một thôn xóm và tình tự con người dân tộc lại khởi điểm từ một gia đình nông dân nề nếp. Hình ảnh của người Bác trong truyện là hình ảnh một nông dân Việt Nam thuần chất suốt một đời cần mẫn để không phải chỉ sống

cho mình mà sống cho con cái, cho tương lai và niềm vinh dự của cả dòng họ.

... Cái khéo chân thành của Võ Hồng là ông đã không dùng nhiều lời để mô tả vợ chồng người Bác cũng như nếp sống và nếp nghĩ của dân quê. Qua cử chỉ, qua cách thức săn sóc của vợ chồng người Bác đã nói lên đủ một tình thương vô hạn dành cho chàng. Sự đỗ đạt của người cháu trở thành niềm tự hào của chính ông, của cả dòng họ, của cả thôn xóm nữa. Người bác đã theo chàng trên mọi nẻo đường. Khi già cả ốm yếu và thôn xóm vì chiến tranh tàn phá, bất trắc, ông vẫn chôn chân ở chốn quê hương này, và nhất định từ chối không ra hẳn Nha Trang với con cháu. Thỉnh

thoảng ông có ghé qua thăm một vài lần, mang theo đồng quà tấm bánh. Thế thôi. Ông không thể rời bỏ quê hương dù quê hương tan nát như thế nào. Cái tình quê của con người nông dân đã sâu nặng như vậy.

Hình ảnh của người Bác cho ta một xúc động thật thấm. Ông hiện diện trong tác phẩm một cách khiêm tốn nhưng ông đã trở thành một kích thước lớn trong lòng người đọc. Người đọc tìm ở nơi ông như tìm lại hình dáng của chính bác mình, hay khác hơn, một người Việt Nam chân chất hoàn toàn đang lùi dần để rồi biệt tăm theo Dĩ vãng.

Điều đặc biệt rõ ràng nhất là

đọc xong Người Về Đầu Non ta sẽ còn nhớ mãi về nếp sống miền quê, về tính tình trung hậu của Người Bác. Những hình ảnh kia không thể phai mờ, thấm sâu một cách mạnh mẽ. Từ cái chết tất tưởi của người Bác và một lửa chằng trở về cố hương chịu tang Bác để chứng kiến cả một cảnh hoang tàn của làng xưa. Từ đó, tác giả đã làm nổi bật một hình ảnh sa sút hiu quạnh của căn nhà cũ. Những hình ảnh này tự nó đã gọi lên bao nhiêu nhớ thương, hoài cảm.

Người Về Đầu Non không khác hơn con đường quê hương xuất khởi từ tấm thảm xanh của một dĩ vãng bình an rời gian truân mịt mờ theo những thăng trầm của đất nước. Võ Hồng đã hơn một lần

làm sống động được điều đó. Văn phẩm còn mang theo sự hồn nhiên dí dỏm, vang dội nụ cười nào đặc biệt Việt Nam đồng thời cũng gây cho người đọc bao nhiêu ảnh tượng thấm thía và nổi hiu quạnh dẫu biển bên cạnh sự sống hầu như câm nín của người dân quê Việt Nam.

HOA BƯƠM BƯỞM (Lá Bối xuất bản, Sài Gòn 1966).

Truyện chia thành 18 chương. Đà Lạt là khung cảnh của truyện, cắm mốc từ thời gian Nhật đảo chánh cho đến ngày kháng chiến toàn quốc. Truyện chứa đựng vô số những dấu tích lịch sử trong một giai đoạn lịch sử trọng đại của Việt Nam. Những nhân vật trong truyện đã ít nhiều tham dự vào lịch sử

tại một thị trấn vốn êm ả, bình an như Đà Lạt. Những Quý, Thức, Cần, Thanh, Ấp, Luân, Hoàng, Mậu, Mai Trang, Sáu Thiêng... đều trở thành dấu tích sống của một giai đoạn sống trong phiến động.

Truyện có một kết cấu uyển chuyển linh động và bắt nhịp theo cơn đau hiện có của thời cuộc. Thời cuộc tựa như cái trục và nhân vật của truyện xoay tròn theo cho đến choáng váng. Nhờ vậy Hoa Bướm Bướm đã thể hiện vừa đủ một hoàn cảnh lịch sử trên khuôn mặt thị trấn bình an.

GIÓ CUỐN (LÁ Bối xuất bản, Sài Gòn 1968).

Võ Hồng với văn phẩm Gió Cuốn là Võ Hồng của truyện dài trởi bật

hắn, đắm sâu và truyền cảm thật mạnh mẽ. Truyện gắn bó liền với ta như đời sống ở đây, trong một thị trấn đầy phiền muộn như Nha Trang bây giờ.

Gió Cuốn có thể nói là lịch sử của sự đổ vỡ trong một gia đình Việt Nam (gia đình Thuyên) và kể cả sự đổ vỡ tan hoang trong xã hội Việt Nam qua một thị trấn không may mắn đã phải hứng trọn những cơn bão do một tình cờ của lịch sử đem lại.

Tôi muốn nói đến Gió Cuốn là những hoạt cảnh thâm thúy của xã hội và gia đình Việt Nam trong hoàn cảnh chiến tranh và đã bị bật gốc trước làn gió cuốn vũ bão của

vật chất. Nấc thang giá trị cũ dang lung lay sụp đổ. Nấc thang giá trị mới nào đó đang được dựng lên. Cơ sóng của vũ bão của vật chất đang xô đẩy con người Việt Nam làm lung lay cả cái nền nếp của gia đình... Khác hẳn với Hoa Bướm Bướm, Gió Cuốn sống động từ thực tại, mang theo chất liệu của thực tại. Nó là một nỗi buồn thực.

Nỗi buồn thấm sâu, Khi đang đọc ta sẽ tìm thấy sự tươi vui dí dỏm và nụ cười Việt Nam bên trong văn phẩm. Đọc xong, trước mắt ta còn lại một hình ảnh bao quát - như một bức tường thành cổ kính đang lần sụp đổ và ở đó vang lên tiếng kêu cứu hầu như tuyệt vọng. Gió Cuốn đem lại một nỗi buồn của anh, của quê hương đau khổ rất

thực, thấm thía hơn một lần phần nộ.

## QUÊ HƯƠNG - ĐẤT VÀ TÌNH NGƯỜI

VẾT HẸN NĂM THÁNG (Tập truyện. Lá Bối, 1965) so với Hoài Cổ nhân, Võ Hồng quả đã vượt qua một bước đường dài về phương diện kỹ thuật viết. Tác phẩm thứ ba của Võ Hồng đã vươn lên hẳn, đã cao hơn hẳn và tự nó đã chuyên chở riêng một kỹ thuật viết có thể nói là đặc biệt Võ Hồng, từ kết cấu truyện đến cách sử dụng ngôn ngữ và một cú pháp của riêng Võ Hồng, tuy mực thước trang trọng nhưng vẫn có vẻ mới. Nói là mới vì Chữ và Nghĩa trong Vết Hẹn Năm Tháng (cùng những tác phẩm sau

này) luôn luôn tương quan với vị thế của mỗi nhân vật trong truyện - giữa người Nói và người Nghe, giữa cái bên trong và ngoài lề, giữa thực tại và tiểu thuyết. Đọc tám tác phẩm của ông khởi từ Vết Hằn Năm Tháng đến Gió Cuốn, kỹ thuật viết của ông hầu như luôn luôn được đặt trên một tiến trình mạch lạc và trong đó ta sẽ tìm ra một kiến trúc ngôn ngữ như kiến trúc của căn nhà VN. và ở đó ta tìm thấy sự tương hợp và hòa điệu một cách phân minh giữa Từ (termes) và Ý. Võ Hồng sử dụng cú pháp và ngôn ngữ một cách chừng mực thận trọng. Khi chưa tự tìm được một cái Mới hoàn toàn, tất thị chưa thể Phá. Nếu Phá sẽ chỉ đưa đến sự xáo trộn và trở thành lập dị ngây ngô. Võ Hồng qua Vết Hằn Năm Tháng

có thể nói ông biết nương theo những biến thái mới của thời đại rồi phối hợp với cái đã có để uyển chuyển lập thành một kỹ thuật viết riêng rẽ Võ Hồng. Nhờ vậy kỹ thuật viết của ông có mục thước, thận trọng một cách phải chăng nhưng vẫn đạt được khả năng thông đạt của ngôn ngữ. Những ngôn ngữ ấy không phải là những gì cao xa, bí hiểm, lập dị. Nó có ở ngay trong thế giới ngôn ngữ đời sống, nghĩa là thứ ngôn ngữ bình dị của anh Đỗ Cúc, của dân cầu Thị Thạc, của làng Ngân Sơn, của Lão Túc, của Năm Nhiều... Vết Hằn Năm Tháng đã thành công trong một phần hình thức phát hiện từ khả năng thực. Hình thức ấy không phải một sự choáng lộn làm dáng, hay hàm hồ nói để mà nói (verbalement) Hình

thức của một tương quan giữa chữ viết và người sáng tạo do kỹ thuật và nghệ thuật là một phối hợp, và từ đó truyện có đủ khả năng chuyên chở chất liệu đời sống. Vết Hằn Năm Tháng, Lá vắn Xanh, Con Suối Mùa Xuân... có đủ ưu điểm độc đáo như vậy.

Vết Hằn Năm Tháng có ba truyện đặc sắc hơn cả : Người Thứ Ba, Tình Yêu Đất, Lạnh Tuổi Thơ. Nhưng Tình Yêu Đất nổi bật nhất và là một trong mấy truyện hay của Võ Hồng.

Người Thứ Ba là một truyện tình giữa ba người : Long, Phú và Nguyệt. Nỗi buồn tình yêu ở đây phảng phất một cách băng khuâng trên cái nền lạnh mạn. Chất truyện

nhẹ và trong, ẩn dưới một lớp của tình cờ theo sự ray rứt băng khuâng cùng với một cảm giác nửa vời lơ lửng. Đọc lên ta cảm thấy buồn một cách thích thú và êm nhẹ như làn gió thu. Truyện tình viết được như thế đã là cao độ, đạt vừa đủ bản chất của một nguồn lãng mạn suối trong. Cái đẹp của truyện chính là nỗi buồn phảng phất trong yêu, và yêu trong lạ lùng. Khiến ta cảm mới thấy và cảm được rồi thì nỗi buồn len nhẹ và thấm sâu ngay vào tâm thức mình. Hồ Dzếnh từng ca ngợi một tình yêu chỉ là tình yêu khi còn dang dở. Long đã yêu bằng tình yêu đó. Chất truyện trong, nhẹ đã diễn ra theo sự tình như lời kể, và sự tình cờ ấy lại làm cho người đọc khó quên hình ảnh Nguyệt và mối tình của Long như từng đã có

một thời tuổi thơ chạy đuổi theo cơn tỉnh mộng như vậy.

Trong thế giới truyện ngắn Võ Hồng thì đây là truyện tình thứ nhất ông đã thành công. Điểm thành công đáng kể là đọc xong truyện, ta có cảm tưởng như vừa sống qua một mẩu đời cùng với trạng thái yêu. Truyện diễn ra trôi chảy theo một dòng cảm xúc nguyên vẹn, thuần khiết và liên tục.

Truyện Lạnh Tuổi Thơ cảm động một cách chân thành tuy chỉ là một truyện đơn giản tả lại đời sống của cảnh gà trống nuôi con. Lạnh Tuổi Thơ có thể coi là một thứ tự truyện được viết lên bằng một cái tôi chân thật. Cái tôi của một cảnh gà trống nuôi con tựa như

tấm thảm xanh gợn lên bao luyến tiếc tự cảm. Truyện dí dỏm và vui một cách cảm động, thành thực một cách đơn sơ. Đọc xong bỗng dung người ta dễ dàng lạc vào một vùng sương mờ và ở đó chỉ còn lại một linh hồn băng giá.

Trong Vết Hằn Năm Tháng, truyện Tình Yêu Đất vẫn là truyện hay hơn cả, thấm đậm sâu sắc và đủ nói lên cái ý nghĩa sâu xa trong tương quan giữa người, quê hương và cuộc tìm kiếm một đời sống thực. Lão Túc (nhân vật chính của truyện) cũng chỉ như trăm ngàn nông dân Việt Nam, sinh ra để sống một cuộc đời bình thường giản dị và như sinh ra chỉ để sống với đất, với thôn xóm và tình người mộc mạc nhưng không thiếu một lòng

chân thành kín đáo. Hình ảnh Lão Túc gắn liền với hình ảnh thôn xóm Việt Nam, đẹp một cách đơn sơ phản ánh đủ sự hồn hậu và lòng nhiệt thành yêu đất như yêu người, như yêu quê hương. Lão Túc dù phải cam go chiến đấu để tạo nên mảnh đất cho mình nhưng tâm hồn ông vẫn trong như pha lê cũng không vẫn một chút tị hiềm.

Đối với Lão Túc, đất mới là nguồn sống thực, như một chiếc nôi nuôi trẻ thơ, nuôi chính lão. Đất là người bạn tâm tình của lão. Đất là tất cả. Đất cho tất cả. Đất đối với lão là một giá trị thiêng liêng không một quyền uy nào có thể xúc phạm. Một điều thực dễ hiểu, chính thửa ruộng này, mảnh đất này đã in sâu vết chân lão, lão đã

đổ mồ hôi sức lực mới có. Hy vọng của lão ở đó, hiện tại và tương lai của lão ở đó. Đất là nơi gởi gắm cả thân xác lão, mồ hôi và sức lực. Đất, chỉ nội tiếng ấy đã truyền cảm bao nhiêu và nuôi sống ước mơ của lão.

Đọc nhân vật Lão Túc, người đọc bỗng liên tưởng đến những nông dân Trung Hoa, cần cù cam chịu trong thế giới tiểu thuyết Pearl Buck. Nhưng họ là những con người thực. Con người sống bằng lương năng và hồn nhiên trong nỗi cam chịu cơ cực. Nhân vật Lão Túc phảng phất khuôn dáng của một con người rất mực và đầy khí thế đối kháng với thiên nhiên trong thế giới truyện ngắn của Tchekhov. Thực vậy, Lão Túc cũng như phần

lớn nhân vật của Tchekhov đã rất tầm thường, sống trong sự quên lãng của đời, sống chơi vơi ngoài lề cuộc đời. Lão tựa hồ như loài cây cỏ dại, không ai tri giao với lão. Lão hoàn toàn trợ trợ và bị áp chế mọi đàng. Cả vợ lão cũng áp chế lão. Lão chỉ như một tiếng nói đơn âm. Lão sống ở đời như chỉ còn Đất tương quan với lão, thân mật hòa cảm với lão. Đất không áp chế lão, Đất bằng lòng cho lão chinh phục, bằng lòng nằm trong tay lão. Trong Lão Túc còn hàm dưỡng cái tính chất đặc biệt VN. Lão hồn hậu và chung thủy. Lão cần cù nhẫn nhục. Lão Túc chính là sự hiện diện của một thực chất nông dân sống động. Chính cái thực chất đó qua lối văn đơn giản mộc mạc của Võ Hồng đã làm cho Tình Yêu Đất trở thành

một nghệ phẩm, tức là truyện đã đạt được bản chất và kích thước của nghệ thuật.

Một đặc điểm khác, tác giả đã để cho Lão Túc xuất hiện một cách tự nhiên, tức là ông đã thoát được sự gán ghép cho lão một nhãn hiệu, khuôn mặt tạo hình lão xuất hiện trong toàn truyện để rồi từ sự xuất hiện này qua chủ quan của người đọc sẽ nhận chân ra con người Lão Túc.

Con người ấy trước hết đã tìm ẩn một ý chí phấn đấu. Lão Túc đổ mồ hôi sức lực trên mảnh đất hoang đầy mồ mả. Nhưng từ lòng yêu đất, từ sự cần cù sắc đá của một nông dân, lão đã chiến thắng được tất cả và tự tay lão tạo nên một gia

tài sản nghiệp cho lão. Rồi lão vẫn tiến lên, không bao giờ đứng lại một chỗ... Còn thằng Lạt, con của lão tuy bỏ quê hương ra thành phố nhưng rồi lại lê chân què trở về đất cũ, Bây giờ thì lão Túc có thể yên tâm. Nó sẽ luôn ở bên cạnh lão trên mảnh đất này. Có bị thành phố hắt hủi nó mới chịu an phận trên luống cày (tr. 119). Song giấc mộng của lão Túc vừa thành thì lão Túc bị rắn hổ nang cắn, rồi chết vì nọc rắn. Phút làm chung, lão vẫn cố lấy hơi thở tàn dối dăng : “miếng đất Gò Đình... thằng... (tr. 128)

Thế Giới Của Năm Nhiều (trong Vết Hằn Năm Tháng), tôi cho là một truyện hay nhất của Vũ Hồng về phương diện thực tả (mà vẫn như không thực tả). Đọc Năm Nhiều ta

có cảm tưởng như đang sống với một hạng người Việt Nam chân chất trong chốn bùn lầy nước đọng ở nông thôn. Mới đọc qua ta sẽ tưởng rằng Năm Nhiều chỉ là một nông dân u mê ám muội. Nhưng không, không phải thế. Đời sống của Năm Nhiều là cả một ý nghĩa. Năm Nhiều coi việc giỗ tết cúng kỵ là một giá trị thiêng liêng. Giá trị thiêng liêng đó tự nó đã hàm chứa một nền tảng triết lý giữa con người và thần linh, giữa sự sống và sự chết trong cảm thông tương giao giữa người và người. Một con người tìm thấy trong giá trị thần linh và quê hương. Năm Nhiều có tư cách như một vị chủ tế trước Đấng cao cả của anh, tuy mờ mờ mà có thực. “Khi rót rượu, anh cũng lễ độ đúng mức. Tay phải

cầm bình rượu chúc xuống còn tay trái vòng ngang bụng để giữ vạt áo dài” (tr. 209)

Phong cách ấy là phong cách thực của bản chất nông dân Việt Nam. Khi nói sự giỗ chạp cúng tế của Năm Nhiều tự đã mang một nền tảng triết lý, tuyệt nhiên không thể là một sự gán ghép chữ nghĩa cho Năm Nhiều. Thứ triết lý kia, Năm Nhiều không hề suy cảm thấy vì nó vượt ra ngoài khả năng chất phác của anh. Song nó đã tự tại trong anh, và hàm dưỡng và ẩn giấu trong tiềm thức của anh và xuất hiện qua cử chỉ, phong cách anh như một thói quen của tập tục lề thói. Và cuộc đời sống động trong đó, tin yêu để tìm kiếm Hạnh Phúc cũng ở trong đó. Và quả nhiên

nó là thứ triết lý tự tại trong anh. “Tối hôm trước ngày ra trường là buổi cúng khai tâm. Con gà luộc nằm trong cái đĩa lớn ngừng mặt nhìn trời... Anh Năm tắm cho tôi rồi bắt mặc quần áo mới, Anh đẩy tôi lại gần con gà, nơi cha tôi đang đứng lầm rầm khấn (tr. 123). Nếu quan sát như một nhà Dân tộc học thì thái độ và cử chỉ trên của Năm Nhiều đều bao trùm một ý nghĩa thâm trầm đã nói lên niềm khát vọng minh mẫn của một con người trước những huyền tượng huyền bí. Năm Nhiều đã tìm được đời sống của anh trong đó. Vậy thì, khi mô tả thái độ và cử chỉ của Năm Nhiều, tác giả đã cho ta một số ý nghĩ sâu xa hơn, khác hơn về việc mà ta có thể cho là Năm Nhiều mê tín dị đoan.

Nhân vật Năm Nhiều thật dễ thương và sống động như một con người xương thịt trước mắt ta. Trước hết Võ Hồng đã đạt được một thứ văn ngay thẳng nói về một con người như Năm Nhiều và bằng thứ ngôn ngữ của tiếng nói. Trước hết Năm Nhiều hiện diện rõ rệt như một sự nói thẳng và nói rõ những gì muốn nói. Từ đó nếu Năm Nhiều có mê tín dị đoan thì tự nó đã mang bản tính con người vì Năm Nhiều là con người thực, cái bản tính của Năm Nhiều có thể tìm thấy qua một đoạn tả thật hay:

Một anh bạn hỏi:

– Chị Ba sống một mình không biết buồn à?

– Buồn chớ. Nhưng biết sống với ai cho có hai mình?

– Để tôi làm mối anh Năm Nhiều cho chị.

– Em nghèo lại tản cư mà. Anh Năm Nhiều đâu có thềm em.

Năm Nhiều cười híp hai con mắt, không biết nói sao. Tối đó anh trần trọc không ngủ được. Hôm sau bần thần không làm gì được. Cử hay mỉm cười một mình và lát lát nhìn vào chiếc gương soi (tr. 224)

Độc Thế Giới Của Năm Nhiều ta dễ dàng tìm lại được quê hương trong Dĩ vãng. Thứ quê hương được xây dựng trên nền tảng của lòng thành qua một tin yêu bộc trực.

Đã lâu rồi, người ta thường nhìn người nông dân Việt Nam qua con mắt của nền văn minh đô thị. Hay khác hơn bằng cái lăng kính của sự tiến bộ khoa học. Nếu nhìn bằng con mắt như vậy thì Năm Nhiều chỉ là kẻ u mê kém cỏi, và mắt vẫn nhắm chặt trước ánh sáng của tiến bộ, Nếu như vậy thì quả rằng Võ Hồng đã không soi sáng được một thực chất tiến bộ nào qua văn chương và đồng thời ông đã đồng lõa với sự mê tín dị đoan. Nhưng không phải thế. Năm Nhiều rõ rệt là một con người Việt Nam thuần thành.

Võ Hồng qua Thế Giới Của Năm Nhiều là sự trở về nguồn. Năm Nhiều qua sự tôn sùng cúng kỵ rất tôn nghiêm bằng một lòng

thành nhất của anh, chính là giếng mỗi nền gốc nông thôn V.N. Thiết tưởng những cuộc kháng chiến phi thường chống ngoại xâm của dân tộc ta đều xuất phát từ giếng mỗi đó và thúc đẩy mãnh liệt cũng từ căn bản của lòng tin nhiệt thành nhuốm mùi tôn giáo như vậy qua một Năm Nhiều. Nông thôn VN bao giờ cũng là một thành trì chống xâm lăng vũ lực và văn hóa thì chính những người như Năm Nhiều đã tạo nên bức thành trì này.

Văn Võ Hồng trong truyện này như có vẻ phảng phất ảnh hưởng một Lỗ Tấn qua A. Q Chính truyện. Nếu như tác giả để Năm Nhiều xuất hiện như một thực chất Năm Nhiều tại nông thôn VN thì nhân vật này quả là sự hiện diện độc đáo trong

thế giới nhân vật lạc loài của Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại. Người nông dân VN ngày nay hay ngày mai tuy không còn một khuôn mặt Năm Nhiều nhưng anh ta vẫn còn lại một thứ tin yêu như thế, tin yêu đến độ cuồng tín và thần thánh hóa, và đó cũng là thực chất trong tâm hồn của từng lớp nông dân Việt. Cái gốc không thể nào hủy diệt của dân tộc ta cũng vẫn là những Năm Nhiều, Võ Hồng đã làm nổi bật và sáng rõ về điểm này.

## NHỮNG MẢNH VỤN TRONG ĐỜI SỐNG

Dấu Chân Sa Mạc (trong tập truyện Con Suối Mùa Xuân. Lá Bối, 1966) mô tả lại đời cô Ba Hường, lấy chồng Tàu và chồng chết năm

cô 30 tuổi. Đời cô Ba từ đó đã in sâu trong trí nhớ tuổi thơ của tác giả (qua nhân vật tôi) Đây có thể gọi là một trang sử nhỏ về đời một người đàn bà có nhan sắc, có sản nghiệp song vẫn không sao tránh được định mệnh khắc nghiệt như đã dành riêng cho khách hồng nhan. Trước sau, cô Ba dù giàu có vẫn chỉ là một kẻ lạc loài và như hoàn toàn xa cách với mọi người xung quanh. Tòa nhà của cô tuy đồ sộ nguy nga nhưng chính nó chỉ là một ốc đảo và cô đã tự giam mình trong đó...

Câu chuyện cô Ba còn được lồng trong khung cảnh bình dị êm đềm của thôn xóm, nhưng vẫn không thiếu những eo xèo, dị nghị, không thiếu những tị hiềm ác tâm. Hình

ảnh của người cha goá bụa lại gắn liền với câu chuyện cô Ba. Và tuổi thơ của tác giả đã sống động trong vùng bão táp tình cảm đó. Duy có một điều, tuổi thơ vẫn còn nguyên vẹn tuổi thơ nhờ tấm lòng yêu dấu của người cha, của bà Ngoại, của người Dì. Tác giả đã làm sống lại một cách cảm động qua một vài nét đơn giản đã nói lên mối tình thâm kín của người Dì đối với cha chàng. Tuy Dì đã có chồng...

[thiếu trang 61, 62]



cái răng, như chúng nó đã giúp chàng khám phá ra bao điều tốt đẹp để thấy rằng đời sống rất khó sống, như cái răng rất khó nhai, khó nói, khó phát âm, nhưng đời sống thật rất đáng sống cũng như cái răng. Không thể tách rời thân xác và tủy nó giúp cho ta tìm thấy rõ thực những nhu cầu của thân xác tương quan với tâm thức và tâm thức như một nhu cầu cảm thông giữa người và người. Cái răng quan trọng là như vậy. Dù bình thường không ai nghĩ đến nó. Không ai ngờ cái răng lại tác dụng sâu xa đến tâm hồn như vậy.

Nhà văn chỉ là nhà văn khi chàng không đóng vai trò một người thuật chuyện. Qua Truyện Cái Răng cũng như Thế Giới Của Năm Nhiều, Dấu Chân Sa Mạc .. Võ Hồng xuất hiện như một người thuật chuyện. Ông đã biết dựa vào kinh nghiệm đời sống, một hiểu biết rõ rệt trong từng quãng đời và từng môi trường sống để từ đó ông tự tôi luyện và tập thành một nguyên chất sáng tạo. Chất sáng tạo thể hiện qua chữ viết, một tiếng nói bình thường để thuật chuyện do chính mình đã sáng tạo nó ra. Qua những truyện vừa kể trên, ta có thể nói Võ Hồng đã thành công một cách đặc biệt trước hết chỉ vì ông đã không tiểu thuyết hóa nhân vật của truyện. Truyện như cơn thức dậy của hoài niệm. Mỗi nhân vật

được lồng trong một biến cố. Mỗi biến cố được mô tả như sự xuất hiện tình cờ của ký ức và ở đó ta có thể nhìn một cách rõ rệt từng con người trong một con người, sáng tạo giữa không gian và thời gian.

Đứng trong khuôn khổ và nếp sinh hoạt của Văn học hiện đại mà nhận xét, tôi thấy tiểu thuyết Võ Hồng thể hiện rõ một bản chất Việt Nam đặc biệt. Từ đó ta dễ dàng cảm thấy cái Dân tộc tính đã bén sâu từ nền gốc tiểu thuyết Võ Hồng. Cái dân tộc tính đó bàng bạc trong tiểu thuyết của ông như ánh sáng và khí lạnh. Ta chỉ cảm mà thấy. (Dấu Chân Sa Mạc, Thế Giới Của Năm Nhiều, Tình Yêu Đất, Người về Đầu Non...) Tiểu thuyết của ông còn ẩn giấu một tình yêu quê hương và

ta cũng chỉ cảm mà thấy như một khẳng định không thể biện giải.

Sau hết văn phẩm của Võ Hồng đã gắn liền với bối cảnh xã hội và lịch sử hiện đại. Song nếu tìm ở văn phẩm của ông về thái độ tiếp nhận của nhà văn trước hai bối cảnh trên trong một nội dung thời đại, ta sẽ chỉ thấy một Võ Hồng lúng túng mờ nhạt.

Song có điều rõ rệt nhất là tiểu thuyết của Võ Hồng luôn luôn như một nỗ lực, một ý thức của chính nhà văn, hay đúng hơn, khát vọng của một con người muốn vươn lên, được nói lên, và truyền đạt gởi gắm Một Cái Gì từ tấm lòng và nguồn sáng tạo của mình cho Quê hương trong Con người. Tiểu

thuyết của Võ Hồng nhằm bao quát về Con Người trước đã. Ông không nhằm khám phá nó hay phân tách nó (như lối phân tâm mà Nguyễn Mạnh Côn đã ảnh hưởng sâu đậm). Con người trong tiểu thuyết Võ Hồng chỉ là một con người có đấy, nó hiện diện trong phần đời sống của chính nó, tác giả mô tả lại, và bằng thiện tâm, trả lại giá trị sẵn có của nó chứ không phải chỉ nhằm đặt nó vào trong một số giá trị của riêng nhà văn. Cũng vì vậy, nếu tìm một thái độ tiếp nhận cuộc đời trong toàn bộ tiểu thuyết của ông sẽ là điều không có được hay nếu có thì đã rất mờ nhạt lúng túng. Mỗi nhân vật của ông là một thái độ riêng và một gởi gắm riêng nơi người đọc, mỗi thái độ đôi khi đã mâu thuẫn nhau một cách lạ lùng

chỉ vì mỗi nhân vật đã luôn luôn tự tại trong một ý nghĩa của sự sống. Bản sắc chung của tiểu thuyết Võ Hồng đại để như vậy.

Nhân vật của Võ Hồng chỉ là những con người bình thường trong đời sống bình thường của xã hội cho dù xã hội có đổi thay biến thái như thế nào thì con người vẫn là con người có đấy, nó đang hiện diện. Tác giả bắt nhịp với nó, tri giao cùng nó qua sự đơn giản, bình thường. Nó sống như để mà sống, bản khoán dày vò trong sự chấp nhận rồi làm lũi phần đấu trong tình cảnh chung quanh và trước mặt. Hầu hết nhân vật của ông xuất hiện theo những mảnh vụn của đời sống, xuất hiện tự nhiên không hề có sự giả hình hay do

những ám ảnh bóp méo. Tuy rằng nó vẫn thiếu sự phản kháng, một sự phản kháng ở ngay những câu thúc trói buộc của đời sống riêng mình. Song điều rất đặc biệt đáng nói là nhân vật trong tiểu thuyết của ông đã rất gần với mọi người. Nhờ vậy tiểu thuyết của Võ Hồng đạt tới một tinh thần nhân bản lồng trên căn bản thực chất của con người trong quê hương của nó. Nông thôn và tập tục, đồng lúa xanh con sông dài và con người sống động trong đó như bao giờ cũng là đối tượng cho lòng say mê của nhà văn họ Võ, Ngân Sơn.

Cao Thế Dung

Đã Phát Hành Toàn Quốc

# **CHO TRẬN GIÓ KINH THIÊN**

Tác phẩm mới nhất của

**NGUYỄN THỊ THỤY VŨ**

Bìa Offset Ấn loát mỹ thuật

**NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG** xuất bản

## Mang Viên Long

### Võ Hồng, những lần gặp gỡ

**C**uối tháng 6-73 tôi rời “Trường Hạ Sĩ Quan nung chí người trai” trở về Tuy Hòa thăm chốn cũ nơi tôi đã sống trên bảy năm với nhiều bè bạn và kỷ niệm nhất, được nghe anh Trần Huiền Ân nói tới số báo Văn viết về Võ Hồng. Sau đó, tôi lại được Phạm Ngọc Lư nhắc nữa. Tôi cảm thấy vui sướng, bởi vì, cái ý kiến mà tôi đã viết cho Văn từ lâu (lúc anh Trần Phong

Giao còn làm thư ký tòa soạn) để mong Văn làm những số đặc biệt về những người viết còn sống, đang có những sinh hoạt gần gũi và cần thiết, khi nhìn thấy Văn có những số chủ đề viết về bốn mùa, viết về những người đã chết (đã chết rất lâu, có nhiều báo đã viết rồi) đang thực hiện. Tuy vậy tôi không nghĩ là từ nay tới lúc Văn in số đặc biệt này tôi được yên để viết một đôi điều về Võ Hồng, bởi vì tôi còn phải đi nhiều nơi, làm nhiều việc mà trong hơn một năm, từ Trung Tâm 3 nhập ngũ ra nằm ở trường Hạ Sĩ Quan Đồng Đế, tôi đã bỏ bê. Tôi có bốn phạm đốc thúc quý vị ở Tuy Hoa viết, vì nghĩ rằng, Võ Hồng ở Phú Yên, có liên lạc thường xuyên và mật thiết với Tuy Hòa, thì nên nhân đây mà viết cho vui. Tôi trở

vào Sài Gòn, và về lại Tuy Hòa vào khoảng trung tuần tháng 7. Ở đây, tôi được gặp hai anh Mai Thảo, Duyên Anh, trên đường tham dự tuần lễ Văn Hóa tổ chức ở Pleiku ghé lại. Bận này, anh Mai Thảo cũng có nói tới số đặc biệt về Võ Hồng, anh bảo có cái gì viết cho Võ Hồng thì viết gửi Văn. Có lẽ sau số viết về kịch tác gia Vũ Khắc Khoan. Về tới Qui Nhơn, công chuyện nhà cửa nhì nhằng, tôi biết lại không được yên để ngồi nhớ lại mà viết cho được đầy đủ. Ít ra cũng ghi lại những nét chính, những nhận xét quan trọng về Võ Hồng. Thế là tôi viết thư thúc ông Trần Huyền Ân, nhắc nhở Nhã Nam, Khánh Linh, Phạm Ngọc Lư... Tôi hy vọng rằng, nếu tôi không có dịp đóng góp được, thì quý vị ấy sẽ nói thế tôi.

Tôi có chuyện phải đi Huế và Đà Nẵng sau đó. Trở vào Tuy Hòa để kịp khai giảng vào ngày 26/9. Tôi hỏi thăm lại Trần Huyền Ân, Nhã Nam thì quý vị ấy chỉ cười, than : “Bạn rộn quá, cứ định viết rồi lại hẹn, tới nay có lẽ đã trễ rồi”. Tôi viết thư hỏi thăm anh Mai Thảo coi thử số báo ấy sẽ ra vào tháng nào để có thể cùng anh em góp bài cho nó sum họp. Chưa được tin anh Mai Thảo, tôi nhận được của Võ Hồng một thư hồi âm lá thư tôi tạ lỗi bởi lúc vừa ra khỏi cổng “Trường Hạ Sĩ Quan nung chí người trai”, tôi không kịp ghé anh mà đã đón xe Thuận Thành thẳng Tuy Hòa. Tôi cũng đã tỏ sự hối tiếc rằng không nói được đôi điều cho vui trong số viết về anh, vì đã trễ. Anh cho biết : “Số Văn viết về tôi, ban đầu

tòa soạn dự tính tháng 10 nhưng theo lời đề nghị của mấy cây bút ở xa thì ông Nguyễn Đình Vượng hoãn vào Février hay Janvier, có lẽ Février. Nhưng tôi nghĩ rằng nếu anh thích viết chơi thì anh cứ bắt đầu đi và viết xong là gửi cho Nguyễn Xuân Hoàng”. Cũng trong thư này, anh đã tâm sự : “Tôi thì vui ít buồn nhiều, có nghe thiên hạ bà con tặng cho lời khen khi mình còn chính tai nghe được thì cũng là một niềm an ủi trên bước đường calvalre dài dặc của mình. “An ủi”, bởi chính chữ “an ủi”, đã ngầm chứa bao nhiêu thâm ròi.” (thư ngày 20.10.73).

Được thư buổi chiều, buổi tối tôi viết ngay. Tôi cảm thấy sung sướng được “viết chơi” về anh,

trong lúc chưa có dịp ghé lại “nói chuyện chơi” với anh như những lần trước. Có lẽ tôi đã ảnh hưởng ở anh về tính chất của những nụ cười nhẹ, dí dỏm và cũng thật bụi ngùi.

Tôi liên lạc với Võ Hồng lần đầu, vào đầu năm 1969. Thư đầu tiên, ngày 15-3-69 Võ Hồng đã đề nghị: “Xin anh cho phép được xưng hô như vậy cho đỡ khách sáo”, dầu tuổi tác giữa chúng tôi rất chênh lệch. Trong lá thư đó, anh viết cho tôi hai điều, trước anh nói tới những việc làm của chúng tôi ở Tuy Hòa, “... đồng thời cũng mở đường cho đàn em ở Phú Yên là tỉnh Quê Hương của tôi, thêm tin tưởng, thêm hăng

hái để học, để hành, để phụng sự. Về mặt đó, tôi xin cảm tạ sự hăng hái của anh” ; việc kế tiếp : “Văn sẽ ra một số tưởng niệm Y Uyên. Anh có quen thân với Y Uyên mong anh viết lại những kỷ niệm. Chúng ta có bốn phận yêu mến và biết ơn những người như vậy, làm việc âm thầm và hưởng thụ rất ít trong cuộc đời”. Mãi tới năm 71, khi in xong tập “Mùa Thu Trống Trãi”, nhân mùa hè ghé thăm người anh làm việc ở Bộ chỉ huy 5 Tiếp vận, tôi mới ghé lại thăm anh lần đầu tiên. Thực ra, tôi cũng có nhiều dịp phải vào Nha Trang, trước đây, nhưng bởi những bận đó bận rộn và ngăn ngại quá thành thử không kịp thăm anh được. Tôi muốn có những giờ phút thực yên, thực rỗi rảnh để ghé anh. Thư nào anh viết,

cũng “mời anh có dịp ghé tôi chơi”, nhưng rồi thư nào trả lời, sau lời xin lỗi, cũng hẹn “thế nào cũng ghé anh.”

Tôi được anh tiếp ở phòng làm việc, cũng là phòng ngủ của anh. Căn phòng kế bên, dành cho cô con gái. Để được yên tĩnh và biệt lập. Nhận ra tôi, anh cười : “Ngó ông ở ngoài trẻ đẹp thế này, sao trong ảnh tôi coi bộ già cả quá vậy ?” Tôi đáp : “Tốt hơn anh đừng nhìn vào cái bề ngoài.”

Bộ bàn ghế dành để tiếp khách đặt phía trước bàn làm việc, phía sau bàn là chiếc giường ngủ. Trong phòng, trên mặt bàn, tôi thấy bừa bộn sách báo, thư từ, bản thảo đang viết dang dở. Giường ngủ thì

chăn mền càng lộn xộn. Anh mời tôi ngồi, rồi đi dọn lại mấy tập sách trên bàn, thu xếp lại chăn mền, mỗi thứ sắp xếp lại một chút.

Anh nói :

- Xin lỗi anh, nhà cửa tôi mất trật tự quá. Ở một mình, khổ cái nôi này.

Tôi cười;

- Như vậy là anh đã khá rồi. Ở một mình như chúng tôi, mừng màn buông rũ quanh năm không vén lên, nhà cửa suốt tháng không buồn quét dọn.

Anh vẫn tiếp tục thu dọn đồ đạc, tôi thấy đã ái ngại. Anh nói chuyện với tôi trong lúc lo sắp sửa mấy lá thư bỏ vung vãi trên mặt bàn :

– Tôi bận quá, mỗi việc một chút, riết rồi mình bỏ phứt hết. Anh nghĩ thử, việc nhà cửa, làm lụng gì cũng chỉ có một mình, cũng mệt lắm chứ ?

Tôi hỏi sao anh không nhờ đến một người giúp việc, anh cười :

– Nó đâu có chịu ở với mình lâu ? Ở năm mười hôm, lại coi chỗ có nhiều tiền hơn, bỏ đi. Thời bây giờ nó đi làm ở sở Mỹ đã có nhiều tiền, còn có cơ mở máy mở mặt nữa.

Tôi vừa nghe anh, vừa nhớ tới một truyện anh viết những nhận xét về những người giúp việc; cảm thấy thông cảm với hoàn cảnh đơn độc của anh nhiều hơn.

Chúng tôi nói chuyện về đời

sống hiện tại của nhau, những khó khăn của gia đình, những nỗi lo cứ mỗi ngày một dồn thúc bởi sự sinh hoạt chung quanh. Anh tính cho tôi nghe “bản chi tiêu hàng tháng, mà anh phải gánh lấy : Tiền gửi cho người con du học ở Tây Đức, một cô con gái đi học ở Sài Gòn, và hai cha con ở đây. Tiền dạy học của anh không đủ vào đâu cả. Năm này hồi xuất Dollar lại tăng. Mỗi năm lại tăng lên một vài bực. Đời sống cũng đắt đỏ hơn. Chỉ có tiền lương nhận được hằng tháng là cố định. Bởi vậy, nhà Lá Bối, hằng năm, đã nhận in hoặc tái bản của anh vài ba cuốn sách, anh mới mong có đủ tiền chi phí mọi việc. Anh kể cho tôi nghe lòng tốt của một độc giả tình cờ quen ở phi trường, hứa giúp vốn, cộng tác mở một

cái Pharmacie. Chuyện một người bạn mới quen, cũng tình cờ, rủ lập nông trại làm vườn ở Đà Lạt bởi anh ta có nhiều đất ở trên đó. Anh ta sẽ nguyện giúp đỡ hết, tạo cơ hội cho anh sáng tác, khỏi phải bận tâm nhiều tới sinh kế, tới con cái như lúc này. Nhưng rồi rốt cuộc, anh ngần ngại, không dám làm phiền tới ai, đành sống với số tiền đi dạy, in sách, và một căn nhà cho thuê.

Hôm đó, chúng tôi có đề cập tới một bóng hồng trong đời sống thầm lặng, buồn bã của anh. Anh nói :

- Đôi lúc buồn bã quá, cũng nghĩ tới việc đó chứ ? Có đàn bà ở trong nhà, đỡ cho mình nhiều việc lắm. Anh nghĩ coi, thì giờ đi dạy,

thì giờ viết, thì giờ làm việc nhà, đâu có chút thì giờ nào được yên nghĩ ? Đến nỗi tôi phải làm những việc vất vả, tần mẩn của đàn bà nữa. Tôi bây giờ chỉ còn biết nghĩ tới lũ con.

Nghe anh, tôi nghĩ tới người đàn bà đã đi qua đời anh, đã mất sớm từ mấy chục năm trước. Đó là một người đàn bà toàn hảo, một mẫu người đảm đang, hiền thực, và trí thức. Có lẽ, anh đã nghĩ khó có thể tìm kiếm một ai thay thế được hình ảnh rực rỡ đó trong đời, nên không nghĩ tới việc tục huyền khi anh còn trẻ và cần thiết cho hoàn cảnh anh ? Nghĩ vậy, tôi nói :

– Có đàn bà, cũng có thể anh sẽ được yên hơn, đời sống vui hơn,

nhưng cũng có thể anh sẽ... mệt hơn khi sống một mình.

Anh cười đắc ý :

– Đó, chính là như vậy.

Dầu đường Tuy Hòa-Nha Trang chỉ cách nhau hai giờ xe đò, chúng tôi cũng ít khi ra vào, bởi ai cũng có những bận rộn và lo lắng trước mặt. Tuy vậy, thư từ vẫn đều đặn, để biết tin tức hay tâm sự. Võ Hồng đầu ở xa quê, đó là một điều đã làm anh hối tiếc, nhưng luôn luôn theo dõi tin tức ở quê nhà. Từ chuyện bạn đồng hương, chuyện làng xóm, tới mọi sinh hoạt văn nghệ. Chúng tôi cũng thường thông báo cho anh những gì cần thiết, để gọi là “cùng nắm một sợi dây thân ái” (thư 16-6-71). Nếu lâu không có thư cho

nhau, anh thường e ngại, đến nỗi làm người được thư cũng áy náy. Anh viết : “.. xin anh thứ lỗi đã không kịp trả lời một bức thư gần đây của anh. Tính tôi không được trật tự, để cái này, quên cái kia, lạc cái nọ chắc anh cũng miễn chấp.” Anh bày tỏ ý kiến về một sinh hoạt của Phú Yên như sau : “Hôm trước đây anh Trần Huyền Ân có gửi cho tôi đọc đặc san mùa Hạ của Bồ Đề Tuy Hòa - Hiến Xương. Ấn hành đều đặn bằng typo, lại được các anh góp tay viết gần như đông đủ, tôi thấy sinh hoạt của Tỉnh mình thật đáng mừng. Có cái gần bó dễ yêu trong đó. Thành phố lớn hơn một chút, thì sự chia rẽ bự hơn một chút.” (thư 16-6-71)

Trước ngày khai giảng, tôi lại có

việc vào Nha Trang. Tôi ghé thăm Võ Hồng. Tôi gặp anh trước bàn viết. Anh rời bàn viết, tìm nước uống. Hôm đó chúng tôi uống bia, Anh mặc một chiếc áo chemise dài tay, quần pijama màu xanh đã nhạt. Tôi nhìn thấy trên gương mặt anh vẻ gì như mỏi mệt, như thờ thần buồn phiền. Anh cho biết đang bị cảm. Việc nhà, việc riêng bù đầu. Anh nói :

- Mình phải lo cho mình chứ còn ai vô nữa ? Anh nghĩ coi, tôi còn bầu con, lỡ có mệnh hệ gì thì sao ? Con nó khổ...

Tôi góp ý kiến:

- Dầu sao thì các con anh cũng đã lớn, cũng trưởng thành rồi. Nghe nói Thủy (con gái út của anh)

cũng đã đậu xong Tú Tài hai, việc gì anh sợ ?

Anh cười nụ cười xuề xòa, nhưng không phải dễ bị chinh phục :

- Vậy mà mình còn nhiều trọng trách lắm chứ. Nó đâu đã yên bề gi. Nếu đã yên, tôi đã... lên chùa tu quách cho nó khỏe.

Tôi nói :

- Tôi tưởng anh sống chung với gia đình của chúng sau này, chúng mới thấy ấm cúng và hạnh phúc. Hạnh phúc không được chia sẻ cho anh, chắc hẳn chúng sẽ thấy thiếu, và ân hận.

Anh im lặng.

Sau một lúc nói chuyện về gia đình, nhà cửa, chúng tôi nói tới một vài sinh hoạt văn nghệ đáng chú ý. Anh than phiền về một cuốn sách của anh bị kẹt. Anh nói tới tin tức của những người bạn văn ở xa. Dịp này, anh cho biết, mỗi khi viết gặp câu khó anh phải “penser à Française”, mới viết được. Đó là cái thói quen. Văn anh gọn và giản dị, trong sáng, một phần cũng nhờ vậy. Tôi bày tỏ sự hối tiếc về những khó khăn cho một sinh hoạt phong phú, đông đảo của văn chương. Tôi nói tới những ước mơ trong một hoàn cảnh sáng sủa. Chúng tôi nhận thấy đều phải nhẫn nại, âm thầm làm việc. Anh thổ lộ :

– Nếu chúng ta được sống gần gũi, gặp nhau, nói chuyện, góp ý

và phê phán xây dựng nhau, thì tốt quá. Trong anh em với nhau mà không chịu được sự góp ý, phê phán thì làm sao chịu được cả quần chúng độc giả ?

Tôi nhận thấy ở anh một phong thái cao nhã, một lo lắng chân tình đối với những người bạn văn, đều là những kẻ mới bước những bước đi sau.

Nói chuyện văn chương chữ nghĩa coi đã mệt, tôi muốn hỏi anh một câu mà lúc ở Tuy Hòa, tôi được nghe một người bạn nói lại. Tôi nhìn anh, hỏi sau một nụ cười :

– Nghe nói anh có hỏi thăm tới cô K.

Anh lộ vẻ ngạc nhiên, cười khòa lấp :

– Ông nghe ai nói ?

Tôi điềm tĩnh:

– Nghe thiên hạ nói lại. Có phải vậy không?

Anh giải thích, xong hỏi :

– Ông coi được bao nhiêu điểm ? Theo ông chấm được mấy điểm ?

Tôi cười :

– Cô đó với tôi là chỗ quen biết, nhưng anh hỏi điểm về hạnh kiểm hay là con người ?

Anh trách :

– Anh khó tính quá thôi. Thôi, ông cứ cho điểm, cả hai.

– Trung bình cộng nhé ?

- Điềm tổng quát đi.
- Cỡ sáu trên mười.
- Vậy là khá lắm rồi.

Anh cười :

- Có mấy người bạn cũng nhận thấy tôi sống vậy, nói giỡn vậy mà. Tôi đâu có dám đèo bông nữa.

Tôi cười:

- Tôi giới thiệu anh một cô bạn, ở Sài Gòn, được không?

- Thôi, tôi không dám. Gặp nhau, tình cờ, vẫn hay hơn. Cái vụ giới thiệu qua lại, không ai hiểu biết ai, một lăm...

Tôi biết anh hể nhân nói, thi nói cho nó vui vậy, thực tình tôi nhận

thấy anh không hề tha thiết tới việc này. Nếu anh muốn, anh đã có từ lâu. Tôi cũng nghĩ, anh khó tìm lại được một ai thể vào hình bóng cũ, mà anh đã sống rất đắm thắm, rất hạnh phúc thuở trước. Thương anh, có lẽ ai cũng muốn anh sống khác hơn cuộc sống quanh quẽ mà anh hiện sống, vậy thôi. Anh không phải là người dễ thuyết phục, hay không biết dự tính cho đời sống của mình.

Khoảng một tháng sau, tôi lại được anh em trong Hội Ái Hữu Học Sinh Phú Yên “phái” đi Nha Trang với trọng trách hướng dẫn quý vị văn hữu ở Nha Trang ra Tuy Hòa tham dự buổi sinh hoạt, và nói chuyện do Hội này tổ chức. Thực ra thì đã có thư từ, hứa hẹn

từ trước, tôi chỉ là kẻ đến nhắc lại lời mời, và “hộ tống” quý vị ấy đến Tuy Hòa mà thôi. Những người mà tôi ghé đến ở Nha Trang, gồm có Võ Hồng, Dương Kiên, và một hai vị khác nữa. Tôi đến tìm Võ Hồng trước tiên.

Dịp này, tôi được nghe anh than thở nhiều hơn về việc nhà cửa không ai coi ngó giúp, đường sá không rõ ra sao, công việc cứ dồn lại chưa thanh toán kịp, vân vân. Tôi làm kẻ “du thuyết” bất đắc dĩ bởi nghĩ tới anh em ở Tuy Hòa đang tin tưởng và mong đợi. Họ đã tổ chức đấu vào đây đảng hoàng, gà vịt đã chết, khách khứa đã mời. Chẳng lẽ tôi ra đi rồi lại trở về không ? Sau rốt, kẻ du thuyết bị thuyết phục. Võ Hồng hẹn khi khác sẽ ra Tuy Hòa. Lúc ấy

có thể là mùa Hè, Anh nhờ tôi xin lỗi hộ với tất cả anh chị em ngoài đó. Bạn này, tôi nghĩ, anh cẩn thận và lo xa quá đỗi. Tôi hiểu, tại sao truyện Chuyển về Tuy Hòa của anh là một việc quan trọng: Anh ít xê dịch, ngại đường xá, và lo xa. Có thể, anh nghĩ tới cảnh quạnh vắng buồn tẻ của mình, đồng thời bốn phận phải lo với con, nên bản tính đã cẩn trọng giờ thêm ngại ngùng, dè dặt ? Bây giờ, phải sống trong những kinh nghiệm, tôi mới hiểu anh thêm. Tuy vậy, tôi cũng đã đôi lần đề nghị với anh một cuộc sống khả dĩ sẽ làm giảm bớt sự buồn bã cô độc, bằng sự đi lại, lui tới với bè bạn, tham dự những đêm lang thang, vân vân. Anh nói cũng rất thích, nhưng ngặt tuổi tác và đời sống không cho phép.

Tâm trạng này, anh đã có lần viết cho tôi ... Thư nhận vào dịp Tết nhận nhíp nên không kịp hồi âm. Mong anh thứ lỗi khiếm nhã. Tôi vốn không đến nỗi lười nhưng mà những ngày tháng gần đây cũng thêm heo hút cô đơn nên tôi lì tôi bỏ phế hết. Cả đến chuyện viết lách và làm ăn”. (thư 27-2-72). Anh cũng đã nhắc lại ước mong đã có lần nói tới : “... Chớ chi ở gần gũi, chúng ta họp nhau năm ba anh em thân, cùng đọc và cùng góp nhận xét với nhau. Cái nào nghe được thì nghe, không chịu được thì thôi... như vậy có lợi cho người viết mà tình anh em cũng thêm gắn bó.” (thư 27-2-72).

Trong một thư viết gửi tôi nhân nhận được cuốn truyện tôi gửi tặng

anh (tập 4 “Phố Người”), anh lại viết cái nhận xét lần gặp tôi đầu tiên : “... Ngoài đời anh đẹp trai mà sao anh ưa hình vẽ anh phải phong trần (trang cuối Phố Người) với râu ria (trong một bức ảnh) Tôi nghĩ rằng mặt mày sáng sủa, trắng trẻo, trẻ... cũng được lắm chứ (thư 2-9-71). Cũng nhân nói tới việc sách báo, phê bình, anh tâm sự : “... Ông Đỗ Quý Toàn trên báo Đời có nêu những khuyết điểm của Như Cánh Chim Bay, những khuyết điểm tôi công nhận bởi tôi đã biết trước, tôi đã “dọn mình” trước. Tôi phải chịu “bó tay” để bộ truyện của tôi được người đọc tin là “có thật”. Vì nó dính dáng tới nhiều những sự kiện lịch sử gần đây, mà các sự kiện đó đều bị hai bên nói mâu thuẫn nhau hết nên tôi phải giữ thái độ trung

thực, mà muốn trung thực thì câu chuyện cũng đừng éo le thái quá, giả tạo thái quá. Đó, phải tự nguyện bó tay là như vậy”. (thư 2-9-71)

Đoạn cuối là thư, anh cũng đã kể thêm : “Trước đây nửa tháng anh Trần Huyền Ân có gửi cho tôi bài đọc sách của Thục Khưa. Tôi xin cảm tạ anh T. H. Ân ở nơi này (Anh có thể trao cả bức thư cho anh đọc) Anh Thục Khưa có phê bình nhẹ nhàng về một lời quảng cáo “... đọc Trầm Mặc Cây Rừng để thấy truyện ngắn Việt Nam không thua...” Thật ra thì lời quảng cáo cũng không đến nỗi đao to búa lớn. Nó đề cao cả truyện ngắn V.N. chứ không chỉ của V.H... Và “không thua” có thể là “mới gần bằng ?” Tuy nhiên, tôi cũng có chút ngượng ngùng chân

thành, dù đó là lời nhà xuất bản đứng ra quảng cáo. Mà lạ thay tôi vừa ngỡ ngàng mà lại vừa muốn viết thư cảm ơn ông Thục Khura đã viết lời phê bình với một giọng điềm đạm hòa nhã, thái độ của người có trí thức”. (thư 2-9-71).

Cuối tháng chín, tôi vào Nha Trang vì nghe tin người anh đang làm việc ở Bộ chỉ huy 5.T.V. bị dời đến Ban Mê Thuột. Xong việc nhà, tôi lại ghé thăm Võ Hồng trước khi về Tuy Hòa. Lần này tôi có mang theo đứa cháu gái, học lớp mười, muốn biết mặt nhà văn Võ Hồng. Chúng tôi, như thường lệ, hỏi han và nói chuyện với nhau về gia đình, việc làm ăn, tin tức của những người bạn xa. Hôm ấy, tôi nhớ anh đã hút thuốc nhiều (thường anh

rất ít hút), đem những câu chuyện nhỏ về gia đình, với con cái, ra kể. Anh nhắc tới Thủy - cô con gái út, buồn bã thổ lộ nỗi lo lắng cho những thua sút về mặt tình cảm của nó. Những sự thiếu thốn (rất nhỏ nhặt : như một bữa ăn ngon, một buổi đưa đón, vân vân) đó khiến anh ngậm ngùi thương con, và tủi thân. Gặp anh, nghe chuyện anh, lần nào tôi cũng dễ tưởng nghĩ tới một đời sống heo hút, cô đơn, bùi ngùi, và cũng hễ gặp anh, được ngồi trong căn phòng anh, tôi lại thôi không muốn phiêu bạt. Tôi ao ước một đời sống rất bình dị, rất sum vầy, để gắng hưởng lấy chút an ủi, ấm cúng mà dường như từ nhỏ đến bây giờ, tôi chưa bao giờ được hưởng.

Chúng tôi có nói tới tình trạng kiểm duyệt, sinh hoạt báo chí, xuất bản, hoạt động của Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục, việc sáng tác. Tôi học được ở anh rất nhiều kinh nghiệm, trong những lần thảo luận, tâm sự như vậy. Về việc xuất bản, anh nói : Có thể dần dần, mỗi cuốn sách in ra, đều phải... dán một con tem đóng thuế, sau khi đã bị nhiều thứ thuế khác. Khi nói tới sáng tác và phê bình, anh bày tỏ : Khi viết, dĩ nhiên làm sao mỗi dòng chữ được ghi lại, một trang giấy được viết, phải bày tỏ một điều gì mới lạ, sâu sắc, có ích lợi cho người đọc. Tâm sự của chính mình, chưa hẳn là của người khác, khiến người khác thích đọc và xúc động. Còn vấn đề phê bình, điều này rất khó, phải làm sao xứng đáng với chữ “văn chương”. Cách

dùng những conditionnel mode, subjonctif mode làm sao cho lời phê phán được giảm nhẹ, ý nghĩ của mình khỏi cứng nhắc, khắc khổ quá. Anh cười : “Tôi không có năng khiếu phê bình. Năm xưa tôi viết mấy lời về cuốn sách của anh là có ý giới thiệu một bạn văn đi bước sau mình một chút. Cũng như khi viết về cuốn - Một Cách Buồn Phiền của Lê Văn Thiện. Tôi chỉ mong các bạn mình được vui vẻ mà dần bước, khắc phục khó khăn, tạo thêm ưu điểm. Chớ cái việc văn chương hưởng thụ cơm áo danh giá chi trong đó mà lắm kẻ kèn cựa một cách hậm hực”. Tôi nhớ lại một ý kiến của anh, trong một lần gặp khác, đã nói : “Làm văn nghệ, cái thú vul duy nhất là có nhiều bạn bè, anh em để vui chơi.

Đi đến đâu, cũng có dăm ba người bạn mặc tình vui thú, nói chuyện. Chứ nếu làm văn nghệ mà không có cái thú vui bạn bè đó, thì quả là một cái khổ lớn.”

Ngày 15,6.72 tôi phải vào Sài Gòn trình diện ở Trung Tâm 3 Nhập ngũ theo lệnh gọi. Nằm ở đó chờ trên một tháng vẫn chưa được đưa đi học. Lúc đó, tình trạng khó khăn, sinh viên trình diện tập thể một ngày lên tới hai ba ngàn, nên các quân trường đều kẹt. Tôi được phép hai tuần lễ. Dịp này, tôi ra lại Trung. Xe đứng ở Nha Trang bởi trời đã tối. Tôi tìm chỗ ăn uống xong, đến nhà Võ Hồng. Mục đích : Ngủ tạm một đêm, sáng sẽ khởi hành đi Qui Nhơn, Sở dĩ tôi phải lo việc cơm nước trước, bởi tôi

biết Võ Hồng đơn chiếc, ăn cơm thánng nhờ mang đến nhà, việc nấu nướng là một trở ngại cho anh. Và lại, nếu tránh không làm phiền ai được điều gì, thì hãy nên tránh. Trong mấy lần gặp anh trước đây, tôi đã từ chối hết thảy những ân cần tiếp đãi của anh. Tôi cũng nghĩ đó là một hình thức không mấy cần thiết, trong lúc tôi tìm tới thăm anh, chỉ vì cái tình. Anh có vẻ rất tiếc, và áy náy như hôm đầu đến thăm, anh phải bỏ mất mấy phút thu dọn.

Đêm đó, anh phải đi mượn cho tôi chiếc ghế bố, khi tôi từ chối ngủ chung ở chiếc giường sau bàn làm việc riêng của anh. Anh tỏ ân hận : “Ông đến xui xẻo quá, căn nhà lúc trước tôi vẫn dành cho bạn bè nơi

xa tới nghỉ, vừa mới cho thuê cách đây hai hôm. Có mấy người khách cũng vừa đi. Lúc trước vợ chồng Doãn Dân cũng ngụ ở đó. Tôi cho anh biết tôi khoái ngủ ngoài hiên. Như vậy mát và thoải mái. Anh ngăn cản tôi, không cho để ngoài trời, bởi vì sẽ bị sương hoặc gió. Tôi nói đùa, sương gió mùa này đâu thấm thía gì, nay mai thành lính ngủ rừng ngủ bụi thì sao. Anh cười : “Ờ, chừng nào ngủ rừng ngủ bụi hãy hay chớ, về thành phố cũng ngủ mừng ngủ nệm cho nó khoẻ cái đã”. Cuối cùng, chịu tôi, anh giúp tôi treo mừng dưới gốc cây trứng cá trước cửa nhà. Chúng tôi nói chuyện tới khuya. Tôi biết đã phá rầy sự yên tĩnh của anh và khiến anh phải bỏ việc một buổi tối, nên thúc anh đi ngủ sớm. Buổi

sáng, anh dậy thực sớm. Lúc tôi rửa mặt vào, thấy anh đang lui cui cạo râu, mặc áo quần vào, Tôi hỏi anh tính đi đâu giờ này. Anh bảo đưa ông đi tới bến xe, Tôi từ chối. Bởi vì, từ nhà anh đến bến xe cũng gần, hơn nữa, tôi thấy không phải chuyện làm anh bận tâm. Tôi phải từ giả anh sớm. Anh theo đưa tôi ra tới đường.

Tháng 8.72 tôi được đưa ra Trường Hạ Sĩ Quan cùng với hai tiểu đoàn khác, đã thụ huấn vì ở Thủ Đức không còn chỗ chứa nữa. Ở đây, tôi gặp nhà thơ Duy Năng (hiệp là Thiếu Tá Chánh Văn Phòng của Chỉ Huy Trưởng), hết lòng giúp đỡ. Tôi cũng nhận được thư của Võ Hồng gửi vào đề gọi là “ủy

lạo chiến sĩ”, trong lúc tôi chưa có phép để ra Nha Trang thăm anh.

Sau này, mỗi lần có phép (ngày Chủ Nhật từ 8 giờ sáng tới 4 giờ chiều), nếu không bận rộn ở phố với những việc cần phải lo mua sắm, tôi tới thăm Võ Hồng. Một hôm, tôi vừa đến trước cổng lại thấy anh ngồi bên gốc trúc. Anh đang loay hoay vun gốc, tưới nước. Trông anh cần mẫn với bụi trúc, tôi bỗng thấy anh già. Và tôi cũng chợt hiểu được sự cô độc, quạnh quẽ của anh. Gặp nhau, có gì anh cũng mang ra. Uống nước trà, hút thuốc, nói chuyện. Được ngồi với anh một vài giờ, tôi lấy lại được cái điềm tĩnh chịu đựng, hết thấy buồn bã lo lắng điều gì. Tôi thường dùng những giờ phép ít oi đó để

thăm anh, ghé anh Duy Năng ăn một bữa cơm no nê, hoặc đến nhà anh Dương Kiên. Có hôm, tôi nằm lại nhà anh Huy Hoàng, tới hết phép mới trở vào trại.

Tại nhà anh Huy Hoàng, tôi gặp Hồ Ngạc Ngữ. Một hôm, tôi hẹn Hồ Ngạc Ngữ sẽ nhờ anh Duy Năng xin cho cái phép đêm thứ bảy, để cùng lang thang cho thoả thích. Đêm đó, sau một hồi ngồi ở quán café Chiều Tím, đã long rong đó đây, cả hai không biết phải vào nhà nào ngủ nhờ. Về nhà anh Duy Năng thì có lẽ cửa cũng đã đóng. Khu vực “Bụi Đồi” đảng anh Huy Hoàng cũng không chắc còn chỗ đủ cho hai đứa nằm. Tôi rủ Hồ Ngạc Ngữ tìm tới nhà Võ Hồng, sau khi đã mua sẵn mỗi người một ổ bánh mì cầm ở

tay. Tôi đến gõ cửa nhà Võ Hồng. Gặp tôi, anh ngạc nhiên. Chúng tôi nói chuyện về thơ, sau khi tôi giới thiệu với anh Hồ Ngạc Ngữ là một nhà thơ. Khi chuyện đã mặn, tôi hỏi xin anh được tạm nghỉ lại. Anh có vẻ áy náy, hỏi vì, tôi nghĩ, anh đang thấy một sự thiếu sót cho hai người khách lang thang bất chợt ghé lại. Nhà không sẵn giường chiếu. Tôi hỏi mượn tạm chiếc chiếu, thu dọn ghế ngồi, trải xuống đất. Anh mang mền gối của anh ra cho chúng tôi. Anh không ngớt băn khoăn, e ngại, khi thấy chúng tôi chỉ cần một chiếc chiếu là đủ. Tôi xin anh tự nhiên đi nghỉ. Còn lại, chúng tôi tiếp tục uống nước trà, giở bánh mì ra ăn, và nằm kên dưới đất, đọc sách báo. Sau này, tôi có cùng Huy Tường đến thăm

Võ Hồng, trước ngày tôi được mãn khóa. Một tuần lễ trước ngày ra trường, tôi có đi phố mua một chai Champagne gửi anh Duy Năng, hẹn đêm trước khi “qui cố hương” sẽ tới rủ Võ Hồng say sưa một bữa. Nhưng rồi, ngày ra khỏi “Trường Hạ Sĩ Quan nung chí người trai” tôi có việc phải ra Tuy Hòa gấp. Không kịp ghé anh Duy Năng. Chai Champagne vẫn chưa mở. Mới đây, anh Duy Năng có viết, thư gọi tôi tìm dịp vào Nha Trang chơi vài ba hôm, để lại khai chai Champagne mừng tôi. Tới bây giờ, vì bận việc dạy dỗ, tôi chưa thể vào Nha Trang được. Có lẽ ngày mai, tôi sẽ viết cho anh Duy Năng một cái thư, nhờ anh xách chai rượu tới nhà Võ Hồng, cũng uống giúp tôi. Chừng nào có dịp vào lại Nha Trang, tôi

sẽ mang theo một chai rượu khác,  
Tôi muốn được trông thấy Võ Hồng  
uống rượu, nếu cần, say rượu...

Tuy Hòa,  
đêm cuối tháng 10-73

Mang Viên Long

Đã Phát Hành Toàn Quốc

## **kẻ tà đạo**

Đây là tác phẩm thứ năm của Nguyễn Xuân Hoàng. Một Nguyễn Xuân Hoàng mới. Bằng một chủ quan mạnh mẽ, và một bút pháp trong sáng, trực tiếp, Kẻ Tà Đạo trình bày tấn thảm kịch chung của tình yêu và tuổi trẻ bây giờ. Trên những khía cạnh đột ngột, khác thường, chưa từng thấy.

**NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG** xuất bản

**TRẦN HỮU CƯ**  
**Võ Hồng,**  
**Những Bước Chân**  
**Hiu Quạnh Trong Đời Sống**

**N**hững ngày tôi bắt đầu bước chân vào trung học. Đạo đó, dường như là tôi đang theo học lớp đệ ngũ hay đệ tứ thì phải. Hình bóng Võ Hồng đã trở thành thân yêu nhất trong đời sống tôi. Thân yêu nhất, không phải vì ông là một Giáo sư dạy hay hay dạy giỏi, mà

chính là nhân cách và tâm hồn phiêu bồng của ông. Có lẽ hồi ấy, tôi cũng chưa biết gì về tác phẩm của ông - tôi chỉ thấy ông mang một phong độ khác hẳn với những giáo sư khác, ở những giáo sư khác tôi thấy có gì quá tầm thường và quá an phận (có lẽ với tuổi hồi ấy, tôi đã đòi hỏi quá nhiều, đòi hỏi những gì mà chính những vị đó không thể có được) - Riêng Võ Hồng, người đã mang đến cho tuổi thơ tôi những xao xuyến, hoài nghi, những chất vấn về thân phận phù ảo của kiếp người - và cũng từ đó ông đã gọi cho tôi thấy một chút mộng mơ nào đó của đất trời. Hình như Gandhi đã nói đâu đó rằng, những gì mà tuổi thơ ta đã sống, thì những điều đó sẽ điều động ta suốt một đời. Tuổi thơ ngồi trong lớp học, vào

những giờ của võ Hồng, tôi thấy ông thường băng qua nhìn qua khung cửa sổ. Ngôi trường cạnh bên dãy núi, có những ngôi tháp cổ, cây phượng trước sân trường. Sau này, khi có dịp đọc văn Võ Hồng tôi thấy ông viết đáng như tôi đã thấy ở cái thời ngây thơ ấy (mấy ngôi cổ tháp đứng ở sân sau trường lặng lẽ suy tư. Những cây sao thân cao mọc ở ven chân núi thông thả để rơi từng cánh hoa màu trắng xuống những bụi gai thấp. Nơi này thỉnh thoảng ngồi trong lớp nhìn qua cửa sổ tôi thấy một con sóc chuyền cành... Những Giọt Đắng Tr. 61). Tôi đã phía thấy và đã xúc động Võ Hồng từ những điều vu vơ trên. Có những buổi chiều tan trường, tôi thấy ông thường lững thững bước ra khỏi sân trường sau

cùng. Gương mặt của ông lúc đó trông buồn buồn. Sau khi những bước chân, những tà áo cuối cùng đã vắng bóng. Vào những khi phư vậy, tôi thường có dịp đứng nghe ông nói chuyện. Ông nói đến nỗi buồn của cuộc sống, nỗi cô độc của kiếp người cùng những ly tán của đời sống. Có thể nói, đó là nhtrng mối ám ảnh lớn trong toàn thể tác phẩm của Võ Hồng. Sống và khổ đó là những gì quá tầm thường và quá quen thuộc. Những gì của thực tại muôn đời và thực tế muôn nơi, xảy ra ở khắp mọi chân trời. Nhưng dường như, bất cứ lúc nào chúng ta nghe nói đến tiếng Khổ, tới nỗi xúc động trong ta sẵn sàng bùng dậy. Bởi vì càng lớn lên, ta thấy kiếp người càng buồn và vô nghĩa thêm ra.....

Vào khoảng năm 1960-1962 khi anh Phạm Công Thiện còn ở Nha Trang, anh đang tu trên một ngôi Chùa. Tôi nhớ, vào một buổi chiều mưa, anh trở về Chùa một mình, anh có đọc cho tôi nghe hai câu thơ:

*Mưa chiều thứ bảy tôi về muộn*

*Cây khế đồi cao trở hết bông*

Tôi được anh cho biết, là anh đã làm hai câu thơ trên từ nhà Võ Hồng trên đường trở về chùa. Sau đó, nếu tôi không lầm, thì hình như Võ Hồng cũng viết một câu truyện ngắn Hoa Khế Lưng Đồi bắt nguồn từ cảm hứng hai câu thơ trên của Phạm Công Thiện, cũng cây khế trở bông ấy và ngọn đồi ấy (những cây khế đứng ở lưng đồi trở hoa

tím, những chùm hoa hình khối lục lăng mừng tượng những ngôi cổ tháp. Những giọt đặng, Tr. 58). Vào khoảng thời gian ấy, tôi thấy mỗi chiều Võ Hồng thường lên chùa thăm anh Phạm Công Thiện. Hai người thương ngồi nói chuyện với nhau trong một vùng cây rậm nhìn xuống chân đồi. Tôi không biết hai người nói với nhau những gì. Nhưng thôi cần gì phải biết, tôi cứ tưởng tượng theo những nhân vật của Võ Hồng như thế này ; một người từ phố lên mang cả cái mệt mỏi và hiu quạnh của đời sống tẻ nhạt với (nhiều ẩn ức, nhiều bức thúc, nhiều dày vò. Thân phận con người quằn quại trong những đau khổ muôn hình.. Bên kia đường Tr. 119). Còn một người đang ở trên núi, thì sẽ đem hết cái tịch liêu,

những hoài vọng triền miên của tuổi trẻ mình để nói chuyện với nhau - và rồi, đến một lúc thì thế nào anh Phạm Công Thiện cũng sẽ như một nhân vật nào đó của Võ Hồng (nhẹ nhàng kéo tôi về một nẻo suy tư nào đó với anh, về một chân lý, một tư tưởng triết học. Lịch sử Ấn Độ dày quá khứ và quá khứ đó dày tư tưởng... Bên kia đường, Tr. 36).

Tôi có thể tưởng tượng như trên, để viết lại một ít hoài niệm mà tôi đã biết về võ Hồng vào khoảng thời gian xa xôi ấy.

Đứng trước chiến tranh, Võ Hồng cũng như tất cả những người cầm bút khác, đều nói lên lòng đau

đón của mình. Nhưng Võ Hồng thì khác, ông thâm trầm hơn - ông đưa chúng ta đến một trầm tư thâm, trước thân phận đau buồn của quê hương (chòi canh cao bay phất phơ lá cờ. Một người lính ngồi ôm súng nhìn không gian chập chùng đồi núi. Lô Cốt. Trại Lính. Người dân không có thì giờ nghỉ ngơi. Hai mươi năm đủ để đào tạo một thế hệ. Người lính đang ngồi trên chòi canh đó, có thể là con của người lính mà tôi đã gặp hai mươi năm trước. Các thế hệ nối tiếp nhau đã chuyền cho nhau tiếng nói và cây súng. Nước chảy dưới cầu. Những đồi cát nằm giữa dòng sông... Bên kia đường Tr. 145). Những dòng lặng lẽ trên đang bay lất phất trong những làng mạc, những đồi núi chập chùng của quê hương.

Một buổi chiều mùa đông âm u nào đó, trong một chuyến xe đò băng ngang qua những vùng âm u của quê hương, rồi nhìn những người trẻ tuổi đang cầm súng đứng trong mưa, thì những diòng trên mới thấm vào trái tim buốt giá của ta. Có phải bóng đêm đang về chụp xuống trên những mái đầu xanh của những đứa con tại Việt Nam ?

Tôi đọc văn thường không để ý lắm đến cách hành văn hay bố cục (có lẽ tôi cũng không biết gì nhiều hơn tác giả). Tôi chỉ đọc những gì trong đã thấy có bóng dáng của mình. Như bây giờ, bây giờ đang là buổi xế trưa, những buổi trưa thức dậy nghe đờn bồng xiêu đổ lạ thường. Ánh nắng vàng vọt của buổi chiều xuyên qua cửa sổ. Một người

con gái vừa ra đi để rồi không bao giờ gặp lại. Tất cả chỉ còn lại một cái gì thật mơ hồ, thật xa xôi. Giọng hát từ đâu vọng lại, ta không cần biết nó hay, nó dở thế nào. Nhưng chiều nay, nghe tiếng hát đó, bỗng nghe ta trong ngậm ngùi của nỗi đời ly biệt (nhưng chiều nay giọng hát trầm trầm uể oải và sai giọng ấy, mỗi lần nghe đến là vẫn tưởng như mình đang dự vào buổi chiều cuối cùng của trái đất khi nhân loại bị phóng xạ nguyên tử đang cầu kinh... Vết hằn năm tháng, Tr. 175). Tôi đã đọc câu chuyện Vết hằn năm tháng vào một buổi xế trưa. Những nét mặt quen thuộc của thuở ấu thơ, những nét mặt xa lạ, những cái bắt tay, những buổi họp vừa tan, chỉ còn lại bàn ghế trơ vơ. Ngày đi ; tháng đi và năm

đi. Những tà áo hồng cũng đã xa dần, xa dần... đó là gì ? đó là những vết hằn của tháng năm. Trong đời sống hằng ngày, tôi đã nghe và đã cảm như thế, nhưng tôi chưa có dịp nói được. Tôi đọc Võ Hồng, tôi thấy ông đang nói thay cho mình. Tôi đọc và buồn đến nghẹn thở. Tôi cũng tưởng như mình đang sống trong những ngày cuối cùng của trái đất,

Tác phẩm của Võ Hồng, ta có thể ví như một tấm gương. Trong đó phản chiếu những tâm tư của một đời người, nhất là trong hoàn cảnh đau buồn của Việt Nam hiện nay. Sống và phản ứng lại cuộc sống – đó là tất cả những gì ta bắt gặp nơi Võ Hồng. Những hy vọng, tuyệt vọng, đau khổ, hạnh phúc,

những bất lực của thân phận con người. Một chút xanh mộng nào đó mà ta đang hoài vọng. Vào một đêm mưa, một người con gái đến gõ cửa, nàng kể cho ta nghe một mối tình cảm lặng, người yêu của nàng vừa nằm xuống vĩnh viễn – đang khi đó, ngoài trời những cơn gió đầu mùa thổi đến làm lạnh lòng người. Và làm rụng những lá me bên kia đường. Ta chợt nghe một chút nồng ấm của cuộc đời, một đốm lửa vừa nhóm lên trong đêm mưa lạnh. Cho dù ta vẫn biết, cuộc đời vốn là ảo mộng (từng cơn gió lạnh lùa vào phòng. Nước trên tàn cây me rơi lộp độp xuống mặt đất từng hồi mỗi khi có cơn gió mạnh ào tới. Liên giã từ tôi, và tôi lặng lẽ đưa nàng xuống sân.

Tôi lẩm nhẩm suy nghĩ :

Hãy an nghỉ, Adul Rahim. Hãy ngủ yên giấc ngủ vĩnh cửu của anh. Cải thân tứ đại vốn là giả hợp. Anh đã có lần nói với tôi như vậy và chắc là anh không tiếc. Liên nó đang nghĩ đến anh và nó đang yêu anh đó. Lúc sống, anh không dám hỏi và chắc là nó cũng không trả lời. Nhưng hôm nay anh không còn nữa và do đó nó đang lặng lẽ yêu anh... Bên kia đường, Tr. 48)

Và sống là gì ? Có phải sống vẫn luôn luôn là hoài niệm ? The mission of man on earth is to remember. Sứ mạng của con người trên mặt đất này là hoài niệm Henry Miller đã nói như thế. Mỗi khi ta bắt đầu hoài niệm thì mọi sự đều tiêu tan

hết. Ta không biết đổ ky, không còn hận thù, lòng thương yêu sẽ bắt đầu ngự trị. Bởi vì, khi ấy ta sẽ nhận ra sự phù ảo của kiếp người trên trần gian này. Mọi sự rồi sẽ đi qua, ta bỗng muốn ghì ôm trong tay những mong manh phù ảo ấy, bao nhiêu là kỷ niệm thương yêu thuở nào chợt bay về trong trí nhớ : những người tình, những con đường ta đã đi qua, bây giờ (tâm hồn tôi chợt thấy âm u. Con đường kỷ niệm. Những thôn xóm yên lặng nằm hai bên đường như chưa bao giờ biết đến sự thay đổi. Mái nhà xám đen và vách đất cũng xám đen... Bên kia đường, Tr. 144).

Chuyện Trở về, Võ Hồng đã đưa ta vào những hoài niệm mênh mông của tháng ngày quá khứ ấy.

Ai đã từng sống mà không có quá khứ. Cho dù quá khứ đó có thể im lìm hay xót xa đi nữa. Nhưng tất cả, tất cả đều sẽ làm ta ngậm ngùi. Thời gian vẫn là nỗi ám ảnh đen tối nhất của con người. Chúng ta sống bằng những khoảng thời gian. Sự sống được đánh dấu bằng những lần thay đổi, một nơi chốn mà ta vừa ra đi, bỏ lại những thành phố, những con đường, một người tình đã mất. Có nghĩa gì với khoảng đời trong năm hay mười năm (mười năm là khoảng thời gian đủ để biến đổi một đời người. Từ ngày Bảo mất đi, tôi không muốn trở lại thành phố này. Những con đường, những đời thông sẽ nhắc đến những ngày cũ... Trở về trong Bên Kia Đường Tr. 146) Đó là chuyến trở về của một người, về để làm gì ? Trở về để

hoài niệm. Hoài niệm những tháng ngày quá khứ ấy. Những ngày mà người tình chưa mất. Sự trở về như thế, thật là êm đềm nhưng cũng thật là xót xa (bao nhiêu năm tháng đã trôi qua. Tôi muốn tìm lại một cái gương để soi bóng mình Tôi muốn nhìn lại bóng dáng mình bước những bước cô đơn trên con đường heo hút này... Trở về trong Bên Kia Đường Tr. 147)

Tôi liên tưởng đến chuyện trở về của JeRôm trong La porte Étroite của André Gide. Trong phần cuối của cuốn truyện. Khi Alissa đã mất. Mười năm sau, Jerôm trở về thành phố Provence, nơi em Alissa tức là Juliette đang sống với chồng con ở đấy. Jérôm trở về đến nơi khi (bóng chiều dâng lên bàng bạc,

mọi vật trong phòng mờ dần, và trong bóng đêm như đương cùng nhau sống dậy, và ngậm ngùi kể lại chuyện xưa. Tôi mơ màng thấy lại gian phòng Alissa... Khung cửa hẹp bản dịch của Vân Mồng Tr. 182)

Thời gian với bao nhiêu là thay đổi, bao nhiêu bể dâu đã xảy ra và con người chợt nhìn lại mình, thấy mình đã già đi, năng đã xé... và rồi thời gian đưa đến cái chết. Cái chết là điều khủng khiếp nhất của kiếp người. Hình như, trong đời sống thường nhật, ta đi lui đi tới, ngược xuôi lên xuống, tranh chấp mà quên đi cái chết, quên đi không nghĩ đến hay ta cố làm ngơ. Ta không dám đối mặt thẳng với nó ? Nhưng cuối cùng nó vẫn đến, nó đến sừng sững trước mặt ta. Nếu mỗi phút giây

trong đời sống, ta thường nghĩ đến cái chết, sống với cái chết, ăn ngủ với cái chết, thì chắc chắn mọi sự sẽ không tan hoang như ngày hôm nay. Bởi vì nghĩ đến cái chết, ta sẽ biết thương yêu nhau, thương yêu mọi thảm họa, mọi bi kịch trên trần gian này, ngay đến những gương mặt thù hận cũng sẽ không còn nữa. Ta thù hận. Bởi vì nhiều khi ta cứ ngỡ ta sống đời đời (làm như cuộc đời người dài hằng sáu trăm, bảy trăm lần khoảng thời gian đó... Bên kia đường Tr. 162). Tất cả đều là cuộc chơi trong ván bài của sanh tử. Đứng trước cái chết ta thấy gì (đứng trước cái chết, lòng tự ái không có tiếng nói nữa. Đối với người già từ cuộc sống để ra đi mãi mãi, già từ hết một ghét thương, âu lo mừng giận,

anh thấy lòng thương tràn đầy... Vết Hằn Năm Tháng Tr. 8). Mọi sự đều phải đứng trước cái chết. Mọi tranh đấu khác đều không quan trọng, chỉ có một điều quan trọng duy nhất, đó là cuộc tranh đấu với cái chết. Tranh đấu với cái chết là lúc ta lên đường đi đến sự thất bại lớn lao của cuộc đời (Phú thất bại trong cuộc tranh đấu lớn, cuộc tranh đấu cuối cùng, tranh đấu với cái chết... Vết Hằn Năm Tháng Tr. 68) Truyện Dấu Chân Sa Mạc trong Con Suối Mùa Xuân. Võ Hồng ghi lại đời của một người đàn bà. Cô Ba. Người Đàn Bà ấy đã sống bằng tất cả hung hăng của đời mình : chê bai, thù ghét, gieo rắc bực dọc, hành hạ người khác và tự hành hạ chính mình. Giàu sang nhưng bòn sẻn. Nhưng vào những ngày cuối

đời, khi da đã nhăn, tóc trên đầu đã bạc, thì mọi sự đi đến một cách tang thương, canh bạc đã kết thúc (lối xót thương cho Cô Ba đang đóng vai người bại trận đó, bơ vơ lạc lõng hơn bất cứ người bại trận nào khác, bởi lẽ cô sống cô đơn. Không có ai để thở than sau đó. Không có ai để bàn tính cân nhắc trước đó. Trước mặt, sau lưng, bên phải, bên trái đều là sa mạc.. Dấu Chân Sa Mạc trong Con Suối Mùa Xuân Tr. 165) Con người hung hăng ấy rồi ra cũng phải bại trận. Cuối cùng tìm về một ngôi chùa - điều mà khi còn xuân cô âm ỉ chê bai - về đó, như một con gấu đã hết khí lực (như thế, cô bước đi giữa cuộc đời còn sót lại, lạc lõng mơ hồ như người đi trong giấc mộng. Tất cả đều chập chờn hư ảo. Chặng cuối

cùng của người lực sĩ yếu sức... Dấu Chân Sa Mạc Tr. 169). Con Gấu ấy trở về để làm gì? (con gấu trở về cửa tam quan, cúi nhìn xuống thân phận mình và gối đầu lên cái chết... Dấu Chân Sa Mạc Tr. 167) Đó là một trong những câu văn đã gây xúc động lớn cho tôi. Ta sinh ra đời, sống với nhau, để rồi một ngày nào đó, sẽ cùng nhau rời bỏ trần gian hiu quạnh này.

Phải có một tấm lòng thật bao la và tràn đầy tình thương thì mới viết được những câu chuyện như vậy. Ở đây, ta nên lưu ý đến một điều là, tình thương đối với Võ Hồng (cũng như tất cả những nghệ sĩ nhân bản chân chính khác) không phải phát xuất từ những luân lý. Vì một tình thương như vậy chỉ là hậu quả của

tập quán xã hội. Tình thương ở đây vượt lên trên tất cả, nó nảy nở một cách tự nhiên từ trong trái tim của ta. Tự nhiên, đó là điều khó khăn nhất mà ta phải đạt đến. Nói như Krishnamurti (tình thương tự hiến dâng tràn đầy tựa như đóa hoa hiến dâng hương thơm).

Võ Hồng quê ở Phú Yên, xứ sở của núi non trùng điệp. Quê hương của những người nông dân hiền dã. Quanh năm lận đận với những mảnh khoai trên rừng, những thửa ruộng ngoài đồng. Bầu bạn với cây cóc, cái cà. Lam lũ và cực nhọc vô cùng, nhưng đời sống vẫn bao hàm trong cái thơ mộng nguyên thủy của dòng quê. Chỉ có những ai đã sinh ra và lớn lên ở những nơi khô cằn Miền Trung thì mới thấy

được cái thơ mộng này : (ở đây tất cả đều trầm mặc, trang nghiêm. Rừng già màu xanh tối; đứng bao vây những sườn núi an phận. Rẫy lúa, rẫy bắp, đất thổ trồng đậu xanh đậu phụng. Con trâu, con bò. Suối nước chảy qua khe đá, con chim hót trên cành. Và linh hồn của cả cái cảnh hoang sơ này là sự yên lặng rộng lớn bao trùm từ khoảng cao đến miền xa... Con Suối Mùa Xuân Tr. 137).

Có lẽ từ một quê hương như thế ; Võ Hồng mới đủ chất để viết những câu truyện về quê hương một cách tuyệt vời. Như truyện Tình Yêu Đất chẳng hạn. Đọc Tình yêu đất để ta thấy lại cái gì chất phác, hiền dã của người nông dân Việt Nam. Đó vẫn là điều khó khăn

đối với những con người thành phố hôm nay, xung quanh chỉ thấy những tòa nhà đồ sộ, những công viên, những quán cà phê đèn xanh đèn đỏ, mà quên đi đời sống kia. Ta có thể quả quyết rằng, đời sống nông dân Việt Nam đúng nghĩa, là đời sống thơ mộng nhất thế giới còn gì thơ mộng hơn khi cuộc đất mà vẫn nghe được tiếng chim sơn ca rung rinh trên tầng cao, suối chảy róc rách quanh vườn. Lão Túc trong Tình Yêu Đất đã tóm thâu tất cả những thơ mộng ấy. Mọi sự đều phản bội Lão, đứa con duy nhất cũng bỏ Lão mà đi, người vợ thì luôn luôn hiếp đáp Lão. Lão còn lại chỉ có mảnh đất. Lão sống với mảnh đất đó, bởi vậy (Lão thương đất như thương con, như thương chính da thịt mình). Suốt đời Lão

chỉ cò có mảnh đất, bởi đất không gian đối như lòng người (đất không phản bội người, chỉ có người mới phản bội đất. Người giậm chân nguyên rửa rồi bỏ đi. Đất vẫn ở lại; nhẫn nại trung thành. Khi người về, người cứ tưới mồ hôi xuống là đất lại nảy ra lá xanh, đơm hoa, kết quả). Đời sống của Lão Túc cũng được kết thúc trên mảnh đất của Lão. Một bữa đi ra đám đất, một con rắn từ trong bụi rậm trườn ra và cắn Lão chết. Cho đến khi chết mà lão vẫn còn ám ảnh đất, miệng vẫn thì thào : Miếng Đất Gò Đình.

Tác phẩm của Võ Hồng thật nhiều và quá nhiều khía cạnh. Tôi chỉ nhìn một khía cạnh nào đó thôi, như đã thấy ở trên.

Hồi còn ở Nha Trang, cũng như bây giờ mỗi khi có dịp về thành phố ấy, tôi thường ghé lại thăm ông. Đời sống của ông lúc nào cũng hiu quạnh, nhưng ông bảo là có sống như thế, sáng tác mới là một điều cần thiết, để làm vui đi phần nào nỗi buồn trên. Ở đời mọi sự đều phù ảo, bởi vậy sáng tác cũng là một cách đùa rỡ với cái phù ảo ấy. Tôi đã có lần nghe ông nói như vậy. Và tôi tin chắc rằng ông còn tiếp tục đùa rỡ hơn nữa trong nỗi đời hiu quạnh còn lại của ông.

Trần Hữu Cư

## CHÂU HẢI KỲ

### Khía Cạnh Giáo Dục Trong Tác Phẩm Của Võ Hồng

**N**ói đến khía cạnh giáo dục của một tác phẩm, ngoài yếu tố hình thức, là phải nói đến khía cạnh hướng dẫn người đọc, nhất là hướng dẫn giáo dục giới trẻ. Bốn phận chính của nhà giáo là “tạo dựng những hoàn cảnh thuận tiện cho trẻ được lành mạnh thể

xác, tâm trí và linh hồn” [UNESCO Paris 1955]. Hằng ngày tiếp xúc với trẻ, nhà giáo được nhiều cơ hội uốn nắn, tập luyện trẻ, đưa trẻ đến chỗ đạt cho được cứu cánh là trở thành một người có nhân cách, thỏa mãn được các nhu cầu căn bản và được hưởng hạnh phúc ở đời.

Rộng hơn địa hạt của nhà giáo, nhà văn có một môi trường khá bao quát, nghĩa là mỗi tác phẩm đóng cái vai trò một “hướng dẫn viên”, một “nhà giáo dục” có nhiệm vụ truyền bá kiến thức, đào tạo tâm hồn, phát triển tình cảm, giúp đỡ chọn lựa hành động thích nghi với hoàn cảnh hợp với khả năng sở thích riêng tư tức là hướng dẫn cho sự phát triển toàn bộ của giới người đọc theo thực trạng xã hội.

Về điều này tác phẩm của Võ Hồng không đưa người đọc vào chỗ “đồng lõa”, mà đem lại niềm hứng thú, lạc quan, tin tưởng ở khả năng của con người, của dân tộc, đúng như nhận xét của Thanh Tâm Tuyền “nếu đã đọc dù chỉ là một đoạn ngắn của Người về đầu non, anh sẽ được nghe một cái giọng hồn hậu dí dỏm và nếu anh thấy như tôi trong cơn khủng hoảng thần trí, cần nghe một giọng thân trò truyện, anh sẽ gặp lại được những buổi sáng, những buổi chiều, những đêm tối vẫn còn đó<sup>9</sup>, ở những nét khả ái thuần túy Việt Nam về mặt diễn tả ý tưởng cũng như ngôn từ, đặc biệt là trên khía cạnh ảnh hưởng các tác phẩm trong sứ mạng rèn luyện nhân cách. Những tác phẩm

<sup>9</sup> Tiền Tuyến số 830 ngày 15-5-1968.

của ông, bằng giọng điệu và cung cách của một “nhà giáo nghệ sĩ”, đã không xa lìa thực tế Việt Nam khi đưa ra những vấn đề rất tế nhị trong mục đích hướng dẫn bằng lời tình tự mà không gây chấn động cảm xúc hoặc kiêu ngoa hoặc mặc cảm sâu xa cho người đọc. Ở ông, chúng ta thường thấy nổi bật điểm : tình thương là sự trao đổi tương ứng giữa những người sống trong xã hội cũng như giữa đám học trò trong lớp, trong trường. Cho nên vấn đề đào tạo nhân cách là một đặc điểm thích hợp với đường hướng giáo dục, đã thể hiện qua các nhân vật trong tác phẩm của ông mà chúng ta ít người nhận ra. Hình ảnh một ông bác, đại diện cho thế hệ nền nếp theo truyền thống của tổ tiên trong “Người về

đầu non” là tiêu biểu cho cái nhân cách chung hậu gắn liền với thôn xóm quê hương rất chân thành, rất tha thiết, cũng như một Luân, một Quý của lớp thị dân trí thức trung lưu thành phố trong “Như cánh chim bay” là hình ảnh của sự chọn lựa một con đường không đi ngược với lý trí, với lẽ phải trong cái thế chứng nhân của thời cuộc, hay như một Đỗ Cúc, một Doãn, một Năm Nhiều trong “Vết hằn năm tháng” thà cam chịu cảnh âu lo khác khoải, sống tầm thường mà vẫn tin yêu, khuôn thước là thể hiện cho cái nhân phẩm của những mẫu nông dân chân thực thuần phác trong mọi sinh hoạt thường nhật v.v... (kể làm sao cho hết !).

Điều thứ hai là đặc điểm hòa đồng lý tưởng giáo dục công đồng : Sống trong giai đoạn vài chục năm gần đây, người viết văn không thể không đả động tới thời cuộc, chẳng hạn có một lúc phần lớn các sáng tác phẩm đều nói đến chiến tranh, hậu quả của chiến tranh, rồi tùy thái độ và chủ đích tốt, xấu của người viết, mà, hoặc nguyên rủa, hoặc gây hận thù bằng những lời lẽ bi thảm, thô thiết rũ rượi, hay gay gắt, quyết liệt độc ác. Dĩ nhiên tác phẩm của Võ Hồng cũng không ngoài vòng “quĩ đạo” đề tài thời đại kia, nhưng dù là nhắc lại chuyện dĩ vãng hay đương thời với tỉnh cách thời sự nóng bỏng, đi nữa, ông cũng luôn luôn giữ được sự bình tĩnh khách quan. Chúng ta thường thấy ông nghiêng nhiều về

khía cạnh tốt của tâm địa nhân vật và không nhằm gây giận hờn, thù oán, ghét hận (dĩ nhiên là khi trình bày tâm lý không thể không nói đến bề trái xấu xa của người mình tả, song về điểm này ông không cố ý khai thác mà thường bằng cái giọng hiền lành, dí dỏm đem lại cho người lòng thương hại, nụ cười hơn là tức khí ghét bỏ). Có lẽ bởi ông là nhà giáo, quen với thói hư tật xấu của học sinh rồi, cho nên không khó tính. Nhân cách là yếu tố hàng đầu của một giáo chức tốt, nghiêm trang nhưng không cô lập mà cởi mở, ngọt ngào, sẵn sàng tiếp xúc với mọi người chung quanh một cách dễ dàng vui vẻ, có lòng yêu mến thật sự và vị tha học trò mình. Và tính chất này hiện rõ trong hầu hết tác phẩm của ông. Do

đó mà khi đọc ông, người đọc đẹp được tính ích kỷ cá nhân để sống chung hòa hợp thuận thảo với kẻ khác, tập được tính khoan dung và biết cộng tác với người trong xóm làng, khu phố trong tinh thần đoàn kết... “sở dĩ tôi nói như vậy là vì hơn ai hết, Võ Hồng là một nhà văn giàu tình cảm nhân đạo<sup>10</sup>...”

Ở vào thời buổi mà tinh thần người đọc sa sút, thụt lùi một cách thảm hại, chỉ muốn được coi phim chưởng, đọc tiểu thuyết kiếm hiệp và trong khi vô số tác phẩm chỉ nhằm phơi bày những thứ thấp kém bằng một nội dung đồi bại thì Võ Hồng không chạy theo sự thoái bộ của đại chúng. Tác phẩm của ông cũng có nói đến ái tình, đến

---

<sup>10</sup> Nguyễn Nguyễn (Tin Sách tháng 2-1966).

yêu đương, nhưng không quá sướt mướt, quá lãng mạn đến chỗ nham nhở, số sàng, kêu gọi, kích thích dẫn dắt người đọc mộng mơ rồi sa ngã. Các khía cạnh tình cảm nơi các nhân vật của ông phần nhiều đều tự nhiên, nhẹ nhàng, tình tứ và thân mật cốt gây tình thương yêu và mối thông cảm bằng sự việc thiết thực sống động cụ thể, bằng những cảm xúc chân thật mạnh mẽ khiến người đọc cảm tưởng rằng tác giả đã có liên hệ mật thiết với xã hội đang tả, tôi muốn nói cụ thể ra như vậy mà không lặp lại cái danh từ “nhân bản” mà bao nhiêu người phê bình đã nhận xét ca tụng về ông. Vậy thì về khía cạnh này, tại sao chúng ta lại không coi đó cũng là một đường lối sáng tác

trong mục đích giáo huấn của ông?

Nhà văn có khác gì nhà giáo đâu ? Nhà giáo giảng bài, học sinh trực tiếp nghe lời dạy dỗ của thầy, thì nhà văn cũng giữ một vai trò giáo dục quần chúng, cải tiến xã hội, giúp cho quần chúng độc giả giải quyết mọi vấn đề cấp thiết liên quan đến họ, trau giồi cho họ tư tưởng lẫn tình cảm không bằng đường lối đứng trước họ nói ngay cho họ nghe mà bằng văn tự qua tác phẩm của mình. Với nhiệm vụ tạo cho quốc gia những mẫu người tốt cho thế hệ mai sau, nhà văn không thể chỉ nhằm khai thác những thói tha, tệ hại, những câu chuyện lâm ly thâm thúy, hay tĩ mĩ phân tích vào các phần sâu thẳm trong tâm lý con người để cốt quyển rũ hay vô

tình đưa giới người đọc đi tìm thỏa mãn trong sự đồng lõa với những bề trái xấu xa đầy mâu thuẫn trong các tác phẩm có tính chất đầu độc cả một thế hệ hơn là có lợi trong việc tạo một mẫu người mai sau cho cộng đồng quốc gia dân tộc. Ở những tác phẩm của Võ Hồng, ông không phân tích con người ra từng kẻ tóc chân tơ, không chú tâm mô tả những thói đời đen bạc, những hành động khiêu dâm đạo đức giả, những mạo hiểm liều lĩnh vô nghĩa, mà người đọc bắt gặp được những khuôn mặt khăng khít với xứ sở quê hương, biết yêu gia đình cha con, vợ chồng, bè bạn, nhân hậu trong nếp sống giản dị và tâm lý bình thường hồn nhiên.

Chính chỗ này mà con người

thời nay - bận rộn với bao nhiêu thứ, nào tình thế biến chuyển, sinh hoạt cao, đời sống đắt đỏ khó khăn, nào thuế má, nào lính tráng, biệt ly, chết chóc v.v... đâu còn thì giờ và bình tĩnh mà trầm tư để tìm hiểu lòng mình chớ đừng nói đến tâm lý người, sinh ra dễ dãi để dễ bắt gặp ở những nhân vật trong tác phẩm của Võ Hồng những người bạn hiền lành xuề xòa, bình dị, đồng hội đồng thuyền như mình, do đó họ dễ cảm thông với những người trong truyện.

Nhà văn có lương tâm, chẳng khác nhà giáo tốt tận tụy với nghề nghiệp, phải ý thức rằng tác phẩm của mình ảnh hưởng đến người đọc, giúp người đọc quên được thực tại buồn khổ, cải tiến được

nếp sống, vạch cho họ rõ khía cạnh văn minh của mỗi thời mỗi nơi, đóng cái vai trò liên lạc cho các thế hệ bằng những câu tâm tình, những câu chuyện kể hay vẽ lại hình ảnh bằng chữ viết, lời văn cũng như thầy giáo đem lại hiểu biết, mở mắt, cho đám học trò của mình. Tác phẩm của Võ Hồng như “Người về Dầu Non”, “Hoa Bướm Bướm”, “Như Cánh Chim Bay” ... đã giữ được cái vai trò làm môi giới giáo dục truyền thông kiến thức thuật lại cho thế hệ trẻ những sự việc xảy ra, những hình thức văn minh truyền thống của thời thuộc thế hệ ông. Những sự kiện trên chẳng đã mang một tính chất giáo dục mà khi viết lẽ nào tác giả không nhắm vào trọng tâm này làm một chủ đích của ông?

Điều thứ ba là cái không khí học đường với những hình ảnh của mái trường, lớp học, sân chơi, thầy giáo và học trò thường được dùng làm chất liệu trong nhiều tác phẩm của ông cùng những kỷ niệm của buổi ấu thơ ngây ngô chất phác mà hồn nhiên, thơ dại, quê mùa mà đôn hậu đưa người đọc lâu lâu trở lại gần gũi với khung cảnh giáo dục, nó nhắc nhở người lớn nhớ lại thời dĩ vãng xa xôi, còn trẻ nhỏ học sinh thì hớn hở như bắt gặp được cảnh quen thuộc có người bạn mới quen mà như tri kỷ từ đã lâu rồi, do đó mà cảm thấy mình thêm liên hệ, thêm gắn bó với thế giới học đường..

Chỉ khung cảnh đó thôi cũng là mảnh đất tốt rất thuận lợi cho việc

gieo mầm giáo dục mà đọc đến làm sao khỏi có những ấn tượng tốt đẹp, chớ đừng nói đến ảnh hưởng sâu xa như đã trình bày ở trên. Vậy thì tại sao lại không thể cho rằng tạo khung cảnh giáo dục cũng là một đường lối xây dựng con người ? Bởi thế điểm này không thể không coi là một khía cạnh giáo dục nổi bật trong tác phẩm của ông được.

Ngoài cái khung cảnh học đường, một số những sáng tác của ông mô tả tình yêu thương trong gia đình, nỗi nhớ khôn nguôi của lũ trẻ mất mẹ, tình ràng buộc giữa anh chị em trong tuổi ấu thơ. Những tập truyện nhỏ như “Áo Em Cài Hoa Trắng”, “Trận Đòn Hứa Giải”, v.v... được học sinh các lớp trung học làm bài trần thuyết chính

là những tấm gương giáo dục tốt có tác dụng giáo dục tình cảm gia đình nơi tâm hồn của chúng.

Điều thứ tư là tính chất khôi hài trong nghệ thuật hướng dẫn quần chúng : Nhiều nhà phê bình cũng có nói đến “nụ cười” trong tác phẩm của ông, nhưng chỉ nói về điểm đem lại sự duyên dáng cho đoạn văn mà không nói đến chỗ nụ cười của Võ Hồng chẳng những thể hiện cá tính của ông mà còn là do cái thói quen của một người đã sống trong nghề giáo lâu năm đã rành nghệ thuật lôi cuốn hướng dẫn học trò, vì thế cái cười trong tác phẩm của ông là một đặc tánh của nghệ thuật diễn đạt của ông cũng như một phương thức trong nghệ thuật dạy học vậy. Tính khôi hài là một

đức tính cần thiết và hữu ích cho một nhà giáo, nó có tác động hòa hợp tình thân thiện giữa thầy trò với nhau khiến cho lớp học được linh hoạt, vui tươi, thích thú. Viết một tác phẩm tức là tạo một cuộc sống tập thể mà tác giả là ông thầy giúp cho cái tập thể đó sống chung đoàn kết với nhau, theo đuổi mục đích đến kỳ cùng một cách hứng thú bằng cách lồng vào vài chỗ pha trò ý nhị để tỏ rằng mình cũng biết cười giỡn chứ không quá nghiêm nghị dễ sinh ra buồn tẻ. Nụ cười rải rác trong tác phẩm của Võ Hồng đã tạo nên cái không khí thông cảm và cộng tác này làm cho người đọc không xa ông mà cảm tình với ông và nghe ông. Cho nên nhờ nụ cười - nụ cười của nhà giáo rành nghề biết sử dụng đúng lúc, lớp học trở

nên vui vẻ, hứng thú : chọc cười nhiều lắm - lớp học trở thành hỗn độn mất trật tự mà ông không “cô đơn”, trái lại gần gũi với mọi giới, chia sẻ niềm buồn vui với họ và gây cho họ những tình cảm cao thượng giúp họ thêm hăng hái, lướt qua được mọi khó khăn bất trắc ở đời. Vậy chúng ta chẳng đã tìm nữa ở cái cười trong tác phẩm ông một khía cạnh giáo dục quần chúng là gì ?

Đọc tác phẩm của ông, chúng ta thấy ông không viết cho một số người lãng mạn, phục vụ cho họ những thú tính mà viết cho quảng đại quần chúng. Bởi thế ông rất thành thực trong sự ghi chép lại đúng những sự xảy ra chung quanh mình với tấm lòng thông cảm và với

thiện chí hướng dẫn người đọc. Và chính điểm này mới là điểm quan trọng trong phương châm giáo dục mà sự sẵn đón niềm nở những tác phẩm của ông của mọi giới người đọc, nhất là giới học đường, chứng tỏ sự thành công của ông.

Châu Hải Kỳ

## **Sinh Hoạt Văn Nghệ**

### **Ngành mỹ thuật tạo hình**

Một cái ly cổ đời Minh của Trung Hoa đã được bán tại Luân Đôn với giá 72.000 mỹ kim vào đầu năm 73 thì sau đó đã lên đến giá 456.000 MK (khoảng 255.360.000đ VN) nhưng ngành mỹ thuật hiện đại có khi còn cao giá hơn. Úc Đại Lợi đã trả giá đến 2 triệu MK để mua một tác phẩm trừu tượng độc đáo của họa sĩ Hoa Kỳ Jackson Pollock tác phẩm nhan đề “Blue Poles”.

Các họa sĩ và điêu khắc gia Hoa Kỳ được xem như những kiện tướng của ngành hội họa và điêu khắc hiện đại với các tên tuổi như Kooning Ellsworth Kelly, Kenneth Noland, Roy Lichtenstein và Frank Stella. Có khuynh hướng chú ý đặc biệt đến chân dung con người với Andrew Wyeth thực hiện loạt tranh khỏa thân đầu tiên.

Ở Âu châu thì điêu khắc gia người Đức Joseph Beuys tiếp tục tạo ảnh hưởng của mình. Cuộc triển lãm tác phẩm của các nhà tiên phong trong ngành điêu khắc hiện đại tại Luân Đôn năm 1973 với các tên tuổi Epstein, Brancusi, Duchamp... nói lên các khuynh hướng hiện đại. Sau cái chết của nhà danh họa Picasso (96 tuổi), tác

phẩm Femme Cassise của ông đã lên đến giá kỷ lục 816.000 mỹ kim (khoảng 456.960.000đ Việt Nam)

## Sân khấu

Tại Hoa kỳ, Broadway từ lâu nay vẫn làm mưa làm gió trong nền kịch nghệ toàn quốc, nhưng ảnh hưởng đó đang bắt đầu mờ nhạt. Trên thế giới ngày nay đang có phong trào chuyển các sinh hoạt sân khấu từ thủ đô về các tỉnh lẻ.

Tại Hoa Kỳ năm 73 vừa qua đã thấy rõ rệt điều đó. Kịch đã được đem tới quảng đại quần chúng bởi các đoàn kịch địa phương mọc lên và hoạt động kết quả.

Tại Anh cũng vậy. Sự thống trị

của sân khấu “London’s West End” đã sút giảm và trên 70 đoàn kịch nhỏ đã hoạt động ở khắp Anh quốc, ở Đức, ở Nhật cũng có tình trạng đó. Tại Pháp Eugene Ionesco cho ra mắt một kịch phẩm mới “This Extraordinary Bordello”.

## Văn chương

Các vấn đề có tính cách xã hội đã ngự trị trong phần lớn các tác phẩm văn chương hoàn cầu. Tại Mỹ các chủ đề về người Da đỏ, về các công tác lao động, về sự trỗi dậy trong ý thức và về đàn bà được nói đến nhiều. Những nhà văn nữ chứng tỏ rất có phong độ ở nhiều nơi trên thế giới. Ở Mỹ có Joyce Carol Oates với tiểu thuyết “Do

ruith me What You Will”. Erica Jong với “Fear of Flying”. Ở Nhật có 2 nữ sĩ Michiko Yamamoto và Shi-zuko Go đoạt giải văn chương Akutagawa về tiểu thuyết. Ở Anh quốc thì có nữ sĩ Doris Lessing với tác phẩm “The Summer Before the Dark”.

Ở Mỹ 1 tác phẩm đượm màu sắc biểu hiện và rắc rối “Gravity’s Rainbow” của Thomas Pynchon được khen ngợi. Ở Pháp quyển tiểu thuyết đầu tiên của Ionesco “Le Solitaire” và cuốn “Le Jeu Souterrain” của Françoise Mallet Joris rất được hoan nghênh. Tại Ý có tác phẩm “Il Mare Verticale” của Giorgio Saviane được nhiệt liệt ca ngợi.

Ở Đức 73 là năm oanh liệt của Hitler với nhiều tác phẩm tiểu thuyết hồi ký nhận định về nhà độc tài quá cố này.

Cũng ghi nhận cái chết của thi hào Chí Lợi từng đoạt giải Nobel văn chương, Pablo Neruda. Ông đã viết xong thiên hồi ký trước khi nằm xuống.

Ở Á Căn Đình, tác phẩm “Libro de Manuel” của Julio Cortázar nói về những cuộc tranh đấu chống bất công áp bức tại Châu Mỹ La Tinh được chú ý đặc biệt.

Ở Nigeria Phi Châu kịch tác gia kiêm tiểu thuyết gia Wole Soyinka từng bị tù về ủng hộ cuộc nổi dậy của người Biafra đã viết “The man Died” hồi ký trong tù. Nhà văn

Chinu Achebe thuộc bộ lạc Ibo đã viết lại thảm kịch Biafra trong tuyển tập “Girls at war”.

Tại Úc châu, Patrick White, nhà văn Úc đầu tiên đoạt giải Nobel văn chương.

Một chuyện đáng ghi nhận là tác phẩm “The Gulag Archipelajo” thiên bút ký và chế độ lao tù tại Nga thời Staline của Solzhenitsyn được xuất bản tại Pháp đã gây chấn động trong giới văn học khắp thế giới.

## HỘP THƯ

- Vũ Mậu (?). Đã đọc sáng tác của anh. Bài ấy không đi được.

- LH. (Sài-gòn). Tôi không được rõ lắm về nhà A.T. mà ông hỏi. Chúng tôi cũng chẳng rõ NĐS CO phải là giáo sư Triết hay không nữa. Đề nghị của ông hay lắm nhưng có lẽ chưa thực hiện được lúc này.

- Hàn Dã Thảo (Pleiku), Nguyễn Văn Long (Bảo Lộc). Rất cảm ơn các anh. Những bài thơ của các anh đã đến đầy đủ.

- Nhược Thủy (L.V.D., Sài-gòn). Thăm cậu và chúc cậu nhiều sức khoẻ.

- Nguyễn Kim Chi (Đà Lạt).  
Thưa ông, vấn đề giấy hiện nay là một trong những trở ngại lớn của chúng tôi. Mong ông thông cảm.

- Hải Yến (KBC. 4207). Truyện ngắn ấy không đi được Cám ơn sự cộng tác của anh.

- Nguyễn Hồ Trường (Ban Me Thuột). Hoan nghênh sự cộng tác quý báu của anh. Đang đọc mấy bài thơ của anh. ?

- Anh Lê Miên Trường (Bla). Rất tiếc không thể phổ biến bài nhân tin của anh trên Văn được. Mong anh hiểu.

- Ông Đàm Quang Hiền (Phan Thiết). Chúng tôi sẽ chuyển thư của ông cho thi sĩ V.H.C. Tin ông rõ.

- Anh Vũ Hữu Định. Nhuận bút và báo của anh, chúng tôi đã gửi qua anh Võ Chân Cửu. Mong anh đã nhận được. Thăm anh.

- Cao Văn Nguyên Tri (Qui Nhơn). Truyện của anh sôi nổi lắm. Có lẽ sẽ không chạy được. Tin anh rõ. Thăm anh.

- Trần Đức Oanh. Bao giờ có dịp ngang qua 38 Phạm Ngũ Lão (chiều) cứ ghé vào chơi. Ngại gì ? Nghe.

- Tô Đình Nghĩa (Gia Định). Có nhận được thư và thơ của cậu. Những số Văn cậu hỏi đã hết. Nhưng theo tôi cậu có thể hỏi mua được ở nhà sách Khai Trí. Còn 2 cuốn KTB của NCH và KVTT của

VE, tôi không rõ. Có lẽ chưa tái bản ở miền Nam Thăm cậu.

– Vũ Hữu Định. Bất khả trong hoàn cảnh hiện nay. (TTT)



